



CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI  
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO

## BẢN TIN ĐIỆN TỬ

CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI  
CHO CÁC DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU VIỆT NAM  
TRONG BỐI CẢNH THỰC THI HIỆP ĐỊNH CPTPP

Số 1 - Năm 2025



# MỤC LỤC

1– Quy định về điều tra/áp dụng biện pháp chống bán phá giá trong Hiệp định CPTPP.....	3
2– Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Úc.....	14
3– Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Mexico.....	22
4– Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Canada.....	31
5– Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Malaysia.....	41
6– Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của New Zealand.....	50
7- Phân tích một số sản phẩm có nguy cơ bị điều tra CBPG tại thị trường các nước thành viên CPTPP.....	56
8- Phân tích một số vụ việc điều tra CBPG điển hình của các nước thành viên CPTPP với Việt Nam.....	63
9- Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cần làm gì khi đối mặt với vụ việc điều tra CBPG của các quốc gia CPTPP.....	69
10- Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội và cơ quan nhà nước.....	73

## Quy định về điều tra/áp dụng biện pháp chống bán phá giá trong Hiệp định CPTPP

**T**rong bối cảnh toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại ngày càng sâu rộng, các biện pháp phòng vệ thương mại, trong đó có biện pháp chống bán phá giá, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh không lành mạnh từ hàng hóa nhập khẩu. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) là một hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, có phạm vi điều chỉnh rộng, tiêu chuẩn cao và mức độ cam kết sâu hơn so với nhiều hiệp định thương mại truyền thống. Một trong những nội dung đáng chú ý của CPTPP là các quy định liên quan đến biện pháp chống bán phá giá, bao gồm điều tra và áp dụng biện pháp này.

### 1. Cơ sở pháp lý của biện pháp chống bán phá giá trong CPTPP

Biện pháp chống bán phá giá trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được xây dựng

trên cơ sở kế thừa trực tiếp các quy định của hệ thống thương mại đa biên, đặc biệt là Hiệp định Chống bán phá giá của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO Anti-Dumping Agreement – ADA). CPTPP không thiết lập một khuôn khổ pháp lý mới, tách rời hay thay thế các quy định của WTO về chống bán phá giá, mà khẳng định rõ ràng quyền và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong việc tiếp tục áp dụng đầy đủ và nhất quán các cam kết theo WTO. Cách tiếp cận này phản ánh quan điểm xuyên suốt của CPTPP trong việc củng cố vai trò trung tâm của WTO trong điều chỉnh thương mại quốc tế, đồng thời nâng cao tiêu chuẩn thực thi các quy định hiện hành trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực sâu rộng và tiêu chuẩn cao.

Về bản chất pháp lý, CPTPP thừa nhận quyền của mỗi quốc gia thành viên được tiến hành điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước hành vi bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu, với điều kiện việc áp dụng biện pháp đó phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chí và thủ tục do WTO ADA quy định. Theo đó, các yếu tố cấu thành bắt buộc của một vụ việc chống bán phá giá – bao gồm việc xác định hành vi bán phá giá thông qua so sánh giá xuất khẩu và giá trị thông thường, xác định thiệt hại đáng kể



hoặc nguy cơ gây thiệt hại đáng kể đối với ngành sản xuất trong nước, cũng như việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá và thiệt hại – đều được áp dụng thống nhất theo chuẩn mực của WTO. CPTPP không làm thay đổi nội dung cốt lõi của các yếu tố này, qua đó bảo đảm tính nhất quán và dự đoán được của pháp luật chống bán phá giá quốc tế.

Tuy nhiên, trên nền tảng các quy định của WTO, CPTPP bổ sung và nhấn mạnh một số yêu cầu mang tính tiến bộ, đặc biệt liên quan đến minh bạch hóa, thủ tục tố tụng và trách nhiệm giải trình của cơ quan điều tra. Hiệp định yêu cầu các quốc gia thành viên công khai hệ thống pháp luật, quy trình và thông lệ điều tra chống bán phá giá của mình; đồng thời bảo đảm các bên liên quan, nhất là nhà sản xuất và xuất khẩu của nước bị điều tra, có cơ hội hợp lý để tiếp cận thông tin, trình bày quan điểm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong suốt quá trình điều tra. Các nghĩa vụ này không chỉ góp phần nâng cao tính công bằng và khách quan của quá trình điều tra, mà còn hạn chế nguy cơ lạm dụng biện pháp chống bán phá giá như một công cụ bảo hộ trá hình.

Trong cấu trúc của CPTPP, các quy định về chống bán phá giá được đặt trong Chương về Phòng vệ thương mại, cùng với các quy định về biện pháp tự vệ và chống trợ cấp. Việc sắp xếp này cho thấy cách tiếp cận tổng thể của CPTPP đối với các công cụ phòng vệ thương mại hợp pháp, trong đó chống bán phá giá được coi là một ngoại lệ

cần thiết đối với nguyên tắc tự do hóa thương mại, nhưng phải được áp dụng một cách thận trọng và có kiểm soát. CPTPP không áp đặt các hạn chế mới về quyền khởi xướng hay áp dụng biện pháp chống bán phá giá của các thành viên, song thông qua các cam kết về minh bạch, tham vấn và giải thích quyết định, hiệp định hướng tới việc nâng cao kỷ luật trong việc sử dụng công cụ này.

Như vậy, có thể khẳng định rằng cơ sở pháp lý của biện pháp chống bán phá giá trong CPTPP mang tính chất kế thừa và bổ sung: kế thừa các nguyên tắc và quy định nền tảng của WTO ADA nhằm bảo đảm tính thống nhất của luật thương mại quốc tế, đồng thời bổ sung các yêu cầu thủ tục và quản trị mang tính tiến bộ nhằm nâng cao chất lượng thực thi. Đây là đặc trưng điển hình của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó trọng tâm không nằm ở việc xây dựng những quy phạm hoàn toàn mới, mà ở việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp lý hiện hành.

## **2. Cơ sở pháp lý của biện pháp chống bán phá giá trong CPTPP**

Biện pháp chống bán phá giá trong Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) được xây dựng trên cơ sở kế thừa trực tiếp các quy định của hệ thống thương mại đa biên, đặc biệt là Hiệp định Chống bán phá giá của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO Anti-Dumping Agreement – ADA). CPTPP không thiết lập

một khuôn khổ pháp lý mới, tách rời hay thay thế các quy định của WTO về chống bán phá giá, mà khẳng định rõ ràng quyền và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong việc tiếp tục áp dụng đầy đủ và nhất quán các cam kết theo WTO. Cách tiếp cận này phản ánh quan điểm xuyên suốt của CPTPP trong việc củng cố vai trò trung tâm của WTO trong điều chỉnh thương mại quốc tế, đồng thời nâng cao tiêu chuẩn thực thi các quy định hiện hành trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực sâu rộng và tiêu chuẩn cao.

Về bản chất pháp lý, CPTPP thừa nhận quyền của mỗi quốc gia thành viên được tiến hành điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước hành vi bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu, với điều kiện việc áp dụng biện pháp đó phải tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chí và thủ tục do WTO ADA quy định.

Theo đó, các yếu tố cấu thành bắt buộc của một vụ việc chống bán phá giá – bao gồm việc xác định hành vi bán phá giá thông qua so sánh giá xuất khẩu và giá trị thông thường, xác định thiệt hại đáng kể hoặc nguy cơ gây thiệt hại đáng kể đối với ngành sản xuất trong nước, cũng như việc chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá và thiệt hại – đều được áp dụng thống nhất theo chuẩn mực của WTO. CPTPP không làm thay đổi nội dung cốt lõi của các yếu tố này, qua đó bảo đảm tính nhất quán và dự đoán được của pháp

luật chống bán phá giá quốc tế.

Tuy nhiên, trên nền tảng các quy định của WTO, CPTPP bổ sung và nhấn mạnh một số yêu cầu mang tính tiến bộ, đặc biệt liên quan đến minh bạch hóa, thủ tục tố tụng và trách nhiệm giải trình của cơ quan điều tra.

Hiệp định yêu cầu các quốc gia thành viên công khai hệ thống pháp luật, quy trình và thông lệ điều tra chống bán phá giá của mình; đồng thời bảo đảm các bên liên quan, nhất là nhà sản xuất và xuất khẩu của nước bị điều tra, có cơ hội hợp lý để tiếp cận thông tin, trình bày quan điểm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong suốt quá trình điều tra. Các nghĩa vụ này không chỉ góp phần nâng cao tính công bằng và khách quan của quá trình điều tra, mà còn hạn chế nguy cơ lạm dụng biện pháp chống bán phá giá như một công cụ bảo hộ trá hình.

Trong cấu trúc của CPTPP, các quy định về chống bán phá giá được đặt trong Chương về Phòng vệ thương mại, cùng với các quy định về biện pháp tự vệ và chống trợ cấp. Việc sắp xếp này cho thấy cách tiếp cận tổng thể của CPTPP đối với các công cụ phòng vệ thương mại hợp pháp, trong đó chống bán phá giá được coi là một ngoại lệ cần thiết đối với nguyên tắc tự do hóa thương mại, nhưng phải được áp dụng một cách thận trọng và có kiểm soát.

CPTPP không áp đặt các hạn chế mới về quyền khởi xướng hay áp dụng biện pháp chống bán phá giá của các thành viên, song thông qua các cam kết về minh bạch, tham

vấn và giải thích quyết định, hiệp định hướng tới việc nâng cao kỷ luật trong việc sử dụng công cụ này.

Như vậy, có thể khẳng định rằng cơ sở pháp lý của biện pháp chống bán phá giá trong CPTPP mang tính chất kế thừa và bổ sung: kế thừa các nguyên tắc và quy định nền tảng của WTO ADA nhằm bảo đảm tính thống nhất của luật thương mại quốc tế, đồng thời bổ sung các yêu cầu thủ tục và quản trị mang tính tiến bộ nhằm nâng cao chất lượng thực thi. Đây là đặc trưng điển hình của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó trọng tâm không nằm ở việc xây dựng những quy phạm hoàn toàn mới, mà ở việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định pháp lý hiện hành.

### 3. Nguyên tắc chung trong điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá

Trong khuôn khổ Hiệp định CPTPP, việc điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá phải tuân thủ một hệ thống các nguyên tắc chung nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa quyền bảo vệ ngành sản xuất trong nước của quốc gia nhập khẩu và nghĩa vụ duy trì môi trường thương mại tự do, công bằng và có thể dự đoán được. Các nguyên tắc này về cơ bản kế thừa từ Hiệp định Chống bán phá giá của WTO, đồng thời được CPTPP nhấn mạnh và cụ thể hóa hơn thông qua các yêu cầu về minh bạch, công bằng thủ tục và trách nhiệm giải trình.

Trước hết, nguyên tắc minh bạch giữ vai trò trung tâm trong toàn bộ quá trình điều



tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá. Theo CPTPP, các quốc gia thành viên có nghĩa vụ công khai các quy định pháp luật, quy trình điều tra, cũng như các quyết định hành chính liên quan đến chống bán phá giá. Trong từng vụ việc cụ thể, cơ quan điều tra phải thông báo kịp thời về việc khởi xướng điều tra, phạm vi sản phẩm bị điều tra, phương pháp tính toán biên độ bán phá giá, cũng như các kết luận sơ bộ và kết luận cuối cùng. Việc bảo đảm minh bạch không chỉ giúp các bên liên quan, đặc biệt là nhà xuất khẩu nước ngoài, hiểu rõ căn cứ pháp lý và kinh tế của các quyết định điều tra, mà còn góp phần nâng cao tính dự đoán và độ tin cậy của môi trường thương mại giữa các quốc gia thành viên CPTPP.

Bên cạnh đó, nguyên tắc công bằng và khách quan là yêu cầu bắt buộc trong hoạt động điều tra chống bán phá giá. CPTPP đòi hỏi cơ quan điều tra phải tiến hành điều tra dựa trên các bằng chứng tích cực, được thu thập và đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện và không thiên lệch. Mọi kết luận liên quan đến hành vi bán phá giá, mức độ thiệt

hại và mối quan hệ nhân quả đều phải dựa trên phân tích kinh tế hợp lý, có xem xét đầy đủ các lập luận và dữ liệu do các bên liên quan cung cấp. Đồng thời, các bên tham gia điều tra phải được đối xử bình đẳng, có cơ hội hợp lý để trình bày ý kiến, phản biện các lập luận bất lợi và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình trong suốt quá trình tố tụng.

Một nguyên tắc quan trọng khác là nguyên tắc thận trọng trong việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá. Theo đó, biện pháp này chỉ được áp dụng khi đã chứng minh đầy đủ sự tồn tại đồng thời của hành vi bán phá giá, thiệt hại đáng kể hoặc nguy cơ gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, và mối quan hệ nhân quả giữa hai yếu tố này. CPTPP nhấn mạnh rằng chống bán phá giá là một ngoại lệ đối với nguyên tắc tự do hóa thương mại, do đó không được sử dụng tùy tiện hoặc vượt quá mức cần thiết. Nguyên tắc này thể hiện rõ qua yêu cầu áp dụng biện pháp trong phạm vi và thời gian cần thiết để khắc phục thiệt hại, cũng như nghĩa vụ rà soát và chấm dứt biện pháp khi không còn đủ căn cứ duy trì.

Ngoài ra, CPTPP còn đề cao nguyên tắc trách nhiệm giải trình của cơ quan điều tra. Các quyết định điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá phải được giải thích rõ ràng, nêu cụ thể căn cứ pháp lý, phương pháp tính toán và lập luận kinh tế được sử dụng. Nghĩa vụ giải trình này tạo điều kiện cho các bên liên quan đánh giá tính hợp pháp và hợp lý của quyết định, đồng thời là

cơ sở quan trọng để xem xét lại hoặc giải quyết tranh chấp trong trường hợp phát sinh bất đồng.

Tổng thể, các nguyên tắc chung trong điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo CPTPP không nhằm hạn chế quyền sử dụng công cụ phòng vệ thương mại hợp pháp của các quốc gia thành viên, mà hướng tới việc bảo đảm công cụ này được sử dụng đúng mục đích, đúng mức và phù hợp với các chuẩn mực thương mại quốc tế. Việc tuân thủ nghiêm túc các nguyên tắc này góp phần tăng cường tính minh bạch, công bằng và ổn định của hệ thống thương mại trong khu vực CPTPP, đồng thời giảm thiểu nguy cơ xung đột và tranh chấp thương mại giữa các thành viên.

#### **4. Quy định về khởi xướng và tiến hành điều tra chống bán phá giá**

Quy định về khởi xướng và tiến hành điều tra chống bán phá giá trong khuôn khổ CPTPP được xây dựng trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ Hiệp định Chống bán phá giá của WTO, đồng thời được bổ sung bởi các yêu cầu cao hơn về minh bạch, thủ tục tố tụng và trách nhiệm giải trình của cơ quan điều tra. Theo đó, một cuộc điều tra chống bán phá giá chỉ được khởi xướng khi có đơn yêu cầu hợp lệ của ngành sản xuất trong nước hoặc đại diện hợp pháp của ngành này. Đơn yêu cầu phải kèm theo các bằng chứng sơ bộ chứng minh sự tồn tại của hành vi bán phá giá, thiệt hại đáng kể hoặc nguy cơ gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, cũng như mối quan hệ nhân quả giữa

hàng hóa bị bán phá giá và thiệt hại đó.

CPTPP yêu cầu cơ quan điều tra phải xem xét kỹ lưỡng tính đầy đủ, chính xác và mức độ đại diện của đơn yêu cầu trước khi ra quyết định khởi xướng điều tra. Việc khởi xướng điều tra không được thực hiện một cách tùy tiện, mà phải dựa trên đánh giá khách quan về các chứng cứ ban đầu, nhằm hạn chế các vụ kiện mang tính bảo hộ trá hình hoặc gây cản trở không cần thiết đối với thương mại quốc tế. Trong trường hợp không đáp ứng đủ điều kiện pháp lý, cơ quan điều tra có nghĩa vụ từ chối khởi xướng và thông báo rõ lý do cho bên nộp đơn.

Sau khi quyết định khởi xướng điều tra được ban hành, nghĩa vụ thông báo và công khai thông tin được CPTPP đặc biệt nhấn mạnh. Cơ quan điều tra phải thông báo kịp thời quyết định khởi xướng cho tất cả các bên liên quan, bao gồm nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu và chính phủ của nước xuất khẩu có liên quan, đồng thời công bố rộng rãi thông tin này thông qua các kênh chính thức.

Thông báo khởi xướng phải nêu rõ phạm vi sản phẩm bị điều tra, thời kỳ điều tra, căn cứ pháp lý của vụ việc, phương pháp điều tra dự kiến, cũng như các mốc thời gian quan trọng trong suốt quá trình điều tra. Việc minh bạch hóa thông tin ngay từ giai đoạn đầu giúp các bên liên quan có sự chuẩn bị cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Trong quá trình điều tra, CPTPP yêu cầu

cơ quan điều tra bảo đảm đầy đủ quyền tham gia tố tụng của các bên liên quan. Các nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu và các bên có lợi ích liên quan phải được tạo điều kiện hợp lý để tiếp cận hồ sơ không mật, nộp bản trả lời câu hỏi điều tra, cung cấp chứng cứ, cũng như trình bày quan điểm và lập luận của mình. Cơ quan điều tra có trách nhiệm xem xét nghiêm túc các thông tin và lập luận do các bên cung cấp, đồng thời giải thích rõ ràng cơ sở chấp nhận hoặc bác bỏ các lập luận đó trong các kết luận sơ bộ và kết luận cuối cùng.

CPTPP cũng nhấn mạnh yêu cầu về việc tiến hành điều tra trong thời hạn hợp lý và phù hợp với quy định của WTO. Việc kéo dài điều tra không cần thiết có thể gây ra những tác động tiêu cực đối với hoạt động thương mại và môi trường kinh doanh. Do đó, cơ quan điều tra phải tuân thủ chặt chẽ các mốc thời gian tố tụng, đồng thời chỉ gia hạn điều tra trong những trường hợp thật sự cần thiết và có lý do chính đáng.

Ngoài ra, CPTPP khuyến khích việc sử dụng các phương tiện điện tử trong quá trình điều tra, bao gồm việc nộp hồ sơ, trao đổi thông tin và công bố tài liệu, nhằm nâng cao hiệu quả thủ tục và giảm chi phí tuân thủ cho các bên liên quan, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Những quy định này phản ánh mục tiêu của CPTPP trong việc xây dựng một cơ chế điều tra chống bán phá giá minh bạch, công bằng và phù hợp với bối cảnh thương mại hiện đại.

# CPTPP



## COMPREHENSIVE AND PROGRESSIVE AGREEMENT FOR TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP

### 5. Xác định hành vi bán phá giá, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả

Việc xác định hành vi bán phá giá, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả giữa hai yếu tố này là nội dung cốt lõi và mang tính quyết định trong toàn bộ quá trình điều tra chống bán phá giá theo CPTPP. Các quy định của CPTPP trong lĩnh vực này được xây dựng trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ Hiệp định Chống bán phá giá của WTO, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu về tính khách quan, minh bạch và dựa trên bằng chứng tích cực trong hoạt động điều tra.

Thứ nhất, về xác định hành vi bán phá giá, cơ quan điều tra có trách nhiệm xác định liệu hàng hóa bị điều tra có được xuất khẩu vào thị trường nhập khẩu với mức giá thấp hơn giá trị thông thường hay không. Giá trị thông thường thường được xác định dựa trên giá bán của hàng hóa tương tự tại thị trường nội địa của nước xuất khẩu trong điều kiện thương mại thông thường. Trong trường hợp không tồn tại giao dịch nội địa

phù hợp hoặc các giao dịch này không phản ánh đúng điều kiện thương mại thông thường, cơ quan điều tra có thể sử dụng các phương pháp thay thế, như giá xuất khẩu sang nước thứ ba hoặc giá trị cấu thành dựa trên chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý và mức lợi nhuận hợp lý. Việc lựa chọn và áp dụng phương pháp xác định giá trị thông thường phải được giải thích rõ ràng và nhất quán trong suốt quá trình điều tra.

Song song với việc xác định giá trị thông thường, giá xuất khẩu của hàng hóa bị điều tra cũng phải được xác định một cách chính xác và phù hợp với thực tiễn giao dịch. CPTPP yêu cầu việc so sánh giữa giá xuất khẩu và giá trị thông thường phải được thực hiện một cách công bằng, ở cùng cấp độ thương mại và có điều chỉnh hợp lý đối với các khác biệt ảnh hưởng đến khả năng so sánh về giá, như điều kiện giao hàng, thuế, chi phí vận chuyển và bảo hiểm. Kết quả của việc so sánh này sẽ cho phép cơ quan

điều tra xác định biên độ bán phá giá, là cơ sở quan trọng để xem xét khả năng áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

Thứ hai, về xác định thiệt hại, CPTPP yêu cầu cơ quan điều tra phải tiến hành đánh giá toàn diện tình trạng của ngành sản xuất trong nước dựa trên các bằng chứng tích cực. Việc đánh giá thiệt hại không chỉ giới hạn ở thiệt hại hiện hữu, mà còn bao gồm nguy cơ gây thiệt hại đáng kể trong tương lai.

Cơ quan điều tra phải xem xét một loạt các chỉ tiêu kinh tế liên quan đến ngành sản xuất trong nước, bao gồm sản lượng, doanh số, thị phần, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, năng suất lao động, việc làm, tiền lương, khả năng huy động vốn và đầu tư. Việc đánh giá các chỉ tiêu này phải được thực hiện trong mối liên hệ tổng thể, tránh việc dựa vào một yếu tố đơn lẻ để kết luận về thiệt hại.

Thứ ba, về mối quan hệ nhân quả, CPTPP nhấn mạnh yêu cầu chứng minh rõ ràng rằng thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước là hệ quả trực tiếp của hành vi bán phá giá, chứ không phải do các yếu tố khác. Cơ quan điều tra có nghĩa vụ phân tích và loại trừ tác động của các yếu tố khác có thể gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước, như sự suy giảm nhu cầu thị trường, thay đổi thị hiếu tiêu dùng, cạnh tranh từ các nguồn nhập khẩu không bị điều tra, tiến bộ công nghệ hoặc hiệu quả quản lý nội bộ của doanh nghiệp. Việc không thực hiện đầy đủ phân tích này có

thể làm suy yếu tính hợp pháp của kết luận điều tra.

Thông qua việc đặt ra các yêu cầu nghiêm ngặt đối với việc xác định hành vi bán phá giá, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả, CPTPP góp phần hạn chế nguy cơ lạm dụng biện pháp chống bán phá giá như một công cụ bảo hộ trá hình, đồng thời bảo đảm rằng biện pháp này chỉ được áp dụng trong những trường hợp thật sự cần thiết và có căn cứ pháp lý vững chắc.

## **6. Áp dụng biện pháp chống bán phá giá**

Áp dụng biện pháp chống bán phá giá là giai đoạn cuối cùng và mang tính quyết định trong toàn bộ tiến trình điều tra chống bán phá giá theo Hiệp định CPTPP. Theo đó, biện pháp chống bán phá giá chỉ được áp dụng khi cơ quan điều tra đã đưa ra kết luận cuối cùng xác nhận đầy đủ ba yếu tố pháp lý bắt buộc, bao gồm sự tồn tại của hành vi bán phá giá, thiệt hại đáng kể hoặc nguy cơ gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, và mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi bán phá giá và thiệt hại đó. CPTPP nhấn mạnh rằng việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá không mang tính tự động, mà phải dựa trên đánh giá toàn diện các chứng cứ thu thập được trong suốt quá trình điều tra.

Trong quá trình điều tra, CPTPP cho phép cơ quan điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời khi có kết luận sơ bộ khẳng định sự tồn tại của hành vi bán phá giá và thiệt hại, đồng thời xác định



rằng việc trì hoãn áp dụng biện pháp có thể gây ra thiệt hại khó có khả năng khắc phục cho ngành sản xuất trong nước. Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp tạm thời phải tuân thủ chặt chẽ các điều kiện về thời điểm và thời hạn, chỉ được áp dụng sau một khoảng thời gian nhất định kể từ khi khởi xướng điều tra và không được kéo dài quá mức cần thiết. Mức thuế chống bán phá giá tạm thời cũng phải được xác định trên cơ sở biên độ bán phá giá sơ bộ và không vượt quá mức cần thiết để ngăn chặn thiệt hại tiếp diễn.

Đối với biện pháp chống bán phá giá chính thức, CPTPP yêu cầu mức thuế chống bán phá giá được áp dụng phải tuân thủ nguyên tắc tương xứng, theo đó mức thuế không được vượt quá biên độ bán phá giá được xác định trong kết luận cuối cùng. Đồng thời, CPTPP khuyến khích các quốc gia thành viên áp dụng nguyên tắc thuế thấp hơn mức biên độ bán phá giá nếu mức thuế đó đã đủ để loại bỏ thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước. Quy định này phản ánh nỗ lực của CPTPP trong việc hạn chế tác động tiêu cực của biện pháp chống bán

phá giá đối với thương mại quốc tế và người tiêu dùng.

Ngoài ra, CPTPP quy định rõ rằng biện pháp chống bán phá giá chỉ được duy trì trong thời gian cần thiết để khắc phục thiệt hại do hành vi bán phá giá gây ra. Theo đó, các biện pháp này phải được rà soát định kỳ, bao gồm rà soát hành chính hàng năm và rà soát cuối kỳ, nhằm đánh giá sự cần thiết của việc tiếp tục duy trì biện pháp. Trong trường hợp không còn căn cứ cho thấy việc chấm dứt biện pháp sẽ dẫn đến tái diễn hành vi bán phá giá và thiệt hại, cơ quan có thẩm quyền phải chấm dứt áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

CPTPP cũng nhấn mạnh nghĩa vụ minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình áp dụng biện pháp chống bán phá giá. Các quyết định áp dụng, gia hạn, sửa đổi hoặc chấm dứt biện pháp phải được công bố công khai, kèm theo giải thích rõ ràng về cơ sở pháp lý và kinh tế của quyết định. Thông qua các quy định này, CPTPP góp phần bảo đảm rằng biện pháp chống bán phá giá được sử dụng đúng mục đích là khắc phục hành vi cạnh tranh không lành mạnh, thay vì trở thành công cụ bảo hộ thương mại trá hình.

## **7. Minh bạch, tham vấn, giải quyết tranh chấp**

Minh bạch, tham vấn và giải quyết tranh chấp là những trụ cột quan trọng trong cơ chế điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo Hiệp định CPTPP, phản ánh cách tiếp cận tiên bộ và kỷ luật cao của

hiệp định này đối với việc sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại. CPTPP không chỉ kế thừa các nghĩa vụ minh bạch theo Hiệp định Chống bán phá giá của WTO, mà còn nâng cao yêu cầu về công khai thông tin và trách nhiệm giải trình của cơ quan điều tra nhằm bảo đảm rằng các biện pháp chống bán phá giá được áp dụng một cách công bằng, khách quan và có thể dự đoán được.

Về minh bạch, CPTPP yêu cầu các quốc gia thành viên phải công bố đầy đủ và kịp thời các quy định pháp luật, thủ tục hành chính và thực tiễn áp dụng liên quan đến điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá. Trong từng vụ việc cụ thể, các quyết định quan trọng như khởi xướng điều tra, kết luận sơ bộ, áp dụng biện pháp tạm thời, kết luận cuối cùng, gia hạn, sửa đổi hoặc chấm dứt biện pháp chống bán phá giá đều phải được công khai, kèm theo giải thích rõ ràng về căn cứ pháp lý và kinh tế của các quyết định đó. Đồng thời, các bên liên quan phải được bảo đảm quyền tiếp cận hồ sơ không mật, quyền được cung cấp thông tin cần thiết và quyền trình bày quan điểm, qua đó bảo vệ đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong suốt quá trình điều tra.

Bên cạnh minh bạch, CPTPP đặc biệt coi trọng cơ chế tham vấn như một công cụ quan trọng nhằm phòng ngừa và giảm thiểu tranh chấp giữa các quốc gia thành viên. Tham vấn cho phép các bên liên quan trao đổi thông tin, làm rõ quan điểm pháp lý và

kinh tế, cũng như giải thích các quyết định điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá trước khi tranh chấp bị đẩy lên mức độ đối kháng. Thông qua tham vấn, nhiều bất đồng có thể được giải quyết một cách linh hoạt và hiệu quả, góp phần duy trì quan hệ thương mại ổn định giữa các quốc gia thành viên CPTPP.

Trong trường hợp tranh chấp không thể được giải quyết thông qua tham vấn, CPTPP cho phép các quốc gia thành viên sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp của hiệp định hoặc cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO. Việc lựa chọn cơ chế phải tuân thủ nguyên tắc không song song, theo đó một tranh chấp chỉ được đưa ra giải quyết tại một cơ chế trong cùng một thời điểm nhằm tránh chòng chéo và mâu thuẫn về thẩm quyền. Các cơ chế giải quyết tranh chấp này đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tuân thủ các cam kết quốc tế, đồng thời tạo ra sự ràng buộc pháp lý đối với các quốc gia thành viên trong việc điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

Thông qua việc tăng cường các quy định về minh bạch, tham vấn và giải quyết tranh chấp, CPTPP góp phần nâng cao kỷ luật pháp lý trong sử dụng biện pháp chống bán phá giá, hạn chế nguy cơ lạm dụng biện pháp này như một công cụ bảo hộ trá hình, đồng thời thúc đẩy một môi trường thương mại công bằng, ổn định và có thể dự đoán được cho các quốc gia thành viên.

## 8. Kết luận

Quy định về điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá trong Hiệp định CPTPP thể hiện rõ cách tiếp cận thận trọng, minh bạch và có trách nhiệm của các quốc gia thành viên trong việc sử dụng công cụ phòng vệ thương mại. Trên cơ sở kế thừa khuôn khổ pháp lý của Hiệp định Chống bán phá giá của WTO, CPTPP không mở rộng quyền áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo hướng bảo hộ, mà tập trung nâng cao các tiêu chuẩn về thủ tục, minh bạch hóa thông tin, bảo đảm quyền tham gia tố tụng của các bên liên quan và tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan điều tra.

Thông qua các quy định chặt chẽ về khởi xướng và tiến hành điều tra, xác định hành vi bán phá giá, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả, cũng như điều kiện và giới hạn trong việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá, CPTPP góp phần hạn chế nguy cơ lạm dụng biện pháp này như một công cụ bảo hộ trá hình. Đồng thời, các cơ chế về minh bạch, tham vấn và giải quyết tranh chấp được thiết kế nhằm bảo đảm việc thực thi các biện pháp chống bán phá giá phù hợp với luật thương mại quốc tế, duy trì sự ổn định và tính dự đoán của môi trường thương mại giữa các quốc gia thành viên.

Đối với các quốc gia thành viên, đặc biệt là các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam, việc hiểu rõ và tuân thủ đầy đủ các quy định của CPTPP về chống bán phá giá có ý nghĩa quan trọng trong cả hai chiều: vừa giúp bảo vệ hợp pháp ngành sản xuất trong nước trước hành vi cạnh tranh không lành mạnh, vừa giảm thiểu rủi ro bị áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại khi xuất khẩu sang thị trường các nước thành viên CPTPP. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, việc nâng cao năng lực pháp lý và thực thi hiệu quả các quy định về chống bán phá giá theo CPTPP sẽ góp phần thúc đẩy thương mại công bằng, bền vững và phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.



## Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Úc



**T**rong bối cảnh thương mại quốc tế ngày càng cạnh tranh gay gắt, các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là biện pháp chống bán phá giá, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước hành vi cạnh tranh không lành mạnh từ hàng hóa nhập khẩu.

Úc là một trong những quốc gia sử dụng biện pháp chống bán phá giá tương đối thường xuyên và có hệ thống pháp luật, cơ chế điều tra được đánh giá là chặt chẽ, minh bạch và phù hợp với các chuẩn mực của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Việc nghiên cứu cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Úc có ý nghĩa quan trọng đối với các quốc gia xuất khẩu, trong đó có Việt Nam, nhằm nâng cao khả năng tuân thủ và ứng phó hiệu quả với các vụ việc phòng vệ thương mại tại thị trường này.

### 1. Cơ sở pháp lý của biện pháp chống bán phá giá tại Úc

Cơ sở pháp lý điều chỉnh hoạt động điều

tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá tại Úc được xây dựng trên nền tảng kết hợp chặt chẽ giữa pháp luật quốc gia và các cam kết quốc tế, phản ánh rõ nguyên tắc tuân thủ luật thương mại đa phương của quốc gia này. Khung pháp lý nội địa đóng vai trò trung tâm là Đạo luật Hải quan năm 1901 (Customs Act 1901), trong đó Phần XVB quy định một cách hệ thống về các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp, bao gồm điều kiện khởi xướng điều tra, phương pháp xác định hành vi bán phá giá, thiệt hại, mối quan hệ nhân quả cũng như thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp.

Đạo luật Hải quan 1901 được cụ thể hóa và hướng dẫn thi hành thông qua Quy định Hải quan năm 2015 (Customs Regulation 2015) và các văn bản pháp quy liên quan, trong đó quy định chi tiết về thủ tục tố tụng, thời hạn điều tra, nghĩa vụ cung cấp thông tin của các bên liên quan và cách thức xử lý trong trường hợp không hợp tác hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ. Hệ thống văn bản này cho phép cơ quan điều tra áp dụng linh hoạt các phương pháp tính toán biên độ bán phá giá, sử dụng dữ liệu thay thế hoặc dữ liệu sẵn có khi cần thiết, đồng thời vẫn bảo đảm tuân thủ các chuẩn mực pháp lý quốc tế.

Ở cấp độ quốc tế, Úc là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và

chịu sự ràng buộc trực tiếp của Hiệp định Chống bán phá giá của WTO (WTO Anti-Dumping Agreement). Các quy định pháp luật trong nước của Úc được xây dựng với mục tiêu bảo đảm tính tương thích với các nguyên tắc cơ bản của Hiệp định này, đặc biệt là yêu cầu chỉ được áp dụng biện pháp chống bán phá giá khi đồng thời chứng minh được ba yếu tố: sự tồn tại của hành vi bán phá giá, thiệt hại đáng kể hoặc nguy cơ gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, và mối quan hệ nhân quả giữa hàng hóa bị bán phá giá và thiệt hại đó. Ngoài ra, các nghĩa vụ về minh bạch, tham vấn và bảo đảm quyền tham gia tố tụng của các bên liên quan cũng được pháp luật Úc nội luật hóa một cách tương đối đầy đủ.

Về mặt thể chế, cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra chống bán phá giá tại Úc là Ủy ban Chống bán phá giá Úc (Anti-Dumping Commission – ADC), trực thuộc Bộ Công nghiệp, Khoa học và Tài nguyên. ADC chịu trách nhiệm tiếp nhận đơn yêu cầu, tiến hành điều tra, thu thập và thẩm tra thông tin, đồng thời đưa ra các kết luận sơ bộ và kết luận cuối cùng. Trên cơ sở báo cáo và khuyến nghị của ADC, Bộ trưởng có thẩm quyền sẽ đưa ra quyết định cuối cùng về việc áp dụng, điều chỉnh hoặc chấm dứt biện pháp chống bán phá giá. Cách thức phân định thẩm quyền này nhằm bảo đảm tính chuyên môn trong điều tra kỹ thuật, đồng thời duy trì trách nhiệm chính sách ở cấp ra quyết định.

Nhìn chung, cơ sở pháp lý về chống bán

phá giá của Úc được đánh giá là tương đối đầy đủ, chặt chẽ và có tính hệ thống cao. Việc kết hợp giữa các quy định chi tiết của pháp luật quốc gia với các chuẩn mực của WTO không chỉ tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc bảo vệ ngành sản xuất trong nước, mà còn góp phần hạn chế nguy cơ lạm dụng biện pháp chống bán phá giá như một công cụ bảo hộ trá hình trong thương mại quốc tế.

## **2. Quy trình điều tra chống bán phá giá của Úc**

Quy trình điều tra chống bán phá giá của Úc được xây dựng trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của Hiệp định Chống bán phá giá của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đồng thời được nội luật hóa cụ thể trong Đạo luật Hải quan năm 1901 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Mục tiêu của quy trình này là bảo đảm việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá chỉ diễn ra khi có đủ căn cứ pháp lý và kinh tế, tránh lạm dụng biện pháp phòng vệ thương mại như một công cụ bảo hộ trá hình.

Toàn bộ quy trình điều tra do Ủy ban Chống bán phá giá Úc (Anti-Dumping Commission – ADC) chủ trì thực hiện, với sự phân định rõ ràng giữa chức năng điều tra kỹ thuật và thẩm quyền ra quyết định chính sách của Bộ trưởng. Cách tiếp cận này góp phần nâng cao tính khách quan, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động điều tra.

Quy trình điều tra chống bán phá giá của Úc được khởi xướng trên cơ sở đơn yêu cầu

của ngành sản xuất trong nước hoặc đại diện hợp pháp của ngành này. Đơn yêu cầu phải đáp ứng các điều kiện nghiêm ngặt về mặt pháp lý và nội dung, trong đó phải cung cấp các bằng chứng sơ bộ cho thấy: (i) hàng hóa nhập khẩu đang bị bán phá giá thông qua việc so sánh giá xuất khẩu với giá trị thông thường; (ii) ngành sản xuất trong nước đang chịu thiệt hại đáng kể hoặc đối mặt với nguy cơ gây thiệt hại đáng kể; và (iii) tồn tại mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá và thiệt hại đó.

Sau khi tiếp nhận đơn, ADC tiến hành xem xét sơ bộ để đánh giá tính đầy đủ, chính xác và hợp lệ của hồ sơ. Trong giai đoạn này, ADC có thể yêu cầu bổ sung thông tin hoặc làm rõ các vấn đề kỹ thuật trước khi đưa ra quyết định khởi xướng điều tra. Chỉ khi các điều kiện pháp lý được đáp ứng, ADC mới ra quyết định khởi xướng và công bố công khai trên các kênh thông tin chính thức.

Ngay sau khi khởi xướng điều tra, ADC có nghĩa vụ thông báo kịp thời quyết định khởi xướng cho tất cả các bên liên quan, bao gồm nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, chính phủ của nước xuất khẩu và các bên có lợi ích liên quan khác. Việc thông báo này nhằm bảo đảm quyền tham gia tố tụng của các bên và tạo điều kiện để họ chuẩn bị hồ sơ, tài liệu cần thiết.

Trong giai đoạn này, ADC xác định phạm vi sản phẩm bị điều tra, các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ liên quan, cũng như danh sách các bên tham gia điều tra. Việc

xác định chính xác phạm vi sản phẩm và đối tượng điều tra có ý nghĩa quan trọng, vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả điều tra và nghĩa vụ thuế có thể được áp dụng sau này.

Giai đoạn thu thập thông tin và điều tra nội dung là trọng tâm của quy trình điều tra chống bán phá giá của Úc. ADC gửi các bảng câu hỏi điều tra chi tiết tới các nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu và ngành sản xuất trong nước nhằm thu thập dữ liệu về giá xuất khẩu, chi phí sản xuất, cơ cấu chi phí, khối lượng nhập khẩu, thị phần và các chỉ tiêu kinh tế phản ánh tình trạng của ngành sản xuất trong nước.

Các bảng câu hỏi của Úc thường có yêu cầu kỹ thuật cao, đòi hỏi doanh nghiệp phải cung cấp dữ liệu kế toán, tài chính và thương mại một cách chi tiết, nhất quán và đúng thời hạn. Việc không trả lời đầy đủ hoặc không đúng hạn có thể dẫn đến hậu quả bất lợi trong quá trình xác định biên độ bán phá giá.

Bên cạnh việc thu thập thông tin bằng văn bản, ADC có thể tiến hành thẩm tra tại chỗ tại trụ sở doanh nghiệp xuất khẩu ở nước ngoài nhằm xác minh tính chính xác và đáng tin cậy của thông tin đã cung cấp. Thẩm tra tại chỗ là một công cụ quan trọng giúp ADC đánh giá mức độ hợp tác và độ tin cậy của dữ liệu, đồng thời phát hiện các sai lệch hoặc thiếu nhất quán.

Trên cơ sở các thông tin thu thập được, ADC tiến hành phân tích và đưa ra kết luận sơ bộ về việc có hay không tồn tại hành vi

bán phá giá, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả. Kết luận sơ bộ được công bố công khai và gửi tới các bên liên quan để lấy ý kiến phản hồi.

Trong trường hợp có đủ căn cứ cho thấy việc trì hoãn áp dụng biện pháp có thể gây thiệt hại khó khắc phục cho ngành sản xuất trong nước, Úc có thể áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời, thường dưới hình thức thuế tạm thời hoặc biện pháp bảo đảm khác theo quy định pháp luật. Biện pháp tạm thời này có vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn thiệt hại tiếp tục gia tăng trong giai đoạn chờ quyết định cuối cùng.

Sau khi ban hành kết luận sơ bộ, ADC cho phép các bên liên quan gửi ý kiến bình luận, cung cấp thông tin bổ sung và đưa ra các lập luận pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. ADC có trách nhiệm xem xét nghiêm túc các ý kiến này và phản ánh trong báo cáo điều tra cuối cùng.



Báo cáo điều tra cuối cùng của ADC nêu rõ phương pháp tính toán, đánh giá chứng cứ và kết luận về việc có hay không áp dụng biện pháp chống bán phá giá, cũng như mức thuế đề xuất. Trên cơ sở báo cáo này, Bộ trưởng có thẩm quyền sẽ ra quyết định cuối cùng về việc áp dụng, điều chỉnh hoặc chấm dứt biện pháp chống bán phá giá.

Quy trình điều tra chống bán phá giá của Úc được vận hành trong khuôn khổ các nghĩa vụ nghiêm ngặt về minh bạch. ADC thường xuyên công bố các báo cáo không mật, giải thích phương pháp tính toán và tạo điều kiện để các bên liên quan tiếp cận thông tin cần thiết.

Pháp luật Úc cho phép tiến hành các thủ tục rà soát hành chính, rà soát định kỳ và rà soát hoàng hôn, cũng như cho phép các bên liên quan yêu cầu xem xét lại quyết định của cơ quan điều tra thông qua các cơ chế tài phán có thẩm quyền. Các cơ chế này góp phần bảo đảm tính kiểm soát và trách nhiệm giải trình trong việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

Quy trình điều tra chống bán phá giá của Úc là một quy trình chặt chẽ, có tính kỹ thuật cao và tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực của WTO. Thông qua việc thiết kế nhiều giai đoạn điều tra, đề cao minh bạch và quyền tham gia của các bên liên quan, Úc đã xây dựng được một cơ chế điều tra chống bán phá giá có hiệu quả và tính dự đoán tương đối cao. Đối với các doanh nghiệp và quốc gia xuất khẩu, việc hiểu rõ

và chuẩn bị đầy đủ cho quy trình này là yếu tố then chốt để giảm thiểu rủi ro và đạt được kết quả thuận lợi khi đối mặt với các vụ việc điều tra chống bán phá giá tại thị trường Úc.

### **3. Thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Úc**

Trong hệ thống các biện pháp phòng vệ thương mại, chống bán phá giá là công cụ được Úc sử dụng thường xuyên nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước áp lực cạnh tranh từ hàng hóa nhập khẩu có giá thấp. Trên cơ sở khung pháp lý tương đối hoàn thiện và phù hợp với các chuẩn mực của WTO, thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Úc phản ánh rõ cách tiếp cận thận trọng nhưng nghiêm ngặt, đề cao yếu tố kỹ thuật, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan điều tra. Việc nghiên cứu thực tiễn này có ý nghĩa quan trọng đối với các quốc gia và doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

Trong nhiều năm qua, Úc duy trì tần suất điều tra chống bán phá giá ở mức tương đối ổn định, tập trung chủ yếu vào các ngành sản xuất có vai trò nền tảng đối với nền kinh tế trong nước. Các mặt hàng thường xuyên bị điều tra bao gồm thép và các sản phẩm thép, nhôm, hóa chất công nghiệp, vật liệu xây dựng, giấy, sản phẩm nhựa và một số mặt hàng chế biến khác. Phạm vi điều tra thường hướng tới hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia có năng lực sản xuất lớn và giá thành cạnh tranh, trong đó có nhiều nền

kinh tế đang phát triển.

Xu hướng chung cho thấy Úc ngày càng chú trọng đến việc sử dụng biện pháp chống bán phá giá như một công cụ quản lý thương mại mang tính phòng ngừa, thay vì chỉ phản ứng sau khi thiệt hại đã xảy ra. Điều này thể hiện qua việc khởi xướng điều tra dựa trên nguy cơ gây thiệt hại đáng kể, cũng như việc áp dụng các biện pháp tạm thời ở giai đoạn sớm của quá trình điều tra.

Một đặc điểm nổi bật trong thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Úc là yêu cầu rất cao về chất lượng và mức độ chi tiết của thông tin do các bên liên quan cung cấp. Ủy ban Chống bán phá giá Úc (Anti-Dumping Commission – ADC) thường ban hành các bảng câu hỏi điều tra với phạm vi rộng, yêu cầu doanh nghiệp xuất khẩu cung cấp dữ liệu chi tiết về giá bán, chi phí sản xuất, cơ cấu chi phí, hệ thống kế toán, chính sách bán hàng, chiết khấu và các yếu tố ảnh hưởng đến giá xuất khẩu.

Trong nhiều vụ việc, ADC tiến hành thăm tra tại chỗ tại doanh nghiệp xuất khẩu ở nước ngoài nhằm xác minh tính chính



xác, nhất quán và đáng tin cậy của các thông tin đã cung cấp. Thực tiễn cho thấy ADC áp dụng cách tiếp cận nghiêm ngặt trong thẩm tra, sẵn sàng loại bỏ hoặc điều chỉnh dữ liệu nếu phát hiện sai lệch, thiếu nhất quán hoặc không được chứng minh đầy đủ. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp xuất khẩu phải có hệ thống kế toán, lưu trữ dữ liệu và nhân sự chuyên môn đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật cao của cơ quan điều tra Úc.

Trong thực tiễn áp dụng, Úc ưu tiên sử dụng dữ liệu thực tế do doanh nghiệp cung cấp khi doanh nghiệp hợp tác đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về minh bạch. Việc xác định giá trị thông thường và giá xuất khẩu được thực hiện trên cơ sở so sánh công bằng, có điều chỉnh đối với các khác biệt về điều kiện bán hàng, thuế, chi phí vận chuyển và các yếu tố thương mại khác.

Tuy nhiên, trong trường hợp doanh nghiệp không hợp tác, hợp tác không đầy đủ hoặc không cung cấp thông tin đúng thời hạn, ADC thường áp dụng phương pháp sử dụng dữ liệu sẵn có hoặc dữ liệu bất lợi. Thực tiễn cho thấy việc áp dụng phương pháp này thường dẫn đến biên độ bán phá giá cao, tạo ra tác động đáng kể đến kết quả điều tra và nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp xuất khẩu. Cách tiếp cận này vừa phù hợp với quy định của WTO, vừa mang tính rắn đẽ mạnh mẽ trong thực tiễn.

Trong nhiều vụ việc, sau khi ban hành kết luận sơ bộ cho thấy có khả năng tồn tại

hành vi bán phá giá và thiệt hại đáng kể, Úc đã áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời nhằm ngăn chặn thiệt hại tiếp tục gia tăng trong thời gian chờ quyết định cuối cùng. Các biện pháp tạm thời này thường được áp dụng dưới hình thức thuế tạm thời hoặc biện pháp bảo đảm khác theo quy định pháp luật.

Quyết định cuối cùng về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá được ban hành trên cơ sở báo cáo điều tra của ADC, trong đó nêu rõ phương pháp tính toán, đánh giá chứng cứ và cơ sở pháp lý. Thực tiễn cho thấy các quyết định này thường có mức độ chi tiết cao, giải thích rõ lập luận của cơ quan điều tra, qua đó tạo điều kiện cho các bên liên quan hiểu và đánh giá kết quả điều tra.

Úc đặc biệt coi trọng yếu tố minh bạch trong thực tiễn điều tra chống bán phá giá. ADC thường xuyên công bố các báo cáo không mật, thông báo tiến độ điều tra và tạo điều kiện để các bên liên quan gửi ý kiến bình luận. Các doanh nghiệp và chính phủ nước xuất khẩu có quyền yêu cầu giải thích phương pháp tính toán và cơ sở pháp lý của các kết luận điều tra.

Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật Úc cho phép tiến hành các thủ tục rà soát hành chính, rà soát định kỳ và rà soát hoàng hôn đối với biện pháp chống bán phá giá đã áp dụng. Các bên liên quan cũng có quyền khởi kiện ra cơ quan tài phán có thẩm quyền nếu cho rằng quyết định của cơ quan



điều tra không phù hợp với pháp luật. Cơ chế này góp phần tăng cường kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình trong thực tiễn áp dụng biện pháp chống bán phá giá tại Úc.

Từ thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Úc có thể thấy rằng đây là một cơ chế được vận hành tương đối hiệu quả, có tính kỷ luật pháp lý cao và tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực của WTO. Tuy nhiên, mức độ nghiêm ngặt và yêu cầu kỹ thuật cao của cơ quan điều tra cũng đặt ra thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp xuất khẩu.

Đối với các doanh nghiệp nước ngoài, đặc biệt là doanh nghiệp đến từ các nền kinh tế đang phát triển, việc chủ động nắm vững quy trình, hợp tác đầy đủ với ADC, chuẩn bị hệ thống dữ liệu minh bạch và có chiến lược pháp lý phù hợp là yếu tố then chốt để giảm thiểu rủi ro và đạt được kết quả thuận lợi trong các vụ việc điều tra chống bán phá giá tại Úc.

Thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Úc phản ánh cách tiếp cận cân bằng giữa mục tiêu bảo vệ ngành sản xuất trong nước và nghĩa vụ tuân thủ luật thương mại quốc tế. Với quy trình điều tra chặt chẽ, yêu cầu kỹ thuật cao và cơ chế minh bạch, Úc đã xây dựng được một hệ thống chống bán phá giá có hiệu quả và tính dự đoán tương đối cao. Việc nghiên cứu và hiểu rõ thực tiễn này không chỉ có ý nghĩa học thuật, mà còn mang giá trị thực tiễn quan trọng đối với các quốc gia và doanh nghiệp tham gia thương mại với thị trường Úc.

#### **4. Kết luận**

Qua việc phân tích cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Úc, có thể thấy rằng Úc đã xây dựng và vận hành một cơ chế phòng vệ thương mại tương đối hoàn chỉnh, chặt chẽ và phù hợp với các chuẩn mực của Hiệp định Chống bán phá giá của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Hệ thống

pháp luật về chống bán phá giá của Úc không chỉ được nội luật hóa đầy đủ trong Đạo luật Hải quan năm 1901 và các văn bản hướng dẫn thi hành, mà còn được thiết kế theo hướng tăng cường minh bạch, bảo đảm quyền tham gia và quyền được bảo vệ lợi ích hợp pháp của tất cả các bên liên quan.

Về mặt quy trình, điều tra chống bán phá giá tại Úc được tiến hành theo một trình tự rõ ràng, logic và có tính kỹ thuật cao, bao gồm các giai đoạn từ khởi xướng điều tra, thu thập và thẩm tra thông tin, ban hành kết luận sơ bộ, áp dụng biện pháp tạm thời, đến kết luận cuối cùng và áp dụng biện pháp chính thức. Việc phân định tương đối rõ ràng giữa chức năng điều tra của Ủy ban Chống bán phá giá và thẩm quyền ra quyết định của Bộ trưởng góp phần nâng cao tính khách quan và hạn chế nguy cơ can thiệp mang tính chính trị vào quá trình điều tra.

Xét về thực tiễn áp dụng, Úc là một trong những quốc gia sử dụng biện pháp chống bán phá giá khá thường xuyên, đặc biệt đối với các mặt hàng công nghiệp cơ bản và nguyên liệu đầu vào như thép, nhôm, hóa chất và vật liệu xây dựng. Thực tiễn này cho thấy Úc có xu hướng áp dụng biện pháp chống bán phá giá một cách tương đối chủ động nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước, song vẫn duy trì sự tuân thủ nhất định đối với các nguyên tắc về chứng cứ, minh bạch và quyền được tham vấn của các bên liên quan. Đồng thời, các vụ việc điều tra cũng phản ánh rõ yêu cầu cao về năng lực hợp tác, khả năng cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và đúng hạn của các doanh nghiệp xuất khẩu.

Từ góc độ các quốc gia và doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó có Việt Nam, việc hiểu rõ cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Úc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc chủ động phòng ngừa rủi ro, xây dựng chiến lược ứng phó hiệu quả và bảo vệ quyền lợi chính đáng khi tham gia thị trường Úc. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ nắm vững quy định pháp luật, mà còn phải nâng cao năng lực quản trị, hệ thống kế toán – tài chính, cũng như tăng cường phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và tư vấn pháp lý chuyên sâu trong suốt quá trình điều tra.

Tóm lại, cơ chế điều tra chống bán phá giá của Úc thể hiện sự kết hợp giữa tính nghiêm ngặt về pháp lý, tính chặt chẽ về quy trình và tính thực tiễn trong áp dụng. Việc nghiên cứu sâu và toàn diện cơ chế này không chỉ có ý nghĩa học thuật mà còn mang giá trị thực tiễn cao, góp phần hỗ trợ các chủ thể tham gia thương mại quốc tế nâng cao khả năng thích ứng và phát triển bền vững trong bối cảnh các biện pháp phòng vệ thương mại ngày càng được sử dụng phổ biến trên phạm vi toàn cầu.

## **Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Mexico**

**T**rong bối cảnh thương mại quốc tế ngày càng cạnh tranh gay gắt, các biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là biện pháp chống bán phá giá, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước hành vi cạnh tranh không lành mạnh từ hàng hóa nhập khẩu.

Úc là một trong những quốc gia sử dụng biện pháp chống bán phá giá tương đối thường xuyên và có hệ thống pháp luật, cơ chế điều tra được đánh giá là chặt chẽ, minh bạch và phù hợp với các chuẩn mực của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Việc nghiên cứu cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Úc có ý nghĩa quan trọng đối với các quốc gia xuất khẩu, trong đó có Việt Nam, nhằm nâng cao khả năng tuân thủ và ứng phó hiệu quả với các vụ việc phòng vệ thương mại tại thị trường này.

### **1. Khái quát chung về biện pháp chống bán phá giá tại Mexico**

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, Mexico là một trong những quốc gia có mức độ mở cửa thương mại cao, tham gia tích cực vào nhiều hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương, đồng thời là thành viên lâu năm của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO).

Việc gia tăng mạnh mẽ hoạt động thương mại quốc tế, đặc biệt là nhập khẩu

hàng hóa giá thấp từ nhiều nguồn khác nhau, đã đặt ra những thách thức không nhỏ đối với ngành sản xuất trong nước của Mexico. Trước thực tế đó, biện pháp chống bán phá giá được Mexico sử dụng như một công cụ quan trọng nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước các hành vi cạnh tranh không công bằng, đồng thời duy trì trật tự và tính bền vững của môi trường thương mại.

Biện pháp chống bán phá giá tại Mexico không được xem là công cụ bảo hộ thuần túy, mà được đặt trong khuôn khổ pháp lý và thể chế nhằm cân bằng giữa hai mục tiêu: bảo vệ lợi ích chính đáng của ngành sản xuất trong nước và bảo đảm tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế về tự do hóa thương mại. Do đó, Mexico đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng cơ chế điều tra có tính kỹ thuật cao, dựa trên chứng cứ và phân tích kinh tế – pháp lý chặt chẽ.

Theo pháp luật và thực tiễn áp dụng của Mexico, bán phá giá được hiểu là hành vi xuất khẩu hàng hóa vào thị trường Mexico với giá thấp hơn giá trị thông thường của hàng hóa đó tại thị trường nước xuất khẩu, hoặc thấp hơn chi phí sản xuất hợp lý cộng với lợi nhuận hợp lý trong trường hợp không có giao dịch nội địa so sánh được.

Cách tiếp cận này về cơ bản phù hợp với định nghĩa và phương pháp xác định

bán phá giá theo Hiệp định Chống bán phá giá của WTO.

Tuy nhiên, trong thực tiễn điều tra, Mexico có xu hướng áp dụng các phương pháp xác định giá trị thông thường và giá xuất khẩu một cách chặt chẽ, đòi hỏi mức độ chi tiết cao về dữ liệu chi phí, giá cả và cấu trúc thị trường. Điều này phản ánh quan điểm nhất quán của Mexico trong việc coi chống bán phá giá là một công cụ pháp lý – kỹ thuật, thay vì một biện pháp mang tính chính trị hay linh hoạt tùy nghi.

Trong hệ thống các biện pháp phòng vệ thương mại, Mexico áp dụng đầy đủ ba công cụ chính theo quy định của WTO, bao gồm: chống bán phá giá, chống trợ cấp và biện pháp tự vệ. Trong đó, biện pháp chống bán phá giá được sử dụng thường xuyên và có phạm vi áp dụng rộng nhất.

So với biện pháp tự vệ, vốn đòi hỏi điều kiện nghiêm ngặt về gia tăng nhập khẩu và mang tính tạm thời, biện pháp chống bán phá giá cho phép Mexico phản ứng trực tiếp và có mục tiêu cụ thể hơn đối với các hành vi cạnh tranh không công bằng từ các nguồn xuất khẩu nhất định. So với biện pháp chống trợ cấp, chống bán phá giá thường dễ áp dụng hơn về mặt chứng minh, do không phải xác định yếu tố hỗ trợ của chính phủ nước xuất khẩu. Chính vì vậy, trong thực tiễn, Mexico ưu tiên sử dụng biện pháp chống bán phá giá như công cụ phòng vệ chủ đạo.

Một đặc điểm nổi bật trong cơ chế chống bán phá giá của Mexico là sự tập trung

thẩm quyền điều tra và ra quyết định tại Bộ Kinh tế. Trong cơ cấu tổ chức của Bộ Kinh tế, Đơn vị Thực hành Thương mại Quốc tế (Unidad de Prácticas Comerciales Internacionales – UPCI) đóng vai trò trung tâm trong việc tiếp nhận đơn kiện, tiến hành điều tra kỹ thuật, thu thập và phân tích thông tin, cũng như xây dựng các kết luận điều tra.

Cách tổ chức này giúp Mexico duy trì sự thống nhất trong chính sách và thực tiễn áp dụng biện pháp chống bán phá giá, đồng thời tạo điều kiện cho việc tích lũy kinh nghiệm chuyên môn và nâng cao năng lực kỹ thuật của cơ quan điều tra. Tuy nhiên, sự tập trung thẩm quyền này cũng đặt ra yêu cầu cao về tính minh bạch và trách nhiệm giải trình nhằm bảo đảm sự cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan.

Biện pháp chống bán phá giá tại Mexico có phạm vi áp dụng tương đối rộng, bao phủ nhiều ngành hàng khác nhau, đặc biệt là các ngành công nghiệp nền tảng như thép và sản phẩm thép, hóa chất, phân bón, nhựa, dệt may, vật liệu xây dựng và một số sản phẩm tiêu dùng cơ bản. Các vụ việc điều tra thường tập trung vào hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia có năng lực sản xuất lớn và chi phí sản xuất thấp, tạo áp lực cạnh tranh mạnh đối với ngành sản xuất trong nước của Mexico.

Về đối tượng áp dụng, biện pháp chống bán phá giá của Mexico không chỉ nhắm tới các nhà xuất khẩu riêng lẻ, mà trong nhiều trường hợp còn áp dụng trên cơ sở toàn

quốc đối với hàng hóa có xuất xứ từ một hoặc nhiều quốc gia nhất định. Điều này làm gia tăng đáng kể mức độ tác động của biện pháp và yêu cầu cao hơn đối với sự phối hợp và hợp tác của các doanh nghiệp xuất khẩu.

Từ góc độ thực tiễn, biện pháp chống bán phá giá của Mexico vừa đóng vai trò là hàng rào bảo vệ ngành sản xuất trong nước, vừa là công cụ điều tiết thương mại có tác động đáng kể đến dòng chảy hàng hóa quốc tế. Việc Mexico áp dụng biện pháp chống bán phá giá thường xuyên và với mức độ kỹ thuật cao đã tạo ra một môi trường thương mại có tính dự đoán nhất định, nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp đến từ các nền kinh tế đang phát triển.

Đối với các doanh nghiệp và quốc gia xuất khẩu, trong đó có Việt Nam, việc nắm vững đặc điểm, cách tiếp cận và thực tiễn áp dụng biện pháp chống bán phá giá của Mexico có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường, chủ động phòng ngừa rủi ro và nâng cao khả năng ứng phó khi bị điều tra.

Có thể thấy rằng biện pháp chống bán phá giá giữ vị trí trung tâm trong chính sách phòng vệ thương mại của Mexico. Với nền tảng pháp lý tương đối đầy đủ, cơ chế điều tra chuyên nghiệp và thực tiễn áp dụng phong phú, Mexico đã xây dựng được một hệ thống chống bán phá giá có hiệu quả trong việc bảo vệ ngành sản xuất trong



nước, đồng thời duy trì sự tuân thủ đối với các nghĩa vụ thương mại quốc tế. Việc nghiên cứu khái quát về biện pháp chống bán phá giá tại Mexico là cơ sở quan trọng để tiếp tục phân tích sâu hơn về cơ sở pháp lý, quy trình điều tra và thực tiễn áp dụng cụ thể của quốc gia này trong các phần tiếp theo.

## **2. Quy trình điều tra chống bán phá giá của Mexico**

Quy trình điều tra chống bán phá giá của Mexico được xây dựng và vận hành trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ Hiệp định Chống bán phá giá của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đồng thời được nội luật hóa cụ thể trong Luật Ngoại thương Mexico (Ley de Comercio Exterior) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Mục tiêu cốt lõi của quy trình này là bảo đảm rằng biện pháp chống bán phá giá chỉ được áp dụng khi có đầy đủ căn cứ pháp lý và kinh tế, tránh việc sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại như một hình thức bảo hộ trá hình.

Cơ quan chủ trì điều tra là Bộ Kinh tế Mexico (Secretaría de Economía), trong đó Đơn vị Thực hành Thương mại Quốc tế

(Unidad de Prácticas Comerciales Internacionales – UPCI) đóng vai trò trung tâm trong việc tiếp nhận đơn yêu cầu, tiến hành điều tra kỹ thuật và xây dựng các kết luận điều tra. Quy trình điều tra của Mexico được đánh giá là có mức độ chuyên môn hóa cao, yêu cầu kỹ thuật nghiêm ngặt và có sự tham gia tích cực của các bên liên quan.

#### **a. Khởi xướng điều tra chống bán phá giá**

- Chủ thể có quyền nộp đơn yêu cầu

Quy trình điều tra chống bán phá giá tại Mexico thường được khởi xướng trên cơ sở đơn yêu cầu của ngành sản xuất trong nước hoặc đại diện hợp pháp của ngành này. Người nộp đơn phải chứng minh được mức độ đại diện đáng kể cho toàn ngành sản xuất trong nước, phù hợp với các tiêu chí về tính đại diện theo quy định của pháp luật Mexico và WTO.

- Nội dung và yêu cầu của đơn yêu cầu

Đơn yêu cầu điều tra chống bán phá giá phải bao gồm các thông tin và bằng chứng sơ bộ về: (i) hành vi bán phá giá của hàng hóa nhập khẩu thông qua việc so sánh giá xuất khẩu với giá trị thông thường; (ii) tình trạng thiệt hại đáng kể hoặc nguy cơ gây thiệt hại đáng kể đối với ngành sản xuất trong nước; và (iii) mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá và thiệt hại đó. Các thông tin này phải được hỗ trợ bằng dữ liệu, tài liệu và phân tích kinh tế cụ thể.

- Xem xét và quyết định khởi xướng

Sau khi tiếp nhận đơn, UPCI tiến hành rà

soát tính đầy đủ, chính xác và hợp lệ của hồ sơ. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan điều tra có thể yêu cầu người nộp đơn bổ sung hoặc làm rõ thông tin. Chỉ khi các điều kiện pháp lý được đáp ứng, Bộ Kinh tế Mexico mới ra quyết định khởi xướng điều tra. Quyết định này được công bố công khai trên Công báo Liên bang và thông báo tới các bên liên quan.

#### **b. Thông báo và xác định các bên liên quan**

Ngay sau khi khởi xướng điều tra, Bộ Kinh tế Mexico có nghĩa vụ thông báo chính thức cho các bên liên quan, bao gồm các nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, chính phủ của nước xuất khẩu và các tổ chức, cá nhân có lợi ích liên quan. Việc thông báo nhằm bảo đảm quyền được biết và quyền tham gia đầy đủ của các bên trong suốt quá trình điều tra.

Trong giai đoạn này, phạm vi sản phẩm bị điều tra, thời kỳ điều tra và danh sách các bên tham gia điều tra được xác định rõ ràng. Đây là cơ sở quan trọng để xác định phạm vi áp dụng của biện pháp chống bán phá giá trong các giai đoạn tiếp theo.

#### **c. Thu thập thông tin và điều tra nội dung**

- Bảng câu hỏi điều tra

UPCI gửi các bảng câu hỏi chi tiết tới các nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu và ngành sản xuất trong nước để thu thập thông tin về giá xuất khẩu, giá trị thông thường, chi phí sản xuất, khối lượng và giá trị nhập khẩu, cũng như các chỉ tiêu kinh tế phản ánh tình

trạng của ngành sản xuất trong nước. Các bảng câu hỏi này thường có yêu cầu kỹ thuật cao và thời hạn trả lời nghiêm ngặt.

- Nghĩa vụ hợp tác và hậu quả pháp lý

Các bên liên quan có nghĩa vụ cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn. Trường hợp không hợp tác hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, cơ quan điều tra có thể sử dụng các dữ liệu sẵn có và đưa ra kết luận bất lợi cho bên không hợp tác, phù hợp với quy định của pháp luật Mexico và WTO.

- Thẩm tra tại chỗ

Trong nhiều vụ việc, UPCI tiến hành thẩm tra tại chỗ tại trụ sở doanh nghiệp xuất khẩu nhằm xác minh tính chính xác và độ tin cậy của thông tin đã cung cấp. Hoạt động thẩm tra tại chỗ có vai trò quan trọng trong việc đánh giá mức độ hợp tác của doanh nghiệp và là cơ sở để cơ quan điều tra đưa ra kết luận cuối cùng.

#### ***d. Kết luận sơ bộ và biện pháp tạm thời***

Sau khi phân tích các thông tin và dữ liệu thu thập được, Bộ Kinh tế Mexico ban hành kết luận sơ bộ về việc có hay không tồn tại hành vi bán phá giá, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả. Kết luận sơ bộ được công bố công khai và gửi tới các bên liên quan để lấy ý kiến bình luận.

Trong trường hợp có đủ căn cứ cho thấy việc trì hoãn áp dụng biện pháp có thể gây thiệt hại khó khắc phục cho ngành sản xuất trong nước, Mexico có thể áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời, thường dưới hình thức thuế chống bán phá giá tạm

thời hoặc các biện pháp bảo đảm khác theo quy định.

#### ***e. Tham vấn, bình luận và thông tin bổ sung***

Sau khi ban hành kết luận sơ bộ, các bên liên quan được tạo điều kiện để gửi ý kiến bình luận, cung cấp thông tin bổ sung và trình bày các lập luận pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bộ Kinh tế Mexico có trách nhiệm xem xét đầy đủ các ý kiến này và phản ánh trong báo cáo điều tra cuối cùng.

Quá trình tham vấn và bình luận là một đặc điểm quan trọng của quy trình điều tra chống bán phá giá của Mexico, thể hiện cam kết về minh bạch và bảo đảm quyền tham gia tố tụng của các bên liên quan.

#### ***g. Kết luận cuối cùng và áp dụng biện pháp***

Trên cơ sở các phân tích cuối cùng, Bộ Kinh tế Mexico ban hành kết luận cuối cùng về vụ việc điều tra. Trường hợp xác định có đủ căn cứ pháp lý và kinh tế, Mexico sẽ áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức với mức thuế tương ứng với biên độ bán phá giá được xác định. Biện pháp này thường có hiệu lực trong một thời hạn nhất định và có thể được rà soát, điều chỉnh hoặc chấm dứt theo quy định.

#### ***h. Rà soát, minh bạch và giải quyết tranh chấp***

Pháp luật Mexico cho phép tiến hành các thủ tục rà soát hành chính, rà soát định kỳ và rà soát hoàng hôn đối với các biện pháp chống bán phá giá đang có hiệu lực.



Ngoài ra, các bên liên quan có thể yêu cầu xem xét lại quyết định của cơ quan điều tra thông qua các cơ chế tài phán trong nước hoặc thông qua cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO.

Việc duy trì các cơ chế rà soát và giải quyết tranh chấp góp phần bảo đảm tính kiểm soát, trách nhiệm giải trình và sự phù hợp của biện pháp chống bán phá giá với các nghĩa vụ thương mại quốc tế của Mexico.

Quy trình điều tra chống bán phá giá của Mexico là một quy trình chặt chẽ, có tính hệ thống và tuân thủ nghiêm ngặt các chuẩn mực của WTO. Với cơ sở pháp lý rõ ràng, cơ chế điều tra chuyên nghiệp và thực tiễn áp dụng phong phú, Mexico đã xây dựng được một hệ thống điều tra chống bán phá giá có hiệu quả trong việc bảo vệ ngành sản xuất trong nước, đồng thời tạo ra những thách thức đáng kể đối với các doanh nghiệp xuất khẩu.

Việc nắm vững quy trình này là điều kiện tiên quyết để các doanh nghiệp và quốc gia

xuất khẩu xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường Mexico một cách chủ động, hiệu quả và bền vững.

### **3. Thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Mexico**

Trong thực tiễn thương mại quốc tế, Mexico được đánh giá là một trong những quốc gia sử dụng biện pháp chống bán phá giá tương đối tích cực và thường xuyên, không chỉ trong khu vực Mỹ Latinh mà còn trên phạm vi toàn cầu. Kể từ khi gia nhập WTO, Mexico đã từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực thể chế nhằm sử dụng hiệu quả công cụ chống bán phá giá để bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước áp lực cạnh tranh ngày càng gia tăng từ hàng hóa nhập khẩu.

Thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Mexico phản ánh rõ quan điểm chính sách thương mại mang tính cân bằng: vừa thúc đẩy hội nhập và tự do hóa thương mại, vừa chủ động sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại hợp pháp khi ngành sản xuất trong nước bị tổn hại bởi các hành vi cạnh

tranh không công bằng. Trong bối cảnh Mexico có độ mở kinh tế cao và phụ thuộc nhiều vào thương mại quốc tế, biện pháp chống bán phá giá trở thành công cụ điều tiết quan trọng nhằm duy trì sự ổn định của thị trường nội địa.

#### ***a. Tàn suất điều tra***

Trong nhiều năm qua, Mexico luôn nằm trong nhóm các quốc gia khởi xướng nhiều vụ việc điều tra chống bán phá giá. Các vụ việc được khởi xướng không mang tính ngẫu nhiên mà thường phản ánh rõ chu kỳ kinh tế, tình trạng dư thừa công suất toàn cầu và sự biến động mạnh của giá hàng hóa quốc tế. Đặc biệt, trong các giai đoạn kinh tế khó khăn hoặc khi giá hàng hóa thế giới giảm sâu, số lượng vụ việc điều tra chống bán phá giá tại Mexico có xu hướng gia tăng đáng kể.

#### ***b. Phạm vi ngành hàng bị điều tra***

Thực tiễn cho thấy các vụ việc điều tra chống bán phá giá của Mexico tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế và việc làm trong nước. Nổi bật nhất là ngành thép và sản phẩm thép, bao gồm thép cuộn, thép tấm, thép mạ, ống thép và các sản phẩm thép chế biến sâu. Ngoài ra, các ngành hóa chất, phân bón, nhựa, dệt may, vật liệu xây dựng và sản phẩm công nghiệp cơ bản cũng thường xuyên là đối tượng của các vụ điều tra.

Việc tập trung điều tra vào các ngành này cho thấy Mexico có xu hướng sử dụng biện pháp chống bán phá giá như một công

cụ bảo vệ các ngành có mức độ cạnh tranh cao và dễ bị tổn thương trước làn sóng nhập khẩu giá rẻ.

#### ***c. Đối tượng và nguồn gốc hàng hóa bị điều tra***

Trong thực tiễn, Mexico tiến hành điều tra chống bán phá giá đối với hàng hóa nhập khẩu từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau, đặc biệt là các quốc gia có năng lực sản xuất lớn, chi phí thấp hoặc dư thừa công suất. Các cuộc điều tra thường không chỉ nhắm vào một doanh nghiệp riêng lẻ mà còn áp dụng trên phạm vi toàn quốc đối với hàng hóa có xuất xứ từ một hoặc nhiều quốc gia.

Đáng chú ý, trong nhiều vụ việc, Mexico áp dụng mức thuế chống bán phá giá khác nhau đối với từng nhà xuất khẩu tùy theo mức độ hợp tác và kết quả điều tra cụ thể. Điều này phản ánh cách tiếp cận mang tính kỹ thuật và phân biệt rõ ràng giữa các chủ thể tham gia thị trường, đồng thời tạo động lực để doanh nghiệp xuất khẩu hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra.

#### ***d. Đặc điểm kỹ thuật trong thực tiễn điều tra***

- Yêu cầu cao về chứng cứ và dữ liệu

Một đặc điểm nổi bật trong thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Mexico là yêu cầu rất cao về chất lượng và độ chi tiết của dữ liệu. Các doanh nghiệp xuất khẩu bị điều tra phải cung cấp thông tin chi tiết về giá xuất khẩu, cấu trúc chi phí, quy trình sản xuất, hệ thống kế toán và các giao dịch thương mại liên quan.

Trong trường hợp doanh nghiệp không cung cấp đầy đủ hoặc cung cấp thông tin không nhất quán, cơ quan điều tra Mexico có thể sử dụng các dữ liệu sẵn có và đưa ra kết luận bất lợi cho doanh nghiệp đó. Điều này khiến mức thuế chống bán phá giá áp dụng trong thực tiễn có thể rất cao đối với các doanh nghiệp không hợp tác.

- Thẩm tra tại chỗ và đánh giá mức độ hợp tác

Thẩm tra tại chỗ là một công cụ được Mexico sử dụng thường xuyên trong thực tiễn điều tra. Thông qua việc thẩm tra trực tiếp tại trụ sở doanh nghiệp xuất khẩu, cơ quan điều tra đánh giá mức độ chính xác, minh bạch và đáng tin cậy của thông tin đã cung cấp. Kết quả thẩm tra tại chỗ có ảnh hưởng rất lớn đến việc xác định biên độ bán phá giá và mức thuế cuối cùng.

#### ***e. Biện pháp tạm thời và áp dụng thuế chống bán phá giá***

Trong thực tiễn, Mexico không ngần ngại áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời khi có đủ căn cứ cho thấy việc trì hoãn áp dụng biện pháp có thể gây thiệt hại

nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước. Biện pháp tạm thời thường được áp dụng dưới hình thức thuế tạm thời với mức thuế đáng kể, tạo tác động ngay lập tức đến dòng chảy thương mại.

Ở giai đoạn cuối cùng, thuế chống bán phá giá chính thức của Mexico thường có thời hạn áp dụng dài và có thể được gia hạn thông qua các cuộc rà soát hoàng hôn. Trong thực tiễn, nhiều biện pháp chống bán phá giá tại Mexico đã được duy trì trong thời gian dài, phản ánh xu hướng bảo vệ mạnh mẽ ngành sản xuất trong nước.

Mặc dù áp dụng biện pháp chống bán phá giá với mức độ tương đối nghiêm khắc, Mexico vẫn duy trì các cơ chế minh bạch và tham vấn theo quy định của WTO. Cơ quan điều tra công bố các thông tin không mật, tạo điều kiện để các bên liên quan tiếp cận hồ sơ vụ việc và đưa ra ý kiến phản hồi.

Bên cạnh đó, các bên bị ảnh hưởng có thể sử dụng các cơ chế khiếu kiện trong nước hoặc cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO để bảo vệ quyền lợi của mình. Thực tiễn cho thấy Mexico cũng từng là bên tham gia trong nhiều vụ tranh chấp liên quan đến biện pháp chống bán phá giá, qua đó góp phần định hình và hoàn thiện hơn thực tiễn áp dụng của quốc gia này.

#### ***g. Tác động thực tiễn đối với doanh nghiệp xuất khẩu***

Từ góc độ doanh nghiệp xuất khẩu, thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Mexico đặt ra mức độ rủi ro phòng vệ thương mại tương đối cao. Các doanh nghiệp thiếu



chuẩn bị, không có hệ thống kế toán minh bạch hoặc không hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra thường phải đối mặt với mức thuế chống bán phá giá rất cao, làm mất khả năng cạnh tranh trên thị trường Mexico.

Ngược lại, những doanh nghiệp chủ động chuẩn bị hồ sơ, hợp tác tích cực và có chiến lược ứng phó phù hợp có thể đạt được mức thuế thấp hơn đáng kể, thậm chí không bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

#### 4. Kết luận

Thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Mexico cho thấy đây là một quốc gia áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại một cách chủ động, có hệ thống và mang tính kỹ thuật cao. Với tần suất điều tra lớn, phạm vi ngành hàng rộng và mức độ yêu cầu nghiêm ngặt về chứng cứ, Mexico tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức đối với các doanh nghiệp xuất khẩu.

Việc nghiên cứu sâu thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Mexico không chỉ giúp làm rõ cách thức vận hành của hệ thống phòng vệ thương mại tại quốc gia này, mà còn cung cấp những bài học thực tiễn quan trọng cho các doanh nghiệp và cơ quan quản lý trong việc xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường, phòng ngừa rủi ro và bảo vệ lợi ích chính đáng trong bối cảnh các biện pháp phòng vệ thương mại ngày càng được sử dụng phổ biến trên phạm vi toàn cầu.



## Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra CBPG của Canada

Canada là một trong những quốc gia sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại, đặc biệt là biện pháp chống bán phá giá, tương đối thường xuyên và có hệ thống pháp luật hoàn thiện trong lĩnh vực này. Với đặc điểm là nền kinh tế mở, có mức độ hội nhập sâu rộng vào thương mại toàn cầu, Canada vừa thúc đẩy tự do hóa thương mại, vừa duy trì các công cụ pháp lý cần thiết nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước các hành vi cạnh tranh không công bằng từ hàng hóa nhập khẩu.

Biện pháp chống bán phá giá tại Canada được xem là một công cụ hợp pháp, phù hợp với các quy định của WTO, nhằm khắc phục các thiệt hại vật chất mà ngành sản xuất trong nước phải gánh chịu do hàng hóa nhập khẩu được bán với giá thấp hơn giá trị thông thường. Trong thực tiễn, Canada áp dụng biện pháp này một cách tương đối chặt chẽ, có sự phân công rõ ràng giữa các cơ quan điều tra và xét xử, qua đó bảo đảm tính khách quan, minh bạch và khả năng kiểm soát pháp lý đối với các quyết định áp dụng biện pháp.

### 1. Cơ sở pháp lý của biện pháp chống bán phá giá tại Canada

Canada là một trong những quốc gia xây dựng hệ thống pháp luật về chống bán phá giá tương đối sớm, đầy đủ và có tính thể chế cao trong nhóm các nước phát triển.



Trong bối cảnh là nền kinh tế có độ mở lớn, phụ thuộc đáng kể vào thương mại quốc tế, Canada vừa thúc đẩy tự do hóa thương mại, vừa duy trì các công cụ pháp lý nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước các hành vi cạnh tranh không công bằng. Biện pháp chống bán phá giá vì vậy được thiết kế như một công cụ phòng vệ hợp pháp, đặt trong khuôn khổ pháp luật chặt chẽ và chịu sự giám sát tư pháp nghiêm ngặt.

Cơ sở pháp lý của biện pháp chống bán phá giá tại Canada được xây dựng trên sự kết hợp hài hòa giữa pháp luật quốc gia và các cam kết quốc tế, trong đó pháp luật trong nước đóng vai trò trực tiếp điều chỉnh quy trình điều tra và áp dụng biện pháp, còn pháp luật quốc tế định hướng các nguyên tắc nền tảng và giới hạn pháp lý mà Canada phải tuân thủ.

#### a. Cơ sở pháp lý quốc tế

- Tư cách thành viên WTO và nghĩa vụ tuân thủ Hiệp định Chống bán phá giá



Canada là thành viên sáng lập của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và chịu sự ràng buộc đầy đủ của Hiệp định về thực thi Điều VI của GATT 1994 (Hiệp định Chống bán phá giá – ADA). Hiệp định này đặt ra các nguyên tắc pháp lý cơ bản cho việc xác định hành vi bán phá giá, thiệt hại, mối quan hệ nhân quả, cũng như quy trình điều tra và áp dụng biện pháp.

Các nội dung cốt lõi của Hiệp định Chống bán phá giá, như yêu cầu về bằng chứng khách quan, điều tra công bằng, minh bạch, quyền tham gia và bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, đều được Canada nội luật hóa một cách tương đối đầy đủ. Trong thực tiễn xét xử và điều tra, các cơ quan có thẩm quyền của Canada thường viện dẫn và diễn giải pháp luật quốc gia phù hợp với tinh thần và mục tiêu của Hiệp định này.

- Nghĩa vụ trong các hiệp định thương mại tự do

Bên cạnh WTO, Canada còn là thành

viên của nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, CUSMA (Hiệp định Canada – Hoa Kỳ – Mexico) và các FTA song phương khác. Các hiệp định này không loại bỏ quyền áp dụng biện pháp chống bán phá giá, nhưng yêu cầu các bên thực hiện biện pháp này phù hợp với tiêu chuẩn cao hơn về minh bạch, tham vấn và rà soát tư pháp.

Trong một số hiệp định, Canada cam kết tăng cường trao đổi thông tin, tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ vụ việc và bảo đảm quyền kháng kiện của các bên liên quan. Những cam kết này góp phần củng cố nền tảng pháp lý của hệ thống chống bán phá giá, đồng thời nâng cao mức độ dự đoán và ổn định cho môi trường thương mại.

#### ***b. Cơ sở pháp lý quốc gia***

- Đạo luật Biện pháp Nhập khẩu Đặc biệt (Special Import Measures Act – SIMA)

Văn bản pháp luật trung tâm điều chỉnh biện pháp chống bán phá giá tại Canada là Đạo luật Biện pháp Nhập khẩu Đặc biệt

(SIMA). Đạo luật này quy định toàn diện về điều kiện áp dụng, thẩm quyền của cơ quan điều tra, quy trình xác định bán phá giá, thiệt hại và việc áp dụng thuế chống bán phá giá.

Theo SIMA, một biện pháp chống bán phá giá chỉ có thể được áp dụng khi đồng thời thỏa mãn ba yếu tố pháp lý cơ bản:

Hàng hóa nhập khẩu bị bán phá giá, tức là có giá xuất khẩu thấp hơn giá trị thông thường;

Ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể, bị đe dọa gây thiệt hại đáng kể hoặc việc hình thành ngành sản xuất trong nước bị trì hoãn đáng kể;

Tồn tại mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi bán phá giá và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước.

Ba yếu tố này được xem là “xương sống” của toàn bộ hệ thống chống bán phá giá tại Canada, phản ánh sự tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực của WTO.

- Quy định thi hành SIMA (Special Import Measures Regulations – SIMR)

Bên cạnh SIMA, Quy định thi hành SIMA (SIMR) đóng vai trò cụ thể hóa các quy định mang tính nguyên tắc của đạo luật. SIMR hướng dẫn chi tiết về phương pháp xác định giá trị thông thường, giá xuất khẩu, biên độ bán phá giá, cũng như cách thức đánh giá thiệt hại và mối quan hệ nhân quả.

Các quy định này mang tính kỹ thuật cao, đòi hỏi việc thu thập và phân tích dữ liệu chi tiết về chi phí sản xuất, giá cả, cấu

trúc thị trường và tình hình tài chính của các doanh nghiệp liên quan. Điều này cho thấy hệ thống pháp lý của Canada không chỉ mang tính hình thức, mà được thiết kế để vận hành hiệu quả trong thực tiễn điều tra phức tạp.

### ***c. Phân công thẩm quyền trong khuôn khổ pháp lý***

- Vai trò của Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA)

Theo SIMA, Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA) có thẩm quyền điều tra và xác định hành vi bán phá giá, bao gồm việc tính toán giá trị thông thường, giá xuất khẩu và biên độ bán phá giá. CBSA hoạt động với tư cách là cơ quan hành chính – kỹ thuật, chịu trách nhiệm thu thập và phân tích dữ liệu từ các bên liên quan.

### ***d. Vai trò của Tòa án Thương mại Quốc tế Canada (CITT)***

Song song với CBSA, Tòa án Thương mại Quốc tế Canada (CITT) có thẩm quyền điều tra và kết luận về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. CITT là một cơ quan xét xử độc lập, hoạt động theo thủ tục bán tư pháp, có tổ chức điều trần công khai và cho phép các bên trình bày lập luận.

Sự phân tách thẩm quyền này là một đặc điểm pháp lý quan trọng, góp phần bảo đảm tính khách quan và cân bằng lợi ích trong quá trình áp dụng biện pháp chống bán phá giá tại Canada.

### ***đ. Cơ chế rà soát và kiểm soát pháp lý***

Một trụ cột quan trọng trong cơ sở pháp lý chống bán phá giá của Canada là cơ chế



rà soát và kiểm soát tư pháp. Các quyết định của CBSA và CITT có thể bị khiếu kiện thông qua:

Cơ chế rà soát tư pháp tại Tòa án Liên bang Canada;

Cơ chế giải quyết tranh chấp theo WTO hoặc các hiệp định thương mại tự do có liên quan.

Cơ chế này góp phần bảo đảm rằng việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá không bị lạm dụng, đồng thời củng cố tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan điều tra.

#### ***e. Đánh giá chung***

Có thể thấy rằng cơ sở pháp lý của biện pháp chống bán phá giá tại Canada được xây dựng tương đối toàn diện, chặt chẽ và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Sự kết hợp giữa pháp luật quốc gia chi tiết, cơ chế phân công thẩm quyền rõ ràng và hệ thống kiểm soát tư pháp hiệu quả đã tạo nên một mô hình chống bán phá giá có tính ổn định và khả năng dự đoán cao.

Việc nghiên cứu cơ sở pháp lý của biện

pháp chống bán phá giá tại Canada không chỉ có ý nghĩa học thuật, mà còn mang giá trị thực tiễn lớn đối với các quốc gia và doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là trong bối cảnh các biện pháp phòng vệ thương mại ngày càng được sử dụng phổ biến trong thương mại quốc tế hiện nay.

#### **2. Quy trình điều tra chống bán phá giá của Canada**

Canada xây dựng quy trình điều tra chống bán phá giá trên nền tảng pháp lý chặt chẽ, chủ yếu dựa trên Đạo luật Biện pháp Nhập khẩu Đặc biệt (Special Import Measures Act – SIMA) và Quy định thi hành SIMA (Special Import Measures Regulations – SIMR), đồng thời bảo đảm tuân thủ đầy đủ các chuẩn mực của Hiệp định Chống bán phá giá của WTO.

Quy trình này được thiết kế nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa việc bảo vệ ngành sản xuất trong nước và việc duy trì môi trường thương mại công bằng, minh bạch, có khả năng dự đoán.

Một đặc điểm nổi bật của quy trình điều tra chống bán phá giá của Canada là sự phân công rõ ràng về thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước, trong đó Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA) chịu trách nhiệm xác định hành vi bán phá giá, còn Tòa án Thương mại Quốc tế Canada (CITT) chịu trách nhiệm đánh giá thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. Cơ chế phân tách này giúp nâng cao tính khách quan, hạn chế xung đột lợi ích và bảo đảm tính hợp pháp của các quyết định điều tra.

#### **a. Khởi xướng điều tra chống bán phá giá**

- Chủ thể nộp đơn yêu cầu điều tra

Quy trình điều tra chống bán phá giá tại Canada thường được khởi xướng trên cơ sở đơn yêu cầu điều tra do ngành sản xuất trong nước hoặc đại diện hợp pháp của ngành sản xuất trong nước nộp lên CBSA. Đơn yêu cầu phải được nộp bởi các nhà sản xuất chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng sản lượng hàng hóa tương tự tại Canada, bảo đảm yêu cầu về tính đại diện theo quy định của SIMA.

- Nội dung và yêu cầu của đơn kiện

Đơn yêu cầu điều tra phải bao gồm các thông tin và bằng chứng sơ bộ chứng minh ba yếu tố cơ bản: (i) sự tồn tại của hành vi bán phá giá; (ii) thiệt hại đáng kể hoặc nguy cơ gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước; và (iii) mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá và thiệt hại. Các thông tin này thường bao gồm dữ liệu về giá xuất khẩu, giá trị thông thường, khối

lượng nhập khẩu, tác động đến giá bán, lợi nhuận, thị phần và việc làm của ngành sản xuất trong nước.

- Thẩm tra đơn và quyết định khởi xướng

Sau khi tiếp nhận đơn yêu cầu, CBSA tiến hành thẩm tra tính đầy đủ, chính xác và mức độ hợp lệ của các thông tin được cung cấp. Trong giai đoạn này, CBSA có thể yêu cầu bổ sung thông tin hoặc làm rõ các nội dung chưa đầy đủ. Chỉ khi CBSA xác định rằng đơn yêu cầu đáp ứng các điều kiện pháp lý cần thiết, quyết định khởi xướng điều tra mới được ban hành và công bố công khai.

#### **b. Điều tra sơ bộ và đánh giá thiệt hại ban đầu**

- Điều tra sơ bộ về hành vi bán phá giá

Ngay sau khi khởi xướng điều tra, CBSA tiến hành điều tra sơ bộ để xác định liệu có đủ căn cứ cho thấy hàng hóa nhập khẩu bị bán phá giá hay không. Trong giai đoạn này, CBSA gửi bảng câu hỏi điều tra đến các nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu và chính phủ nước xuất khẩu để thu thập dữ liệu về giá xuất khẩu, giá trị thông thường và chi phí sản xuất.

Việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và đúng thời hạn là nghĩa vụ quan trọng của các bên liên quan. Trong trường hợp không hợp tác hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, CBSA có quyền sử dụng các dữ liệu sẵn có và đưa ra kết luận bất lợi cho bên không hợp tác.

- Điều tra thiệt hại sơ bộ của CITT

Song song với điều tra sơ bộ của CBSA,

CITT tiến hành điều tra sơ bộ về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. CITT đánh giá các yếu tố như sự gia tăng nhập khẩu, tác động đến giá cả, lợi nhuận, sản lượng, thị phần, việc làm và triển vọng phát triển của ngành.

Nếu CITT đưa ra kết luận sơ bộ rằng không có thiệt hại đáng kể hoặc không có nguy cơ gây thiệt hại, quy trình điều tra sẽ chấm dứt. Ngược lại, nếu thiệt hại sơ bộ được xác nhận, quy trình điều tra tiếp tục sang các giai đoạn tiếp theo.

### ***c. Áp dụng biện pháp tạm thời***

Trong trường hợp CBSA kết luận sơ bộ rằng hàng hóa bị bán phá giá và CITT xác định có thiệt hại sơ bộ, Canada có thể áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời. Mức thuế tạm thời thường được xác định dựa trên biên độ bán phá giá sơ bộ và được áp dụng nhằm ngăn chặn thiệt hại tiếp diễn trong thời gian điều tra cuối cùng.

Biện pháp tạm thời này mang tính phòng ngừa, không phải là kết luận cuối cùng, và chỉ được áp dụng trong thời hạn nhất định theo quy định của SIMA và Hiệp định Chống bán phá giá của WTO.

### ***d. Điều tra cuối cùng***

- Thu thập và xác minh thông tin

Trong giai đoạn điều tra cuối cùng, CBSA tiếp tục thu thập thông tin chi tiết hơn từ các bên liên quan, bao gồm dữ liệu cập nhật về chi phí sản xuất, cấu trúc giá, chính sách bán hàng và các yếu tố ảnh hưởng đến giá xuất khẩu. CBSA có thể tiến hành thẩm tra tại chỗ tại trụ sở doanh

ngiệp xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu nhằm xác minh tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

- Kết luận cuối cùng về bán phá giá

Trên cơ sở các thông tin đã được xác minh, CBSA đưa ra kết luận cuối cùng về việc hàng hóa nhập khẩu có bị bán phá giá hay không và xác định biên độ bán phá giá cuối cùng cho từng nhà xuất khẩu hoặc cho toàn bộ quốc gia xuất khẩu trong trường hợp cần thiết.

- Kết luận cuối cùng về thiệt hại của CITT

Cùng thời điểm đó, CITT tiến hành điều tra công khai và đưa ra kết luận cuối cùng về thiệt hại. Các bên liên quan, bao gồm nhà sản xuất trong nước, nhà xuất khẩu và nhà nhập khẩu, có quyền tham gia điều tra, trình bày lập luận và cung cấp bằng chứng phản biện.

### ***đ. Áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức***

Chỉ khi cả hai kết luận cuối cùng của CBSA và CITT đều mang tính khẳng định, Canada mới áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với hàng hóa nhập khẩu bị điều tra. Thuế này thường được áp dụng trong thời hạn 5 năm và được thu thông qua hệ thống hải quan của Canada.

Biện pháp chống bán phá giá có thể được điều chỉnh thông qua các cuộc rà soát hành chính, rà soát giá hoặc rà soát hoàng hôn, tùy theo diễn biến thị trường và mức độ hợp tác của các bên liên quan.



### *e. Cơ chế rà soát, khiếu kiện và kiểm soát tư pháp*

Một đặc điểm quan trọng trong quy trình điều tra chống bán phá giá của Canada là sự tồn tại của cơ chế rà soát và khiếu kiện hiệu quả. Các bên liên quan có thể yêu cầu:

Rà soát tư pháp đối với quyết định của CBSA và CITT tại Tòa án Liên bang Canada;

Khởi kiện theo cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO hoặc các hiệp định thương mại tự do có liên quan.

Cơ chế này góp phần bảo đảm rằng quy trình điều tra được thực hiện đúng pháp luật, minh bạch và không bị lạm dụng.

Quy trình điều tra chống bán phá giá của Canada được đánh giá là một trong những quy trình chặt chẽ và minh bạch trong hệ thống phòng vệ thương mại toàn cầu. Sự phân công rõ ràng giữa CBSA và CITT, cùng với các yêu cầu nghiêm ngặt về chứng cứ và quyền tham gia của các bên liên quan, đã góp phần nâng cao tính hợp pháp và hiệu quả của biện pháp chống bán phá giá.

Việc nghiên cứu quy trình điều tra chống bán phá giá của Canada có ý nghĩa quan

trọng đối với các doanh nghiệp và quốc gia xuất khẩu, trong đó có Việt Nam, trong việc chủ động phòng ngừa rủi ro, nâng cao khả năng ứng phó và xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường Canada một cách bền vững.

### **3. Thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Canada**

Trong thực tiễn thương mại quốc tế, Canada được đánh giá là một trong những quốc gia sử dụng biện pháp chống bán phá giá tương đối thường xuyên, ổn định và có hệ thống pháp lý – thể chế hoàn thiện. Là nền kinh tế có độ mở cao, phụ thuộc lớn vào xuất nhập khẩu, Canada đối mặt với áp lực cạnh tranh mạnh mẽ từ hàng hóa nhập khẩu giá thấp, đặc biệt trong các ngành công nghiệp cơ bản và truyền thống.

Trước bối cảnh đó, biện pháp chống bán phá giá được Canada sử dụng như một công cụ quan trọng nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước các hành vi cạnh tranh không công bằng, đồng thời bảo đảm tuân thủ các cam kết quốc tế trong khuôn khổ WTO và các hiệp định thương mại tự do.

Thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Canada cho thấy cách tiếp cận tương đối thận trọng, dựa trên phân tích kỹ thuật và chứng cứ chi tiết, với sự phân công rõ ràng giữa các cơ quan điều tra. Điều này giúp Canada duy trì sự cân bằng giữa mục tiêu bảo hộ hợp pháp và nghĩa vụ tự do hóa thương mại.

#### *a. Xu hướng và phạm vi điều tra chống bán phá giá*

- Tần suất và mức độ sử dụng biện pháp

Trong nhiều năm qua, Canada duy trì số lượng vụ việc điều tra chống bán phá giá ở mức tương đối ổn định. Dù không phải là quốc gia khởi xướng nhiều vụ việc nhất trên thế giới, Canada vẫn nằm trong nhóm các nước thường xuyên sử dụng công cụ này, đặc biệt trong các giai đoạn kinh tế suy giảm hoặc khi ngành sản xuất trong nước chịu áp lực cạnh tranh lớn từ hàng nhập khẩu.

Các vụ việc điều tra thường kéo dài và được tiến hành một cách bài bản, cho thấy Canada không sử dụng biện pháp chống bán phá giá mang tính tùy tiện hay mang động cơ chính trị, mà chủ yếu dựa trên yêu cầu cụ thể của ngành sản xuất trong nước và các phân tích kinh tế – pháp lý chi tiết.

- Ngành hàng thường xuyên bị điều tra

Thực tiễn điều tra cho thấy các vụ việc chống bán phá giá tại Canada tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp nền tảng và có tính chiến lược, như thép và sản phẩm thép, nhôm, kim loại màu, vật liệu xây dựng, hóa chất, phân bón, sản phẩm nhựa và một số hàng tiêu dùng cơ bản. Đây là những ngành chịu áp lực cạnh tranh mạnh từ hàng hóa nhập khẩu giá thấp và có ảnh hưởng lớn đến việc làm và năng lực sản xuất trong nước.

Việc tập trung điều tra vào các ngành này phản ánh rõ định hướng chính sách của Canada trong việc bảo vệ các ngành sản xuất có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế, đồng thời duy trì sự ổn định xã hội và thị trường lao động.

## ***b. Đặc điểm nổi bật trong thực tiễn điều tra***

- Cách tiếp cận kỹ thuật và dựa trên chứng cứ

Một trong những đặc điểm nổi bật của thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Canada là cách tiếp cận mang tính kỹ thuật cao và dựa chặt chẽ vào chứng cứ. Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA) yêu cầu các bên liên quan cung cấp dữ liệu chi tiết về giá cả, chi phí sản xuất, cấu trúc giá, chính sách bán hàng và các yếu tố liên quan đến việc hình thành giá xuất khẩu.

Việc không cung cấp đầy đủ thông tin hoặc không hợp tác trong quá trình điều tra thường dẫn đến việc CBSA sử dụng dữ liệu sẵn có và đưa ra các kết luận bất lợi cho nhà xuất khẩu. Điều này tạo áp lực lớn buộc các doanh nghiệp nước ngoài phải hợp tác tích cực nếu muốn bảo vệ quyền lợi của mình.

- Phân tách rõ ràng giữa điều tra bán phá giá và điều tra thiệt hại

Thực tiễn điều tra tại Canada cho thấy sự phân tách rõ ràng và hiệu quả giữa điều tra bán phá giá và điều tra thiệt hại. Trong khi CBSA tập trung vào việc xác định hành vi bán phá giá và biên độ bán phá giá, thì Tòa án Thương mại Quốc tế Canada (CITT) tiến hành đánh giá độc lập về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước.

Cơ chế này giúp hạn chế nguy cơ thiên lệch trong quá trình điều tra, đồng thời nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của các kết luận cuối cùng.

- Tăng cường tính minh bạch và quyền tham gia của các bên liên quan

Trong thực tiễn, Canada đặc biệt chú trọng đến việc bảo đảm quyền tham gia của các bên liên quan trong quá trình điều tra. Các bên có quyền tiếp cận thông tin không mật trong hồ sơ vụ việc, tham gia các phiên điều trần công khai và trình bày lập luận phản biện.

Việc tăng cường tính minh bạch không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia, mà còn góp phần nâng cao tính hợp pháp và khả năng phòng vệ pháp lý của các quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

#### ***c. Áp dụng biện pháp tạm thời và biện pháp chính thức trong thực tiễn***

- Biện pháp tạm thời

Trong nhiều vụ việc, Canada áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời sau khi có kết luận sơ bộ về bán phá giá và thiệt hại. Biện pháp này được sử dụng nhằm ngăn chặn thiệt hại tiếp diễn trong thời gian điều tra cuối cùng, đặc biệt trong các ngành có mức độ nhạy cảm cao với biến động giá và nhập khẩu.

- Biện pháp chính thức và thời hạn áp dụng

Thuế chống bán phá giá chính thức tại Canada thường được áp dụng trong thời hạn 5 năm, với mức thuế được xác định dựa trên biên độ bán phá giá cuối cùng. Trong thực tiễn, nhiều biện pháp được gia hạn thông qua các cuộc rà soát hoàng hôn, cho thấy tác động kéo dài của các vụ việc chống bán

phá giá đối với thương mại quốc tế.

#### ***d. Rà soát, gia hạn và điều chỉnh biện pháp***

Một điểm đáng chú ý trong thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Canada là việc sử dụng thường xuyên các cơ chế rà soát, bao gồm rà soát hành chính, rà soát giá và rà soát hoàng hôn. Các cơ chế này cho phép Canada điều chỉnh mức thuế chống bán phá giá phù hợp với diễn biến thị trường và mức độ hợp tác của các bên liên quan.

Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, việc tham gia tích cực vào các cuộc rà soát là cơ hội quan trọng để giảm mức thuế hoặc được loại trừ khỏi biện pháp áp dụng.

#### ***đ. Tác động thực tiễn đối với doanh nghiệp xuất khẩu***

Thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Canada đặt ra nhiều thách thức đối với doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là các doanh nghiệp đến từ các nước đang phát triển. Chi phí tuân thủ cao, yêu cầu kỹ thuật phức tạp và thời gian điều tra kéo dài đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược ứng phó bài bản và nguồn lực pháp lý đủ mạnh.

Tuy nhiên, hệ thống điều tra minh bạch và có cơ chế kháng kiện hiệu quả cũng tạo điều kiện để doanh nghiệp bảo vệ quyền lợi chính đáng nếu chủ động hợp tác và chuẩn bị hồ sơ đầy đủ.

Thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Canada cho thấy một mô hình áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại tương đối chặt chẽ, minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế. Việc phân công thẩm quyền rõ

ràng, cách tiếp cận dựa trên chứng cứ và cơ chế kiểm soát tư pháp hiệu quả đã giúp Canada duy trì sự cân bằng giữa bảo vệ ngành sản xuất trong nước và bảo đảm thương mại công bằng.

Đối với các quốc gia và doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó có Việt Nam, việc nghiên cứu và hiểu rõ thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Canada có ý nghĩa quan trọng trong việc chủ động phòng ngừa rủi ro, nâng cao năng lực ứng phó và xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường Canada một cách bền vững và hiệu quả.

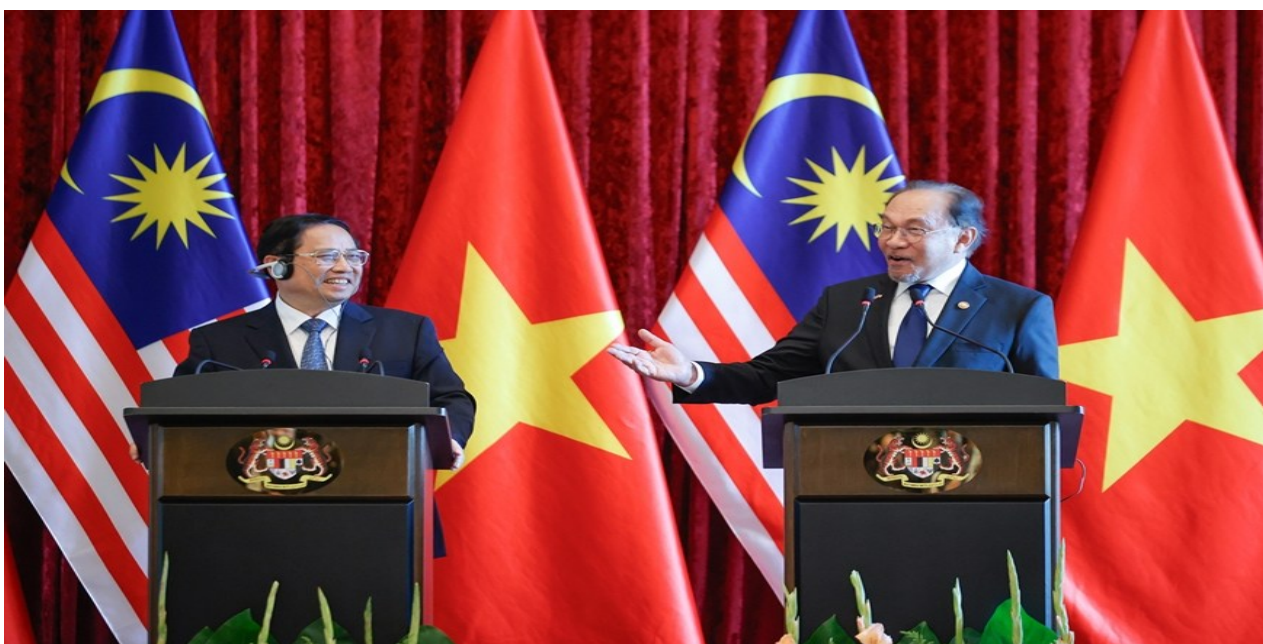
#### **4. Kết luận**

Hệ thống điều tra chống bán phá giá của Canada được xây dựng trên nền tảng pháp lý vững chắc, quy trình điều tra chặt chẽ và thực tiễn áp dụng phong phú. Việc phân công rõ ràng thẩm quyền giữa CBSA và CITT, cùng với cơ chế minh bạch và kiểm soát tư pháp hiệu quả, đã giúp Canada duy trì được sự cân bằng giữa bảo vệ ngành sản xuất trong nước và tuân thủ các nguyên tắc của thương mại quốc tế.

Việc nghiên cứu cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Canada có ý nghĩa quan trọng đối với các quốc gia và doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt trong bối cảnh các biện pháp phòng vệ thương mại ngày càng được sử dụng phổ biến. Hiểu rõ cách tiếp cận của Canada sẽ giúp các chủ thể tham gia thương mại quốc tế chủ động phòng ngừa rủi ro, nâng cao năng lực ứng phó và xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường bền vững.



## Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Malaysia



Malaysia là một nền kinh tế mở và hội nhập cao với thương mại quốc tế. Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu gay gắt, hàng hóa nhập khẩu với giá thấp hơn giá thị trường nội địa của nước xuất khẩu (dumping) có thể gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.

Để đối phó với hành vi này, Malaysia đã thiết lập hệ thống điều tra chống bán phá giá nhằm bảo vệ các ngành sản xuất bị tổn hại, đồng thời tuân thủ các cam kết quốc tế theo Hiệp định Chống bán phá giá của WTO và thực tiễn quốc tế.

### 1. Cơ sở pháp lý của biện pháp chống bán phá giá tại Malaysia

Chống bán phá giá là một trong những công cụ phòng vệ thương mại quan trọng được Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) cho phép nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong

nước trước sự cạnh tranh không lành mạnh từ hàng hóa nhập khẩu được bán với giá thấp hơn giá trị thông thường. Với tư cách là thành viên của WTO, Malaysia có nghĩa vụ xây dựng và thực thi hệ thống pháp luật quốc gia phù hợp với các quy định quốc tế về chống bán phá giá, đồng thời đảm bảo quyền lợi chính đáng của ngành sản xuất trong nước cũng như các bên liên quan.

Cơ sở pháp lý của biện pháp chống bán phá giá tại Malaysia được hình thành trên hai trụ cột chính: (i) các cam kết và quy định quốc tế trong khuôn khổ WTO; và (ii) hệ thống pháp luật quốc gia do Malaysia ban hành nhằm nội luật hóa các cam kết đó. Sự kết hợp này tạo nên một khuôn khổ pháp lý tương đối đầy đủ, minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế.

### *a. Cơ sở pháp lý quốc tế*

- Hiệp định Chống bán phá giá của WTO (Anti-Dumping Agreement – ADA)

Nền tảng pháp lý quốc tế quan trọng nhất điều chỉnh hoạt động chống bán phá giá của Malaysia là Hiệp định về việc thực thi Điều VI của Hiệp định Chung về Thuế quan và Thương mại 1994 (Hiệp định ADA). Hiệp định này quy định:

- Khái niệm bán phá giá và phương pháp xác định biên độ bán phá giá;

- Các tiêu chí xác định thiệt hại vật chất, thiệt hại đáng kể hoặc nguy cơ gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước;

- Yêu cầu chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá và thiệt hại;

- Nguyên tắc khởi xướng, tiến hành và kết thúc điều tra;

- Việc áp dụng biện pháp tạm thời, thuế chống bán phá giá chính thức và thời hạn áp dụng biện pháp.

Malaysia, với tư cách là thành viên WTO, có nghĩa vụ bảo đảm rằng các quy định pháp luật và thực tiễn điều tra trong nước không trái với Hiệp định ADA, đặc biệt là các nguyên tắc về minh bạch, công bằng thủ tục và quyền tham gia của các bên liên quan.

- Nguyên tắc tự vệ có điều kiện trong thương mại quốc tế

Khác với các biện pháp bảo hộ thuần túy, chống bán phá giá theo WTO chỉ được áp dụng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện pháp lý nghiêm ngặt. Do đó, cơ sở pháp lý quốc tế đặt ra giới hạn rõ ràng đối với quyền áp

dụng biện pháp của các quốc gia, trong đó có Malaysia, nhằm tránh lạm dụng công cụ chống bán phá giá như một rào cản thương mại trá hình.

### *b. Cơ sở pháp lý quốc gia*

- Đạo luật Thuế chống trợ cấp và chống bán phá giá năm 1993 (Act 504)

Văn bản pháp luật trung tâm điều chỉnh biện pháp chống bán phá giá tại Malaysia là **Đạo luật Thuế chống trợ cấp và chống bán phá giá năm 1993 (Act 504)**. Đây là đạo luật có tính chất nền tảng, quy định toàn diện về:

- Thẩm quyền của Chính phủ Malaysia trong việc điều tra và áp dụng thuế chống bán phá giá;

- Điều kiện khởi xướng điều tra, bao gồm yêu cầu về bằng chứng sơ bộ đối với hành vi bán phá giá, thiệt hại và quan hệ nhân quả;

- Nguyên tắc xác định giá trị thông thường, giá xuất khẩu và biên độ bán phá giá;

- Trình tự ban hành quyết định áp dụng biện pháp tạm thời và biện pháp chính thức;

- Thời hạn hiệu lực của thuế chống bán phá giá và cơ chế rà soát.

Act 504 thể hiện rõ định hướng của Malaysia trong việc nội luật hóa các nguyên tắc của Hiệp định ADA, đồng thời trao cho cơ quan có thẩm quyền công cụ pháp lý cần thiết để bảo vệ ngành sản xuất trong nước.

- Quy định về Thuế chống trợ cấp và chống bán phá giá năm 1994

Malaysia ban hành Quy định về Thuế chống trợ cấp và chống bán phá giá năm 1994. Văn bản này mang tính kỹ thuật, hướng dẫn chi tiết:

- Thủ tục nộp đơn yêu cầu điều tra chống bán phá giá;
- Nghĩa vụ cung cấp thông tin và hợp tác của các bên liên quan;
- Phương thức điều tra, xác minh thông tin và thẩm tra tại chỗ;
- Các mốc thời gian trong quá trình điều tra;
- Quy tắc bảo mật thông tin và công bố kết luận điều tra.

Các quy định này đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính thống nhất, minh bạch và khả năng dự đoán của quá trình điều tra chống bán phá giá tại Malaysia.

- Các sửa đổi và cập nhật pháp luật

Trước bối cảnh thương mại quốc tế thay đổi nhanh chóng, Malaysia thường xuyên xem xét và sửa đổi Act 504 cũng như các văn bản liên quan nhằm khắc phục các bất cập, tăng cường hiệu quả thực thi và bảo đảm phù hợp với chuẩn mực WTO. Các sửa đổi gần đây tập trung vào việc:

- Làm rõ thẩm quyền và trách nhiệm của cơ quan điều tra;
- Tăng cường cơ chế thực thi và thu thuế;
- Nâng cao mức độ minh bạch và ứng dụng công nghệ trong quản lý điều tra.

### *c. Cơ quan thực thi và thẩm quyền pháp lý*

- Bộ Đầu tư, Thương mại và Công nghiệp Malaysia (MITI)

MITI là cơ quan chủ trì thực hiện điều tra chống bán phá giá. MITI có thẩm quyền:

- Tiếp nhận và thẩm tra đơn yêu cầu điều tra;
- Khởi xướng và tiến hành điều tra;
- Ban hành kết luận sơ bộ và kết luận cuối cùng;
- Đề xuất áp dụng hoặc chấm dứt biện pháp chống bán phá giá.
- Cơ chế phối hợp liên ngành

Trong quá trình điều tra và thực thi biện pháp, MITI phối hợp với cơ quan hải quan và các cơ quan chức năng khác nhằm đảm bảo việc thu thuế chống bán phá giá được thực hiện đúng quy định pháp luật.

### *d. Đánh giá chung về cơ sở pháp lý của Malaysia*

Nhìn chung, cơ sở pháp lý của biện pháp chống bán phá giá tại Malaysia có thể được đánh giá là:

Tương thích cao với chuẩn mực WTO, đặc biệt là Hiệp định ADA;

Khá đầy đủ và chi tiết, bao quát từ điều kiện áp dụng đến thủ tục thực hiện;

Tạo sự cân bằng giữa mục tiêu bảo vệ ngành sản xuất trong nước và nghĩa vụ duy trì môi trường thương mại công bằng.

Tuy nhiên, trong bối cảnh số lượng và mức độ phức tạp của các vụ việc chống bán phá giá ngày càng gia tăng, hệ thống pháp luật của Malaysia vẫn cần tiếp tục được

hoàn thiện nhằm nâng cao tính hiệu quả, rút ngắn thời gian điều tra và hạn chế tranh chấp phát sinh.

## **2. Quy trình điều tra chống bán phá giá của Malaysia**

Quy trình điều tra chống bán phá giá của Malaysia được xây dựng và thực hiện trên cơ sở nội luật hóa đầy đủ các quy định của Hiệp định Chống bán phá giá của WTO (ADA), đồng thời phản ánh đặc thù quản lý nhà nước và thực tiễn thương mại của quốc gia này. Quy trình điều tra mang tính hành chính – kỹ thuật cao, được tổ chức theo các giai đoạn rõ ràng, bảo đảm nguyên tắc công bằng, minh bạch và dựa trên chứng cứ.

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra là Bộ Đầu tư, Thương mại và Công nghiệp Malaysia (MITI). MITI chịu trách nhiệm xuyên suốt từ khâu tiếp nhận đơn yêu cầu, thẩm tra, điều tra sơ bộ, điều tra cuối cùng cho đến việc đề xuất và thực thi các biện pháp chống bán phá giá.

### **a. Khởi xướng điều tra chống bán phá giá**

- Chủ thể có quyền nộp đơn yêu cầu điều tra

Quy trình điều tra chống bán phá giá tại Malaysia được khởi xướng chủ yếu trên cơ sở đơn yêu cầu của ngành sản xuất trong nước. Đơn yêu cầu có thể do một hoặc nhiều nhà sản xuất nội địa nộp, với điều kiện các nhà sản xuất này đại diện cho một tỷ lệ đáng kể của tổng sản lượng nội địa của hàng hóa tương tự tại Malaysia.

Theo quy định, đơn yêu cầu chỉ được coi là hợp lệ khi:

Được nộp bởi hoặc thay mặt cho ngành sản xuất trong nước;

Có sự ủng hộ của các nhà sản xuất chiếm tỷ lệ sản lượng lớn hơn tỷ lệ phản đối;

Kèm theo bằng chứng sơ bộ về hành vi bán phá giá, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả.

- Nội dung và yêu cầu đối với đơn yêu cầu

Đơn yêu cầu điều tra phải cung cấp các thông tin chi tiết và có cơ sở, bao gồm:

Mô tả hàng hóa bị điều tra và hàng hóa tương tự sản xuất trong nước;

Danh sách các nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu và quốc gia/vùng lãnh thổ xuất khẩu;

Thông tin sơ bộ về giá xuất khẩu, giá trị thông thường và biên độ bán phá giá;

Phân tích tình hình thiệt hại của ngành sản xuất trong nước (sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thị phần, việc làm...);

Lập luận sơ bộ về mối quan hệ nhân quả giữa hàng hóa bán phá giá và thiệt hại.

MITI tiến hành thẩm tra tính đầy đủ, hợp lệ và độ tin cậy của các thông tin này trước khi ra quyết định khởi xướng.

- Quyết định khởi xướng điều tra

Sau khi xem xét đơn yêu cầu và đánh giá các bằng chứng sơ bộ, MITI có thể:

Quyết định khởi xướng điều tra chống bán phá giá, hoặc

Từ chối khởi xướng nếu đơn không đáp ứng đủ điều kiện pháp lý.

Quyết định khởi xướng được công bố công khai và thông báo chính thức tới các bên liên quan, bao gồm nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, chính phủ nước xuất khẩu và các bên có quyền lợi liên quan khác.

**b. Giai đoạn điều tra sơ bộ**

- Thu thập thông tin và phát hành bảng câu hỏi

Sau khi khởi xướng điều tra, MITI tiến hành thu thập thông tin chi tiết từ các bên liên quan thông qua việc phát hành bảng câu hỏi. Bảng câu hỏi được gửi tới:

- Các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài;
- Các nhà nhập khẩu tại Malaysia;
- Ngành sản xuất trong nước.

Bảng câu hỏi yêu cầu cung cấp dữ liệu chi tiết về giá bán, chi phí sản xuất, khối lượng xuất khẩu, cấu trúc doanh nghiệp và các yếu tố liên quan đến thiệt hại.

- Đánh giá sơ bộ về bán phá giá và thiệt hại

Trên cơ sở thông tin thu thập được, MITI tiến hành:

Xác định sơ bộ giá trị thông thường và giá xuất khẩu;

Tính toán biên độ bán phá giá;

Phân tích sơ bộ tình trạng thiệt hại của ngành sản xuất trong nước;

Đánh giá mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá và thiệt hại.

- Áp dụng biện pháp tạm thời (nếu cần thiết)

Trong trường hợp có đủ bằng chứng sơ bộ cho thấy:

Có hành vi bán phá giá;

Ngành sản xuất trong nước đang chịu thiệt hại đáng kể;

Việc trì hoãn áp dụng biện pháp có thể gây tổn hại khó khắc phục,

MITI có thể đề xuất áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời. Biện pháp này mang tính phòng ngừa và chỉ được áp dụng trong thời gian giới hạn theo quy định pháp luật.

**c. Giai đoạn điều tra cuối cùng**

- Điều tra bổ sung và xác minh tại chỗ

Trong giai đoạn điều tra cuối cùng, MITI tiến hành:

Phân tích sâu hơn các dữ liệu đã thu thập;

Yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung khi cần thiết;

Thực hiện xác minh tại chỗ đối với các nhà sản xuất, xuất khẩu hoặc doanh nghiệp trong nước để kiểm tra tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

Việc xác minh tại chỗ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tính khách quan và độ tin cậy của kết luận điều tra.

- Công bố kết luận sơ bộ mở rộng và tham vấn các bên

Trước khi đưa ra kết luận cuối cùng, MITI thường:

Công bố các phát hiện chính;

Tạo điều kiện cho các bên liên quan tiếp cận thông tin không mật;

Tổ chức tham vấn hoặc tiếp nhận ý kiến bằng văn bản từ các bên.

Cơ chế này nhằm bảo đảm quyền được trình bày và bảo vệ lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

- Kết luận cuối cùng

Trên cơ sở toàn bộ hồ sơ và ý kiến thu thập được, MITI ban hành kết luận cuối cùng, trong đó xác định:

Có hay không hành vi bán phá giá;

Mức độ và bản chất của thiệt hại;

Mối quan hệ nhân quả;

Mức thuế chống bán phá giá chính thức (nếu có).

#### ***d. Áp dụng, rà soát và chấm dứt biện pháp***

- Áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức

Nếu kết luận cuối cùng khẳng định có đủ căn cứ, Malaysia sẽ áp dụng thuế chống bán phá giá chính thức đối với hàng hóa nhập khẩu liên quan. Thuế có thể được áp dụng:

Theo mức thuế cụ thể cho từng nhà xuất khẩu; hoặc

Theo mức thuế toàn quốc trong trường hợp không hợp tác.

- Thời hạn và rà soát biện pháp

Thuế chống bán phá giá tại Malaysia thường có thời hạn tối đa 5 năm, trừ trường hợp được gia hạn thông qua rà soát hoàng hôn. Ngoài ra, các bên liên quan có thể yêu cầu:

Rà soát giữa kỳ;

Rà soát thay đổi hoàn cảnh;

Rà soát cho nhà xuất khẩu mới.

- Cơ chế khiếu kiện và giải quyết tranh chấp

Các bên không đồng ý với kết luận hoặc biện pháp áp dụng có quyền:

Khiếu nại theo cơ chế pháp luật trong

nước của Malaysia;

Khởi kiện thông qua cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO nếu cho rằng Malaysia vi phạm nghĩa vụ quốc tế.

Dưới góc độ tổng thể, quy trình điều tra chống bán phá giá của Malaysia được xây dựng và vận hành theo hướng chặt chẽ, có hệ thống và phù hợp cao với các chuẩn mực của Hiệp định Chống bán phá giá của WTO. Từ khâu khởi xướng, điều tra sơ bộ, điều tra cuối cùng cho đến việc áp dụng, rà soát và chấm dứt biện pháp, các bước trong quy trình đều được quy định tương đối rõ ràng, có trình tự logic và gắn với các mốc thời gian cụ thể.

Cơ quan điều tra là Bộ Đầu tư, Thương mại và Công nghiệp Malaysia (MITI) giữ vai trò trung tâm, bảo đảm sự thống nhất trong áp dụng pháp luật, đồng thời tích lũy được kinh nghiệm chuyên môn sâu trong việc xử lý các vụ việc có tính kỹ thuật cao. Quy trình điều tra của Malaysia đặc biệt nhấn mạnh đến việc thu thập, xác minh và đánh giá chứng cứ một cách khách quan, qua đó hạn chế nguy cơ lạm dụng biện pháp chống bán phá giá như một rào cản thương mại trá hình.

Bên cạnh đó, cơ chế công khai thông tin, tham vấn và tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan được duy trì trong suốt quá trình điều tra, góp phần nâng cao tính minh bạch và bảo đảm quyền tham gia, quyền được bảo vệ lợi ích hợp pháp của các nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu và ngành sản xuất trong nước. Tuy nhiên, chính sự chi tiết và

yêu cầu cao về chứng cứ, dữ liệu và mức độ hợp tác cũng khiến quy trình điều tra của Malaysia trở nên phức tạp, đòi hỏi các doanh nghiệp bị điều tra phải có năng lực pháp lý, kế toán và quản trị tốt để đáp ứng đầy đủ yêu cầu của cơ quan điều tra. Nhìn chung, quy trình điều tra chống bán phá giá của Malaysia vừa thể hiện nỗ lực cân bằng giữa mục tiêu bảo vệ ngành sản xuất trong nước và nghĩa vụ tuân thủ thương mại quốc tế, vừa tạo ra môi trường pháp lý có tính dự đoán nhưng cũng không kém phần thách thức đối với các chủ thể tham gia thương mại quốc tế.

### **3. Thực tiễn áp dụng điều tra chống bán phá giá của Malaysia**

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế sâu rộng, Malaysia là một nền kinh tế có độ mở cao, phụ thuộc lớn vào thương mại quốc tế cả ở chiều xuất khẩu lẫn nhập khẩu. Sự gia tăng mạnh mẽ của hàng hóa nhập khẩu, đặc biệt là từ các quốc gia có năng lực sản xuất lớn và chi phí thấp, đã tạo ra áp lực cạnh tranh đáng kể đối với các ngành sản xuất trong nước. Trước thực tế đó, Malaysia ngày càng sử dụng biện pháp chống bán phá giá như một công cụ quan trọng nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước các hành vi cạnh tranh không công bằng, đồng thời duy trì môi trường thương mại ổn định và có trật tự.

Thực tiễn cho thấy, từ đầu những năm 2000 đến nay, số lượng các vụ việc điều tra chống bán phá giá tại Malaysia có xu hướng gia tăng cả về số lượng lẫn mức độ phức

tạp. Biện pháp này không chỉ được áp dụng trong các giai đoạn suy giảm kinh tế hoặc biến động thương mại toàn cầu, mà còn trở thành một phần thường xuyên trong chính sách phòng vệ thương mại của quốc gia này.

#### ***a. Các ngành hàng thường xuyên bị điều tra chống bán phá giá***

- Ngành thép và sản phẩm thép

Ngành thép là lĩnh vực bị điều tra chống bán phá giá nhiều nhất tại Malaysia. Các sản phẩm thường xuyên nằm trong diện điều tra bao gồm thép cán nguội, thép mạ, thép không gỉ, ống thép và các sản phẩm thép xây dựng. Nguyên nhân chủ yếu là do Malaysia có ngành thép nội địa tương đối phát triển nhưng phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh từ thép nhập khẩu giá rẻ.

Trong thực tiễn điều tra, Malaysia thường áp dụng mức thuế chống bán phá giá đáng kể đối với thép nhập khẩu từ các quốc gia có sản lượng lớn, qua đó tạo ra tác động rõ rệt đến dòng chảy thương mại và cấu trúc thị trường trong nước.

- Ngành hóa chất và sản phẩm công nghiệp cơ bản

Bên cạnh thép, các sản phẩm hóa chất, phân bón, nhựa và hóa chất công nghiệp cũng là đối tượng thường xuyên của các vụ việc chống bán phá giá tại Malaysia. Đây là những ngành có vai trò quan trọng đối với chuỗi cung ứng trong nước, đồng thời dễ bị tổn thương trước sự cạnh tranh về giá từ hàng nhập khẩu.

- Các ngành sản xuất khác

Ngoài các ngành công nghiệp nặng và hóa chất, Malaysia cũng tiến hành điều tra chống bán phá giá đối với một số sản phẩm tiêu dùng, vật liệu xây dựng và sản phẩm trung gian khác khi ngành sản xuất nội địa chứng minh được sự thiệt hại đáng kể do hàng hóa nhập khẩu bán phá giá gây ra.

### ***b. Đặc điểm nổi bật trong thực tiễn điều tra của Malaysia***

- Tiêu chuẩn chứng cứ và mức độ kỹ thuật cao

Một trong những đặc điểm nổi bật trong thực tiễn điều tra chống bán phá giá của Malaysia là yêu cầu cao về chứng cứ và dữ liệu. Cơ quan điều tra đòi hỏi các bên liên quan phải cung cấp thông tin chi tiết, chính xác và có thể kiểm chứng về giá bán, chi phí sản xuất, cấu trúc chi phí, lợi nhuận và tình hình tài chính.

Việc xác minh tại chỗ thường được thực hiện nghiêm túc và đóng vai trò quyết định trong việc đánh giá độ tin cậy của thông tin. Các doanh nghiệp không hợp tác đầy đủ hoặc cung cấp thông tin không chính xác thường phải đối mặt với việc áp dụng dữ liệu sẵn có bất lợi, dẫn đến mức thuế chống bán phá giá cao.

- Cách tiếp cận thận trọng trong áp dụng biện pháp

Trong thực tiễn, Malaysia thể hiện cách tiếp cận tương đối thận trọng khi áp dụng biện pháp chống bán phá giá. Mặc dù sẵn sàng sử dụng công cụ này để bảo vệ ngành sản xuất trong nước, nhưng cơ quan điều tra vẫn chú trọng đến việc cân nhắc đầy đủ

các yếu tố về thiệt hại và quan hệ nhân quả, nhằm tránh gây ra những tác động tiêu cực không cần thiết đối với thị trường và người tiêu dùng.

- Áp dụng linh hoạt các loại rà soát

Malaysia thường xuyên sử dụng các cơ chế rà soát, bao gồm rà soát giữa kỳ, rà soát hoàng hôn và rà soát cho nhà xuất khẩu mới, để điều chỉnh mức thuế chống bán phá giá phù hợp với diễn biến thực tế. Điều này phản ánh sự linh hoạt trong thực tiễn áp dụng và góp phần nâng cao tính công bằng của biện pháp.

### ***c. Tác động của biện pháp chống bán phá đến thị trường và doanh nghiệp***

- Đối với ngành sản xuất trong nước

Việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đã giúp ngành sản xuất nội địa của Malaysia cải thiện khả năng cạnh tranh, ổn định sản xuất và duy trì việc làm. Trong nhiều trường hợp, các biện pháp này đã tạo ra khoảng thời gian cần thiết để ngành sản xuất trong nước tái cơ cấu và nâng cao năng lực.

- Đối với doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài

Đối với các doanh nghiệp xuất khẩu, biện pháp chống bán phá giá của Malaysia tạo ra rào cản đáng kể khi tiếp cận thị trường. Các doanh nghiệp phải đầu tư nguồn lực lớn cho việc tham gia điều tra, tuân thủ yêu cầu pháp lý và quản trị rủi ro thương mại.

- Đối với môi trường thương mại

Ở góc độ rộng hơn, việc áp dụng biện

pháp chống bán phá giá góp phần duy trì môi trường thương mại công bằng, nhưng cũng có thể làm gia tăng chi phí nhập khẩu và ảnh hưởng đến người tiêu dùng trong nước nếu không được áp dụng một cách cân nhắc.

Nhìn chung, thực tiễn áp dụng điều tra chống bán phá giá của Malaysia thể hiện sự chuyên nghiệp, nhất quán và tương thích cao với chuẩn mực WTO. Malaysia đã xây dựng được đội ngũ điều tra có trình độ chuyên môn, quy trình làm việc bài bản và cơ chế pháp lý tương đối hoàn thiện. Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá với tần suất ngày càng cao cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, nâng cao tính minh bạch và tăng cường đối thoại với các đối tác thương mại nhằm hạn chế tranh chấp và tác động tiêu cực không mong muốn.

Đối với các doanh nghiệp và quốc gia xuất khẩu, trong đó có Việt Nam, việc hiểu rõ thực tiễn áp dụng điều tra chống bán phá giá của Malaysia có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường, chủ động phòng ngừa rủi ro và nâng cao năng lực ứng phó khi bị điều tra. Việc đầu tư vào hệ thống kế toán minh bạch, quản trị chi phí và năng lực pháp lý là yếu tố then chốt để giảm thiểu tác động bất lợi từ các biện pháp phòng vệ thương mại của Malaysia.



# Cơ sở pháp lý, quy trình và thực tiễn điều tra chống bán phá giá của New Zealand

## I. Cơ sở pháp lý về điều tra chống bán phá giá của New Zealand

### 1. Cơ sở pháp lý

New Zealand áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) nhằm bảo đảm cạnh tranh công bằng cho ngành sản xuất trong nước trước hàng nhập khẩu bị bán phá giá hoặc được trợ cấp.

Các biện pháp này chỉ được áp dụng sau một cuộc điều tra chính thức theo khuôn khổ pháp lý về Trade Remedies, phù hợp với các nghĩa vụ của New Zealand theo các Hiệp định của WTO.

Khung Trade Remedies của New Zealand bao gồm:

Trade (Anti-dumping and Countervailing Duties) Act 1988

Trade (Safeguard Measures) Act 2014

### 2. Cơ quan quản lý và điều tra chính:

Ministry of Business, Innovation and Employment (MBIE) là cơ quan quản lý và điều hành toàn bộ hệ thống PVTM của New Zealand, bao gồm:

Điều tra chống bán phá giá (anti-dumping),

Điều tra chống trợ cấp (countervailing),

Điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ (safeguards).

Cụ thể, MBIE chịu trách nhiệm:

Tiếp nhận và đánh giá đơn yêu cầu điều

tra từ ngành sản xuất nội địa;

Tiến hành điều tra chính thức, bao gồm:

Thu thập và phân tích dữ liệu từ các bên liên quan (nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, nhà sản xuất trong nước);

Xác định hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp;

Đánh giá thiệt hại đáng kể hoặc nguy cơ thiệt hại đối với ngành sản xuất nội địa;

Chuẩn bị báo cáo điều tra và khuyến nghị.

Tuy nhiên, cần lưu ý rõ, MBIE là cơ quan thực hiện điều tra chuyên môn và xác định mức thuế đề xuất, nhưng không phải là cơ quan ra quyết định cuối cùng về mặt pháp lý.

### 3. Cơ quan ra quyết định cuối cùng:

Bộ trưởng phụ trách Thương mại và Tiêu dùng (Minister of Commerce and Consumer Affairs) là người đưa ra quyết định cuối cùng về việc áp thuế PVTM. Theo đó, quyết định cuối cùng gồm:

Việc có áp thuế chống bán phá giá hay không;

Mức thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp;

Việc áp dụng biện pháp tự vệ,

Quy trình ra quyết định:

MBIE hoàn tất điều tra và đưa ra kết luận, khuyến nghị;

Bộ trưởng xem xét kết quả điều tra;

Bộ trưởng ban hành quyết định cuối cùng (final determination) theo quy định của pháp luật.

#### **4. Vai trò của cơ quan Hải quan**

Sau khi có quyết định áp thuế:

Cơ quan hải quan New Zealand (New Zealand Customs Service) chịu trách nhiệm thu và thực thi thuế chống bán phá giá đối với hàng nhập khẩu theo quyết định của Bộ trưởng;

Hải quan không tham gia điều tra nội dung phá giá, mà chỉ thực thi biện pháp đã được ban hành.

## **II. Quy trình điều tra chống bán phá giá của New Zealand**

Quy trình xác định và điều tra các biện pháp chống bán phá giá, dựa trên các yêu cầu cần thiết để nộp đơn và tiến hành điều tra theo quy định của Trade (Anti-dumping and Countervailing Duties) Act 1988 (Đạo luật Thương mại (Chống bán phá giá và Thuế đối kháng) 1988), bao gồm các bước cốt lõi sau:

### **1. Giai đoạn nộp đơn và đánh giá Sơ bộ**

*a. Xác định Người nộp đơn và Hàng hóa:*

Quy trình bắt đầu bằng việc nộp đơn yêu cầu điều tra. Đơn phải được lập bởi hoặc thay mặt cho các nhà sản xuất New Zealand đối với các hàng hóa tương tự (like goods).

*b. Đánh giá Mức độ Hỗ trợ của Ngành Sản xuất trong nước (Industry Standing):*

Để một cuộc điều tra có thể được tiến hành, Đơn kiện phải có mức độ ủng hộ tối thiểu từ ngành sản xuất New Zealand. Các yêu cầu về mức độ hỗ trợ là:

Tổng sản lượng để tiêu thụ nội địa của các nhà sản xuất New Zealand đã bày tỏ sự ủng hộ bằng văn bản phải đạt từ 25% trở lên trong tổng sản lượng nội địa của hàng hóa tương tự.

Những nhà sản xuất ủng hộ phải chịu trách nhiệm về ít nhất 50% tổng sản lượng để tiêu thụ nội địa của những người đã bày tỏ ý kiến (ủng hộ hoặc phản đối) bằng văn bản.

*c. Vậy hàng hóa tương tự được định nghĩa như nào?*

Theo quy định, hàng hóa tương tự là:

Các hàng hóa giống hệt (like those goods in all respects) hàng hóa nhập khẩu.

Hoặc, trong trường hợp không có các hàng hóa giống hệt, đó là các hàng hóa có các đặc điểm gần giống (characteristics closely resembling those goods) với hàng hóa nhập khẩu.

Để xác nhận rằng hàng hóa do ngành công nghiệp New Zealand sản xuất là hàng hóa tương tự với hàng hóa bị cáo buộc bán phá giá, đơn yêu cầu điều tra phải mô tả và giải thích chi tiết về các yếu tố so sánh sau:

Mô tả Hàng hóa: Đơn kiện phải mô tả cả hàng hóa bị cáo buộc bán phá giá và hàng hóa tương tự do các nhà sản xuất New Zealand sản xuất (nếu có thể, kèm theo hình ảnh, tài liệu quảng cáo hoặc danh mục).

Phân loại Thuế quan (Tariff Classification): Cần cung cấp mã phân loại thuế quan đối với hàng hóa bị cáo buộc bán phá giá.

Các Đặc điểm So sánh: Phải giải thích cách thức mà hàng hóa do ngành công nghiệp New Zealand sản xuất tương tự với hàng hóa bị cáo buộc bán phá giá. Giải thích này bao gồm:

Phương pháp sản xuất (method of manufacture).

Đặc điểm vật lý (physical characteristics).

Mục đích sử dụng cuối cùng (end use).

Kênh tiếp thị và phân phối (marketing and distribution channels).

Việc xác định hàng hóa tương tự là nền tảng để xác định ngành sản xuất nội địa có đủ điều kiện để nộp đơn (Industry Standing) hay không, vì đơn phải được nộp bởi hoặc thay mặt cho các nhà sản xuất New Zealand đối với hàng hóa tương tự.

*d. Đánh giá Ngưỡng Tối thiểu (De Minimis) và Mức độ Nhỏ (Negligibility):*

Đơn kiện phải bị bác bỏ nếu có bằng chứng cho thấy mức độ bán phá giá là de minimis (ít hơn 2% giá xuất khẩu) hoặc nếu khối lượng nhập khẩu là không đáng kể (negligible).



Nhập khẩu được coi là không đáng kể nếu lượng nhập khẩu của hàng hóa bị điều tra chiếm ít hơn 3% tổng lượng hàng hóa tương tự được nhập khẩu từ nước xuất khẩu đó, trừ khi tổng khối lượng nhập khẩu từ tất cả các nước dưới ngưỡng 3% cộng lại vượt quá 7%.

## **2. Giai đoạn điều tra xác định hành vi bán phá giá (Dumping)**

Điều tra phải xác định xem giá xuất khẩu của hàng hóa nhập khẩu vào New Zealand có thấp hơn giá trị thông thường (normal value) của hàng hóa đó tại nước xuất khẩu hay không.

*a. Xác định Giá Xuất khẩu (Export Price)*

Đây là giá mà nhà nhập khẩu trả cho hàng hóa, được điều chỉnh ngược lại về mức giá xuất xưởng (ex-factory) tại nước xuất khẩu bằng cách trừ đi các chi phí liên quan đến việc xuất khẩu. Nếu không có giá bán ngang giá (arm's length) hoặc nếu người xuất khẩu và người nhập khẩu có quan hệ liên quan, giá xuất khẩu có thể được xây dựng (constructed) bằng cách khấu trừ thuế, phí, chi phí, và lợi nhuận từ lần bán hàng ngang giá đầu tiên tại New Zealand ngược lại về giá xuất xưởng tại nước xuất xứ.

*b. Xác định Giá trị Thông thường (Normal Value):*

Giá trị thông thường là giá bán nội địa tại nước xuất khẩu trong các giao dịch ngang giá và trong quá trình thương mại thông thường. Nếu không thể xác định được trên

cơ sở này, giá trị thông thường có thể được xác định dựa trên:

Giá trị được xây dựng (Constructed values): Bao gồm chi phí sản xuất cộng với các khoản hợp lý cho chi phí hành chính, bán hàng, chung và lợi nhuận.

Giá bán cho nước thứ ba của nhà xuất khẩu, nếu giá đó đại diện cho giá bán nội địa.

*c. Tính toán Biên độ Bán phá giá (Dumping Margin):*

Biên độ bán phá giá là sự chênh lệch giữa Giá trị Thông thường và Giá Xuất khẩu, thường được tính ở mức xuất xưởng (ex-factory). Biên độ này phải được tính toán cho từng loại/mô hình sản phẩm và phải lớn hơn ngưỡng de minimis 2%.

### **3. Giai đoạn xác định thiệt hại đáng kể (Material Injury) và mối quan hệ nhân quả**

*a. Đánh giá Thiệt hại đáng kể:*

Cần có bằng chứng cho thấy ngành công nghiệp New Zealand đang bị thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa gây thiệt hại. Việc đánh giá này tập trung vào ba yếu tố chính:

Khối lượng Nhập khẩu: Đánh giá xem có sự gia tăng đáng kể về khối lượng nhập khẩu hàng hóa bị cáo buộc bán phá giá hay không, xét về mặt tuyệt đối hoặc tương đối so với sản lượng của nhà sản xuất New Zealand hoặc tổng thị trường nội địa.

Ảnh hưởng về Giá (Price Effects): Cần nhắc mức độ của việc bán phá giá gây ra:

Cắt giảm giá (Price Undercutting): Hàng hóa bị bán phá giá được bán với giá thấp

hơn hàng hóa tương tự do New Zealand sản xuất.

Làm giảm giá (Price Depression): Giá bán nội địa của ngành công nghiệp New Zealand bị giảm xuống.

Kìm hãm giá (Price Suppression): Các đợt tăng giá lẽ ra phải diễn ra (ví dụ: để bù đắp chi phí tăng) lại không xảy ra.

Tác động Kinh tế (Economic Impact): Đánh giá tác động của khối lượng nhập khẩu và ảnh hưởng giá đối với các chỉ số kinh tế của ngành sản xuất trong nước, bao gồm Sản lượng, Khối lượng/Doanh thu bán hàng, Lợi nhuận gộp, EBIT (Lợi nhuận trước lãi vay và thuế), Thị phần, Năng suất, Lợi tức đầu tư, và Tỷ lệ sử dụng công suất.

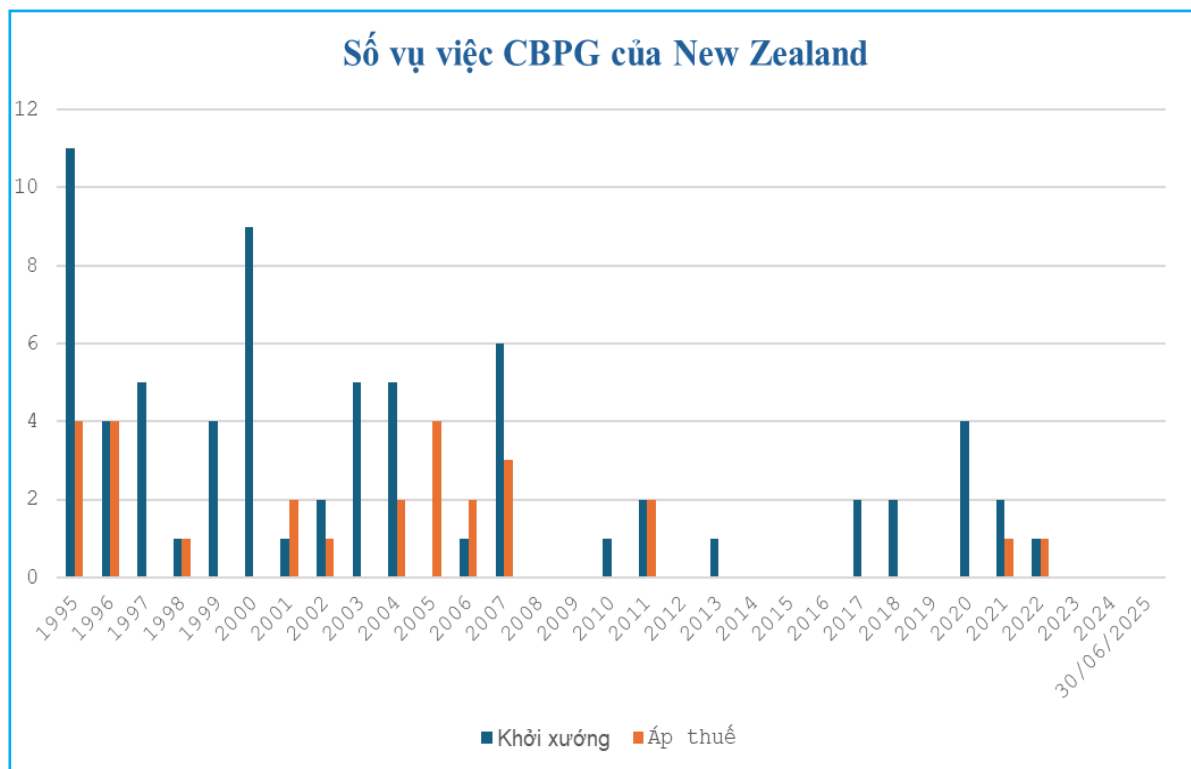
*b. Xác định Mối quan hệ Nhân quả (Causal Link):*

Cuối cùng, quy trình phải chứng minh được một mối quan hệ giữa việc nhập khẩu hàng hóa bị bán phá giá và thiệt hại đáng kể mà ngành công nghiệp New Zealand phải chịu.

Đồng thời, cần phải xem xét và giải thích các yếu tố khác không phải là hàng hóa bị bán phá giá có thể gây ra thiệt hại cho ngành (ví dụ: thay đổi nhu cầu, cạnh tranh nội bộ, phát triển công nghệ, hoặc hiệu suất xuất khẩu của ngành).

Sau khi hoàn tất các bước này, nếu bằng chứng đầy đủ về dumping, thiệt hại đáng kể và mối quan hệ nhân quả được xác nhận, cơ quan có thẩm quyền có thể tiến hành áp dụng các biện pháp, bao gồm cả thuế chống bán phá giá tạm thời nếu cần thiết để ngăn

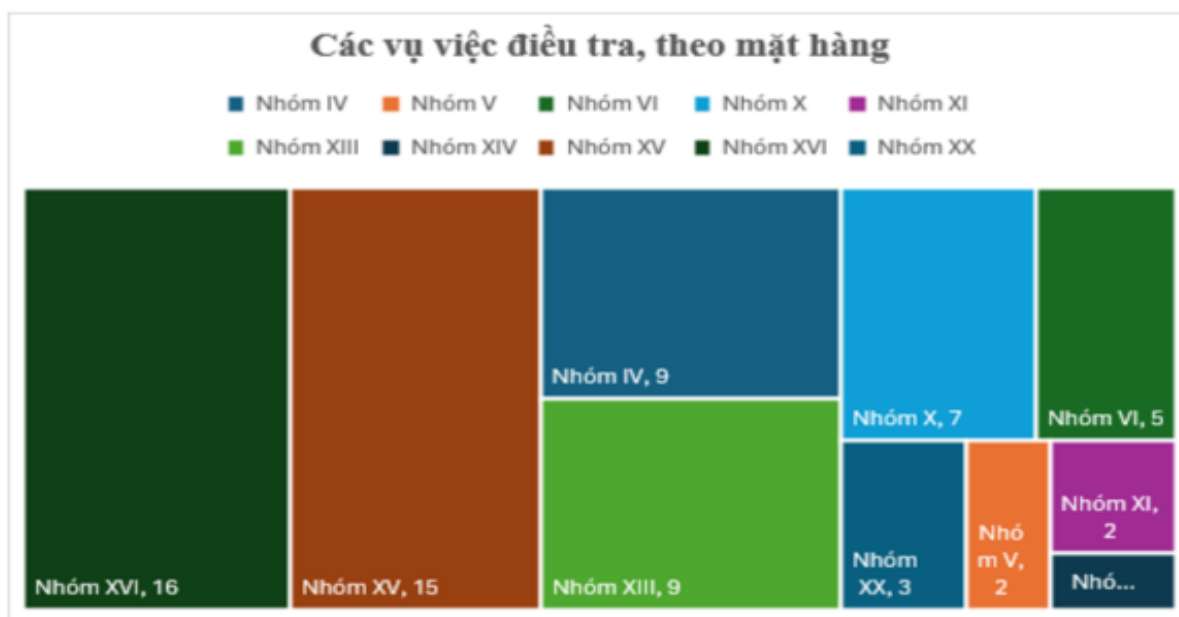
chặn thiệt hại tiếp diễn trong quá trình điều tra.



### III. THỰC TIỄN ĐIỀU TRA CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CỦA NEW ZEALAND

Tính đến hết tháng 6 năm 2025, New Zealand đã khởi xướng 69 vụ việc điều tra CBPG, trong đó chỉ có 27 vụ việc có kết luận cuối cùng áp thuế, chiếm tỷ lệ 39%.

(Nguồn: WTO Statistcis)



Từ biểu đồ trên có thể thấy, New Zealand không phải là quốc gia thường xuyên khởi xướng điều tra, áp dụng các biện pháp CBPG. Tỷ lệ áp thuế của nước này cũng không cao. Đặc biệt, trong thời gian từ năm 2023 tới nay, New Zealand không khởi xướng điều tra mới cũng như áp dụng bất cứ biện pháp PVTM nào.

(Nguồn: WTO Statistics)

Trong số các mặt hàng bị điều tra, các nhóm mặt hàng mà New Zealand thường xuyên khởi xướng điều tra gồm những mặt hàng sau:

Nhóm XVI (16 vụ): Máy móc và thiết bị điện

Nhóm XV (15 vụ): Kim loại cơ bản và các sản phẩm có liên quan khác

Nhóm IV (9 vụ): Thực phẩm chế biến sẵn; đồ uống, rượu mạnh, giấm; thuốc lá

Nhóm XIII (9 vụ): Các sản phẩm bằng đá, thạch cao; sản phẩm gốm sứ, thủy tinh

Nhóm X (7 vụ): Giấy, bìa cứng và các sản phẩm có liên quan

Nhóm VI (5 vụ): Sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất và các ngành liên quan

Nhóm XX (3 vụ): Các mặt hàng sản xuất khác

Nhóm V (2 vụ): Các sản phẩm khoáng chất

Nhóm XI (2 vụ): Dệt may

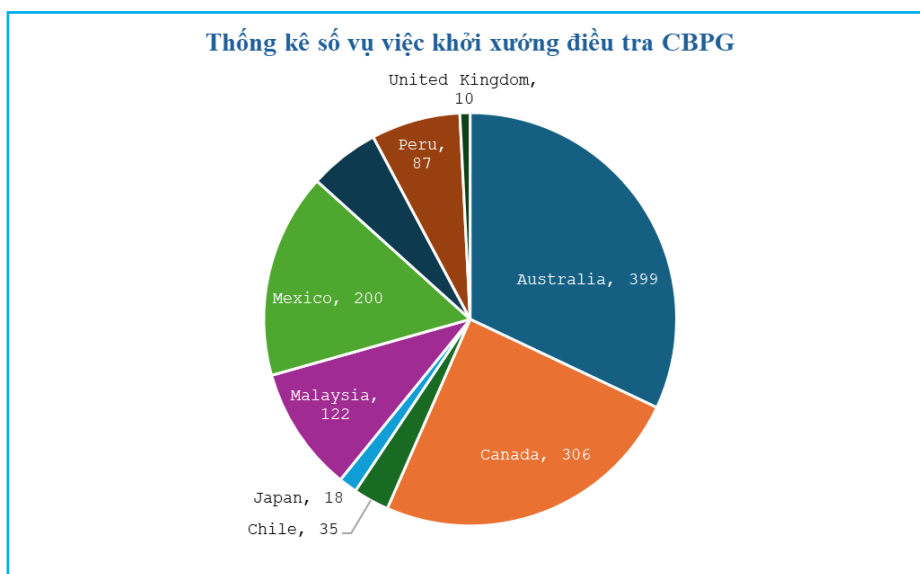
Nhóm XIV (1 vụ): ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc bán quý, kim loại quý



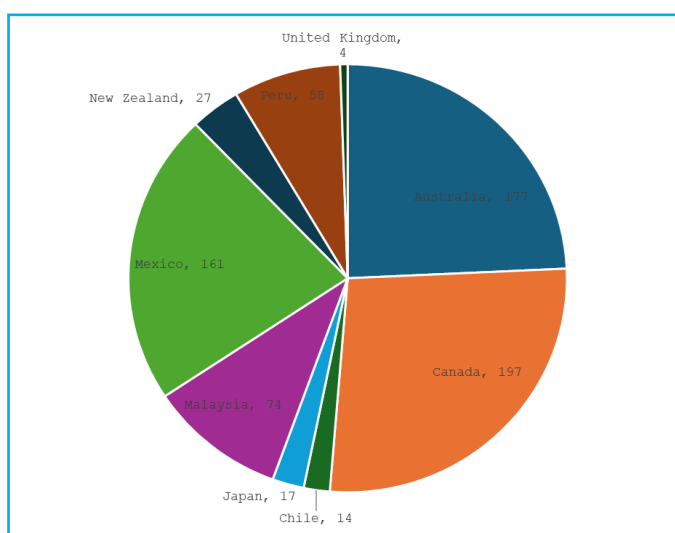
## Phân tích một số sản phẩm có nguy cơ bị điều tra CBPG tại thị trường các nước thành viên CPTPP

### 1. Tổng quan tình hình điều tra, áp dụng biện pháp CBPG của các nước thành viên CPTPP (ngoại trừ Việt Nam)

Theo số liệu thống kê của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), tính đến hết tháng 6 năm 2025, các nước CPTPP (ngoại trừ Việt Nam) đã khởi xướng điều tra 1246 vụ việc điều tra CBPG. Trong đó, 729 vụ việc đã dẫn tới kết luận áp thuế.



(Nguồn: WTO Statistics)



(Nguồn: WTO Statistics)

Từ 02 biểu đồ trên có thể thấy, trong số các quốc gia thành viên CPTPP, 04 điểm nóng điều tra CBPG gồm có:

- Úc: là nước điều tra CBPG nhiều nhất với 399 vụ việc khởi xướng, nhưng tỷ lệ áp thuế chỉ chiếm gần 50% tổng số vụ việc nước này điều tra.

- Canada: đứng thứ hai với 306 vụ việc khởi xướng, tỷ lệ áp thuế 197/306 vụ, tương đương khoảng 65%

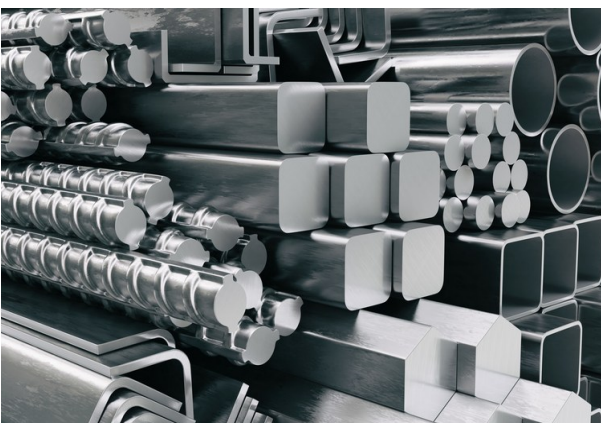
- Mexico: đứng thứ ba với 200 vụ việc khởi xướng, nhưng lại là nước có tỷ lệ áp dụng biện pháp cao nhất, 161/200 vụ việc, chiếm tới 80% số vụ việc.

- Malaysia: đứng thứ tư với 122 vụ việc khởi xướng, với tỷ lệ áp thuế chỉ khoảng 61% tổng số vụ việc.

Một số nước ít sử dụng biện pháp trong nhóm các nước thành viên CPTPP gồm có Nhật Bản, Chile, Vương Quốc Anh và New Zealand.

## 2. Nhóm mặt hàng trọng điểm thường xuyên bị điều tra

Theo dữ liệu thống kê của WTO, các mặt hàng bị điều tra CBPG bởi nhóm các nước CPTPP (ngoại trừ Việt Nam) có sự phân hóa rõ rệt:



### 2.1. Nhóm sắt thép và các sản phẩm từ thép

Đây là nhóm hàng “đứng đầu bảng” về tần suất bị kiện. Theo thống kê của WTO, sắt thép luôn là tâm điểm của các biện pháp phòng vệ thương mại toàn cầu, và khối CPTPP không phải là ngoại lệ. Các vụ việc khởi xướng điều tra CBPG với sắt thép và các sản phẩm từ thép

- **Mặt hàng tiêu biểu:** Thép cán nóng (HRC), thép cán nguội (CRC), thép mạ (mạ kẽm, mạ lạnh), dây đai thép (Steel strap-ping), các loại ống thép (Steel pipes) và dây cáp thép (Steel wire rope).

#### Lý do rủi ro cực cao:

**Áp lực từ ngành sản xuất nội địa:** Tại các nước như Canada và Mexico, thép được coi là ngành công nghiệp “xương sống” quốc gia. Khi hàng nhập khẩu từ Việt Nam có giá cạnh tranh nhờ lợi thế quy mô và công nghệ mới, các nhà sản xuất nội địa tại đây thường gây áp lực buộc Chính phủ phải bảo hộ.

**Tình trạng dư thừa công suất toàn cầu:** Sự dư thừa thép từ các nước lớn dẫn đến hiện tượng chuyển dịch luồng hàng thương mại. Việt Nam đang trở thành trung tâm sản xuất thép lớn của khu vực, khiến các nước CPTPP lo ngại về hiện tượng “tràn ngập” hàng giá rẻ.

**Nghi vấn lẫn tránh thuế:** Các nước như Canada và Mexico đặc biệt chú ý đến nguồn gốc thép cán nóng (HRC) nguyên liệu dùng để sản xuất thép hạ nguồn tại Việt Nam, nhằm ngăn chặn việc thép từ các

nước đang bị áp thuế cao “mượn đường” Việt Nam để hưởng ưu đãi CPTPP.

## 2.2. Nhóm Công nghiệp hạ nguồn và Vật liệu xây dựng

Nhóm này đang có xu hướng tăng nhanh về số lượng vụ việc khởi xướng mới trong giai đoạn 2024 - 2025.

**Mặt hàng tiêu biểu:** Nhôm đúc ép (Aluminium extrusions), các sản phẩm đúc bằng sợi (Fiber products) và đặc biệt là Xi măng (đang ghi nhận các dấu hiệu tiền khởi xướng hoặc rà soát trong năm 2025).

### Đặc điểm rủi ro:

**Nhôm đúc ép:** Úc và Canada đã có lịch sử điều tra mặt hàng này rất gắt gao. Nguy cơ tiếp theo nằm ở các thị trường mới như Mexico khi họ đang củng cố chuỗi cung ứng nhôm cho ngành ô tô.

**Vật liệu xây dựng (Xi măng, ván sợi):** Do đặc thù là mặt hàng nặng, chi phí logistics cao, việc Việt Nam xuất khẩu được sang các nước xa xôi trong CPTPP với giá rẻ thường bị cơ quan điều tra nước bạn nghi ngờ có sự trợ cấp hoặc bán phá giá để chiếm lĩnh thị phần.



## 2.3. Nhóm Hàng tiêu dùng và Năng lượng mới

Đây là nhóm hàng “mới nổi” nhưng mang tính chất nhạy cảm về chính trị và môi trường.



**Giày dép:** Canada đang rà soát chặt chẽ nhóm hàng này sau một thời gian dài im hơi lặng tiếng (đặc biệt là các loại giày bảo hộ hoặc giày chuyên dụng).

**Pin năng lượng mặt trời (Solar PV):** Đây là mặt hàng có nguy cơ "đỏ" tại Canada. Sau khi Mỹ áp dụng các biện pháp mạnh tay, Canada có xu hướng thiết lập các rào cản tương tự để tránh việc hàng hóa bị đẩy từ thị trường Mỹ sang thị trường của mình.

**Viên nhộng cứng (Hard Gelatin Capsules):** Mexico đã khởi xướng điều tra vào năm 2024, cho thấy họ bắt đầu chú ý đến cả những mặt hàng phụ trợ trong ngành dược phẩm và thực phẩm chức năng.

Nhóm hàng	Mức độ rủi ro	Thị trường cần trọng thị	Chỉ dấu cảnh báo
Sắt thép	● Rất cao	Mexico, Canada, Malaysia	Giá xuất khẩu thấp hơn giá bán nội địa > 5%.
Nhôm & VLXD	● Cao	Úc, Canada	Kim ngạch tăng đột biến > 20% trong 12 tháng.
Năng lượng mới	● Trung bình	Canada	Có các vụ kiện tương tự tại Mỹ hoặc EU.
Hàng tiêu dùng	● Thấp - TB	Mexico, Peru	Xuất hiện đơn kiện từ các hiệp hội ngành hàng sở tại.

### 3. Xu hướng điều tra (Giai đoạn 2024-2025)

Giai đoạn này đánh dấu một bước ngoặt trong cách thức các nước thành viên CPTPP (đặc biệt là Canada, Mexico, Úc, Malaysia) tiếp cận và thực thi các biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa Việt Nam.

#### a. Gia tăng cường độ điều tra

Số lượng vụ việc khởi xướng mới trong giai đoạn 2024 - 2025 tăng mạnh so với giai đoạn 2018 - 2023.

•**Dữ liệu minh chứng:** Theo thống kê, chỉ riêng năm 2024, số vụ việc AD (chống bán phá giá) khởi xướng mới đạt mức kỷ lục (khoảng 18 vụ), trong đó các nước CPTPP đóng góp một tỷ lệ đáng kể.

**Nguyên nhân:** Khi các dòng thuế quan theo hiệp định CPTPP dần về 0%, các nước nhập khẩu có xu hướng sử dụng công cụ PVTM như một "van an toàn" để bảo vệ sản xuất nội địa trước sự thâm nhập nhanh chóng của hàng hóa Việt Nam.

#### b. Tính chất phức tạp: Xu hướng “Kép” và “Đa lớp”

Các cuộc điều tra không còn đơn thuần là Chống bán phá giá (AD) mà chuyển sang hình thức phức tạp hơn:

•**Điều tra song hành (AD & CVD):** Canada và Mexico thường xuyên khởi xướng đồng thời cả điều tra Chống bán phá giá và Chống trợ cấp (CVD).

oVí dụ: Vụ việc sản phẩm đúc bằng sợi hoặc các loại ống thép thường bị cáo buộc

nhận được các ưu đãi về đất đai, điện năng và tín dụng từ Chính phủ.

◦**Chống lẩn tránh thuế (AC):** Đây là “vũ khí” mới được sử dụng dày đặc. Canada đã khởi xướng điều tra chống lẩn tránh đối với **Sơ mi rơ moóc (2024)** để kiểm tra xem sản phẩm có thực sự được sản xuất tại Việt Nam hay chỉ là chuyển tải từ nước thứ ba.

**Điều tra tự vệ (SG):** Sự xuất hiện của các vụ việc tự vệ đối với **Xi măng (2025)** cho thấy các nước sẵn sàng áp dụng biện pháp khẩn cấp đối với toàn bộ hàng hóa nhập khẩu khi nhận thấy thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước.

### c. Chuyển dịch đối tượng: Từ Doanh nghiệp lớn đến SMEs

Trước đây, các vụ kiện thường tập trung vào các tập đoàn lớn (thép, dệt may). Tuy nhiên, giai đoạn 2024-2025 cho thấy sự thay đổi rõ rệt:

•**Hàng phụ trợ vào “tâm ngắm”:** Các sản phẩm ngách như Vỏ viên nhôm cứng (Mexico 2024) hay Hạt hợp chất nhựa (Ấn Độ/các nước CPTPP 2024) cho thấy ngay cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) cung cấp nguyên liệu phụ trợ cũng không còn đứng ngoài vòng xoáy pháp lý.

**Rủi ro cho chuỗi cung ứng:** Khi một sản phẩm cuối cùng bị điều tra (như tủ gỗ), toàn bộ các doanh nghiệp cung ứng linh kiện hạ nguồn đều phải tham gia trả lời bản câu hỏi điều tra để chứng minh giá thành. Điều này gây áp lực cực lớn lên nguồn lực quản trị vốn còn hạn chế của các SMEs Việt Nam.

### d. Hiệu ứng Domino từ thị trường Mỹ và sự lan tỏa sang khối CPTPP

Mỹ hiện là quốc gia sử dụng công cụ phòng vệ thương mại (PVTM) quyết liệt nhất thế giới. Khi Mỹ áp đặt các biện pháp thuế cao (chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp) lên một mặt hàng cụ thể của Việt Nam, nó sẽ tạo ra một luồng hàng lớn bị "dội lại" từ thị trường Mỹ. Theo quy luật kinh tế, các doanh nghiệp xuất khẩu sẽ tìm cách chuyển hướng lượng hàng dư thừa này sang các thị trường lân cận có sự tương đồng về tiêu chuẩn kỹ thuật và nhu cầu tiêu dùng.

Trong khối CPTPP, **Canada và Mexico** là hai quốc gia có sự liên kết chặt chẽ nhất với Mỹ thông qua Hiệp định USMCA. Do đó, hai nước này thường xuyên ở trong trạng thái "báo động" và có xu hướng khởi xướng điều tra ngay sau Mỹ đề:

•**Ngăn chặn sự tràn ngập hàng hóa:** Tránh việc hàng hóa bị chuyển hướng từ Mỹ sang gây thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa.

**Đồng bộ hóa chính sách:** Bảo vệ chuỗi cung ứng khu vực Bắc Mỹ tránh khỏi các tác động tiêu cực của hàng giá rẻ từ nước thứ ba.

Hiệu ứng Domino này đã được thể hiện rõ qua các nhóm ngành sau:

•**Ngành Thép:** Đây là ví dụ điển hình nhất. Khi Mỹ áp thuế đối với các sản phẩm

như thép cán nguội, thép mạ từ Việt Nam, gần như ngay lập tức Canada và sau đó là Mexico cũng thực hiện các cuộc rà soát và điều tra tương tự đối với cùng một mã HS. Vụ việc **Dây đai thép (Steel Strapping) năm 2025** tại Canada là một minh chứng cho thấy sự thận trọng của nước này trước các biến động từ thị trường Mỹ.

•**Ngành Năng lượng mới (Pin mặt trời):** Sau khi Mỹ áp dụng các biện pháp thuế tạm thời và điều tra chống lẩn tránh đối với pin mặt trời từ Đông Nam Á (trong đó có Việt Nam), Canada đã đưa mặt hàng này vào danh sách theo dõi đặc biệt vì lo ngại làn sóng hàng hóa sẽ đổ bộ vào thị trường này dưới ưu đãi của CPTPP.

**Đồ nội thất và tử gỗ:** Mỹ đã thực hiện các vụ kiện lớn đối với tử gỗ Việt Nam; kết quả là các hiệp hội sản xuất tại Mexico đã bắt đầu thu thập số liệu để chuẩn bị cho các đơn kiện tương đương nhằm “đóng cửa” thị trường trước khi hàng hóa kịp chuyển hướng.



## Phân tích một số vụ việc điều tra chống bán phá giá điển hình của các nước thành viên CPTPP với Việt Nam

### 1. Thống kê vụ việc CBPG của các nước thành viên CPTPP với Việt Nam

**T**rong số 12 nước thành viên CPTPP, tính đến tháng 06 năm 2025, mới chỉ có 05 nước thành viên đã từng tiến hành điều tra/áp thuế CBPG với hàng xuất khẩu của Việt Nam, với tổng cộng 43 vụ việc. Cụ thể:

Canada: điều tra 12 vụ, trong đó có 05 vụ việc đã chấm dứt, 07 vụ việc đã ban hành quyết định cuối cùng có áp thuế.

Malaysia: điều tra 11 vụ, trong đó có 05 vụ việc đã chấm dứt, 06 vụ việc đã ban hành quyết định cuối cùng có áp thuế, 02 vụ việc đang điều tra.

Peru: điều tra 02 vụ, cả 02 vụ việc đều đã chấm dứt.

Úc: điều tra 14 vụ, trong đó có tới 12 vụ việc đã chấm dứt/hoặc ra quyết định cuối cùng không áp thuế, 01 vụ việc ra quyết định có áp thuế và vẫn còn hiệu lực tới thời điểm hiện tại, và 01 vụ việc đang điều tra.

Mexico: điều tra 04 vụ, trong đó 02 vụ việc đang điều tra, 02 vụ việc đã kết luận áp thuế

Trong tổng số 43 vụ việc mà các nước thành viên CPTPP đã điều tra với Việt Nam, có tới 29 vụ việc điều tra với thép và các sản phẩm có liên quan.

### 2. Vụ việc điển hình của Canada – Canada điều tra CBPG với dây đai thép nhập khẩu từ Việt Nam

#### 2.1. Bối cảnh và Thông tin chung



- Ngày khởi xướng: Cuộc điều tra được Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada (CBSA) chính thức khởi xướng vào tháng 04 năm 2025.

- Mặt hàng bị điều tra: Dây đai thép (Steel Strapping) – đây là sản phẩm thép hạ nguồn được sử dụng rộng rãi trong việc đóng gói và cố định hàng hóa công nghiệp.

- Mã HS tham khảo: Các sản phẩm thuộc mã 7212.50 và 7217.10.

- Giai đoạn điều tra (POI): CBSA đã xem xét dữ liệu xuất khẩu và chi phí sản xuất trong giai đoạn từ đầu năm 2024 đến hết quý I năm 2025.

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam: Theo dữ liệu thống kê, kim ngạch của mặt hàng này sang Canada đạt khoảng 1,02 triệu USD trong giai đoạn điều tra. Mặc dù con số này không quá lớn so với các ngành

hàng khác, nhưng lại mang tính chiến lược vì đây là mặt hàng có giá trị gia tăng cao của ngành thép.

## 2.2. Diễn biến và Quá trình tố tụng

Vụ việc này được xem là một bài học điển hình về chiến thuật ứng phó của doanh nghiệp Việt Nam tại thị trường Bắc Mỹ:

- **Sự chủ động của doanh nghiệp:** Ngay sau khi có thông báo khởi xướng, duy nhất một doanh nghiệp Việt Nam đang xuất khẩu mặt hàng này sang Canada đã quyết định tham gia kháng kiện một cách tích cực.

- **Yêu cầu bóc tách chi phí (PCN):** CBSA đã yêu cầu doanh nghiệp cung cấp bảng phân bổ chi phí chi tiết đến từng mã sản phẩm (PCN). Doanh nghiệp đã chứng minh được sự minh bạch trong việc hạch toán nguyên liệu đầu vào (thép cán nóng/cán nguội) và các chi phí vận hành, điện năng, nhân công.

**Thẩm tra thực tế:** CBSA đã tiến hành kiểm tra kỹ lưỡng các báo cáo tài chính để đối chiếu với giá bán thực tế tại thị trường Việt Nam nhằm xác định liệu có sự chênh lệch dẫn đến hành vi bán phá giá hay không.

## 2.3. Kết quả vụ việc (Ban hành ngày 15/12/2025)

Kết quả cuối cùng của CBSA mang lại những chỉ số hết sức đáng lưu ý:

- **Đối với doanh nghiệp Việt Nam hợp tác:** CBSA xác định biên độ phá giá bằng 0%. Do đó, doanh nghiệp này hoàn toàn không bị áp thuế CBPG và được tiếp tục

xuất khẩu vào Canada với lợi thế cạnh tranh tuyệt đối.

- **Đối với các doanh nghiệp khác của Việt Nam (Bị đơn không bắt buộc/không hợp tác):** Mức thuế áp dụng là 25,3%. Đây là mức thuế dựa trên “dữ liệu sẵn có” (Facts Available) mang tính trừng phạt do doanh nghiệp không cung cấp thông tin cho cơ quan điều tra.

**So sánh quốc tế:** Trong cùng vụ việc này, các quốc gia khác (như Trung Quốc) bị áp mức thuế CBPG lên đến 47,9% và thuế trợ cấp (CVD) khoảng 0,44 CNY/KG. Điều này tạo ra một “khoảng trống thị trường” cực lớn cho doanh nghiệp Việt Nam có mức thuế 0% chiếm lĩnh.

## 2.4. Những yếu tố cần lưu ý và Bài học kinh nghiệm

- **Tính nhất quán của dữ liệu:** Thành công của doanh nghiệp duy nhất trong vụ này đến từ việc hệ thống kế toán quản trị đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của Canada. Việc khớp số liệu giữa hóa đơn bán hàng và định mức sản xuất là yếu tố sống còn.

- **Vai trò của thời gian:** Quyết định tham gia ngay từ 30 ngày đầu tiên (khi nhận bản câu hỏi) đã giúp doanh nghiệp có đủ thời gian để chuẩn bị hồ sơ PCN phức tạp.

**Tiếp tục theo dõi thiệt hại:** Mặc dù biên độ phá giá bằng 0%, nhưng vụ việc vẫn phải chờ kết luận cuối cùng từ Tòa án Thương mại Quốc tế Canada (CITT) trước ngày 14/01/2026 để xác định xem ngành



sản xuất nội địa Canada có thực sự bị thiệt hại bởi hàng hóa từ các quốc gia khác hay không.

### **3. Vụ việc Malaysia rà soát hành chính và dỡ bỏ thuế CBPG với thép cuộn cán phẳng không hợp kim phủ hoặc mạ nhôm hoặc kẽm (2025) nhập khẩu từ một số nước, trong đó có Việt Nam**

#### **3.1. Bối cảnh và Lịch sử vụ việc**

- Gốc rễ vụ kiện: Malaysia bắt đầu áp thuế CBPG đối với mặt hàng thép này từ năm 2015. Sau đó, vào năm 2020, lệnh áp thuế đã được gia hạn thêm 5 năm để bảo vệ ngành sản xuất nội địa (đứng đầu là công ty Mycron Steel CRC Sdn. Bhd).

- Ngày khởi xướng rà soát hành chính: 24/12/2024.

- Hàng hóa bị điều tra: Thép cuộn cán nguội hoặc thép không hợp kim có chiều rộng hơn 1.300 mm (Cold Rolled Coils of Iron or Non-Alloy Steel).

- Mã HS: Nhóm 7209, 7211, 7225.

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam: Theo dữ liệu từ Trademap, vụ việc liên quan đến Malaysia có kim ngạch ước tính khoảng 73 triệu USD. Đây là một con số rất lớn, có tác động trực tiếp đến doanh thu của các tập đoàn thép hàng đầu Việt Nam như Hòa Phát, Hoa Sen hay Nam Kim.

#### **3.2. Diễn biến quá trình rà soát (2024 - 2025)**

- **Nguyên nhân rà soát:** Dựa trên đơn đề nghị của ngành sản xuất nội địa Malaysia, Bộ Thương mại, Đầu tư và Công nghiệp Malaysia (MITI) đã xem xét lại liệu việc tiếp tục áp thuế có còn cần thiết hay không.

**Sự tham gia của phía Việt Nam:** Các doanh nghiệp Việt Nam đã phối hợp cùng Cục Phòng vệ thương mại và Hiệp hội Thép (VSA) để cung cấp các bằng chứng cho thấy:

Cơ cấu xuất khẩu thép của Việt Nam đã thay đổi, tập trung vào chất lượng.

Hàng hóa Việt Nam không còn gây thiệt

hại đáng kể cho ngành sản xuất của Malaysia.

Thị trường Malaysia vẫn cần nguồn cung thép chất lượng cao mà nội địa chưa đáp ứng đủ.

### 3.3. Kết quả vụ việc (Có hiệu lực từ ngày 23/06/2025)

Quyết định cuối cùng của MITI đã tạo ra một bước ngoặt lớn cho hàng thép Việt Nam tại khu vực ASEAN:

- **Dỡ bỏ hoàn toàn:** MITI quyết định **chấm dứt việc áp thuế CBPG** và dừng mọi cuộc điều tra đối với thép cán nguội có xuất xứ từ Việt Nam và Hàn Quốc.

- **Sự phân hóa đối xử:** Trong khi Việt Nam được dỡ bỏ thuế, Malaysia lại **tiếp tục áp thuế** đối với Trung Quốc và Nhật Bản với mức thuế từ 4,82% đến 26,39%, kéo dài trong 5 năm (đến 2030).

- **Vị thế mới:** Việc Việt Nam thoát thuế trong khi các đối thủ lớn như Trung Quốc vẫn bị áp thuế cao (26,38%) đã tạo ra lợi thế cạnh tranh về giá cực lớn cho thép Việt Nam tại thị trường này.

### 3.4. Những yếu tố cần lưu ý và Bài học kinh nghiệm

- **Giá trị của việc “kiên trì”:** Vụ việc cho thấy lệnh áp thuế CBPG không phải là dấu chấm hết. Nếu doanh nghiệp kiên trì tham gia các kỳ rà soát hành chính (Administrative Review) hoặc rà soát cuối kỳ (Sunset Review), cơ hội dỡ bỏ thuế là hoàn toàn có thể.

- **Tận dụng các Hiệp định song phương và đa phương:** Việc cả Việt Nam

và Malaysia đều là thành viên của CPTPP và ATIGA (ASEAN) đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin và thúc đẩy các quy trình điều tra minh bạch hơn.

- **Chiến lược thâm nhập:** Khi thuế được dỡ bỏ, các doanh nghiệp cần nhanh chóng tái cấu trúc kênh phân phối tại Malaysia để chiếm lĩnh thị phần mà Trung Quốc và Nhật Bản đang bị bỏ lại do gánh nặng thuế.

- **Rủi ro lẫn tránh thuế:** Mặc dù đã thoát thuế CBPG, doanh nghiệp cần lưu ý không để các quốc gia đang bị áp thuế (như Trung Quốc) mượn đường Việt Nam để xuất sang Malaysia, vì điều này có thể dẫn đến một vụ điều tra chống lẫn tránh thuế (Anti-circumvention) trong tương lai.

Vụ việc Malaysia mang lại một thông điệp tích cực. Nếu vụ việc Canada cho thấy sự **“phòng thủ”** thành công (mức thuế 0%), thì Malaysia cho thấy sự **“phản công”** thành công (dỡ bỏ hoàn toàn một lệnh áp thuế đã tồn tại gần 10 năm).



## 4. Vụ việc Úc điều tra CBPG với thép mạ hợp kim 2020

### 4.1. Thông tin chung

- Ngày khởi xướng: 13/05/2020.
- Hàng hóa bị điều tra: Thép mạ hợp kim nhôm kẽm (thường gọi là tôn lạnh).
- Mã HS: 7210.61.00; 7225.99.00; 7226.99.00.
- Nguyên đơn: Công ty BlueScope Steel Limited (nhà sản xuất thép lớn nhất của Úc).

Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam (POI): Khoảng 39 triệu USD (theo dữ liệu giai đoạn điều tra). Việt Nam là một trong những nguồn cung chính cho thị trường Úc bên cạnh các đối thủ từ Hàn Quốc và Đài Loan.

### 4.2. Diễn biến và Quá trình tố tụng

- **Giai đoạn điều tra (POI):** Từ 01/04/2019 đến 31/03/2020.
- **Giai đoạn xét thiệt hại:** Từ 01/01/2016.
- **Chiến thuật ứng phó:** Các doanh nghiệp thép lớn của Việt Nam (như Nam Kim, Hoa Sen, Tôn Đông Á) đã tích cực tham gia trả lời bản câu hỏi điều tra. Đặc biệt, phía Việt Nam đã nỗ lực chứng minh rằng giá điện và chi phí nguyên liệu (thép cán nóng - HRC) được mua theo giá thị trường, không có sự can thiệp hay hỗ trợ từ chính phủ.

**Vai trò của Chính phủ:** Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) đã phối hợp chặt chẽ, cung cấp các thông tin phản biện

về “Tình hình thị trường đặc biệt” (Particular Market Situation - PMS) mà Úc thường cáo buộc đối với các quốc gia có ngành thép phát triển nhanh.

### 4.3. Kết quả vụ việc (Cập nhật 2021)

Kết quả này được coi là một **thắng lợi lớn** của ngành thép Việt Nam:

- **Mức thuế:** Ủy ban Chống bán phá giá Úc (ADC) xác định biên độ phá giá của các doanh nghiệp Việt Nam là **dưới mức tối thiểu (de minimis < 2%)** hoặc không gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa Úc.

**Kết luận:** ADC quyết định **chấm dứt điều tra** và không áp thuế CBPG đối với thép mạ hợp kim từ Việt Nam. Trong khi đó, một số quốc gia/vùng lãnh thổ khác trong cùng vụ việc vẫn phải chịu các mức thuế nhất định.

### 4.4. Những yếu tố cần lưu ý

- **Tầm quan trọng của dữ liệu kế toán:** Úc là quốc gia có quy trình kiểm tra tại chỗ (on-site verification) rất khắt khe. Việc doanh nghiệp có hệ thống quản trị dữ liệu minh bạch là yếu tố quyết định để ADC chấp nhận chi phí sản xuất thực tế thay vì dùng giá của một quốc gia thay thế.

• **Vấn đề “Tình hình thị trường đặc biệt” (PMS):** Đây là “vũ khí” mà Úc thường dùng để bác bỏ giá trị sổ sách của doanh nghiệp. Việc Việt Nam chứng minh được ngành thép vận hành theo cơ chế thị trường trong vụ này là một tiền lệ quan trọng cho các vụ kiện về sau (như vụ ống thép, thanh cốt thép).

**Lợi thế trong CPTPP:** Dù Úc có luật riêng về phòng vệ thương mại, nhưng việc cả hai nước cùng nằm trong hiệp định CPTPP giúp tạo ra một môi trường đối thoại cởi mở và thượng tôn các nguyên tắc của WTO hơn.

## 5. Vụ việc Mexico điều tra CBPG với dây cáp nhập khẩu từ Việt Nam 2025

### 5.1. Thông tin chung và Bối cảnh

- Ngày khởi xướng: Cơ quan quản lý thương mại Mexico (Bộ Kinh tế) chính thức khởi xướng điều tra vào đầu năm 2025.

- Hàng hóa bị điều tra: Dây cáp bằng thép (Steel Wire Rope) – sản phẩm quan trọng dùng trong ngành xây dựng, khai khoáng và vận tải.

- Mã HS: Nhóm 7312.10 (bao gồm dây cáp, dây bện và các sản phẩm tương tự bằng sắt hoặc thép).

- Nguyên đơn: Các doanh nghiệp sản xuất thép nội địa Mexico (với sự ủng hộ của Hiệp hội Sắt thép Mexico - CANAC-ERO).



Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam (POI): Mặc dù số liệu chính xác đang được cập nhật, nhưng Mexico hiện là một trong những thị trường xuất khẩu dây cáp thép tăng trưởng nhanh nhất của Việt Nam tại khu vực Mỹ La-tinh nhờ ưu đãi thuế quan từ CPTPP.

### 5.2. Diễn biến và Những điểm tranh luận pháp lý

Vụ việc Mexico mang những đặc điểm khác biệt hoàn toàn so với Canada hay Úc:

- **Vấn đề ngôn ngữ và thủ tục:** Mexico yêu cầu toàn bộ hồ sơ, bản trả lời câu hỏi và các bằng chứng phải được dịch thuật sang **tiếng Tây Ban Nha** và có chứng thực. Đây là rào cản lớn về chi phí và thời gian đối với doanh nghiệp Việt Nam.

- **Quy chế kinh tế thị trường:** Trong các vụ việc gần đây (bao gồm vụ dây cáp này), Mexico vẫn đang xem xét Việt Nam là nền kinh tế chưa đầy đủ tính thị trường trong các cuộc điều tra PVTM. Điều này dẫn đến nguy cơ Mexico sẽ sử dụng **"Quốc gia thay thế"** (như Mỹ hoặc Brazil) để tính toán chi phí sản xuất, khiến biên độ phá giá bị đẩy lên rất cao.

- **Áp lực từ chuỗi cung ứng khu vực:** Mexico chịu áp lực lớn từ hiệp định US-MCA (Mỹ - Mexico - Canada) về việc kiểm soát nguồn gốc thép từ các nước thứ ba để tránh tình trạng thép Trung Quốc "mượn đường" qua Việt Nam vào Mexico.

### 5.3. Kết quả sơ bộ và Tình trạng hiện tại (Tính đến cuối năm 2025)

- **Mức thuế tạm thời:** Mexico có xu

hướng áp mức thuế tạm thời khá cao ngay sau quyết định sơ bộ để bảo hộ ngành sản xuất đang gặp khó khăn trong nước.

**Phản ứng của doanh nghiệp Việt:** Một số doanh nghiệp lớn đã thuê luật sư bản địa để kháng kiện, chứng minh rằng sự gia tăng xuất khẩu là do nhu cầu xây dựng tại Mexico tăng cao và chất lượng sản phẩm Việt Nam đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe.

#### 5.4. Những yếu tố cần lưu ý và Bài học rút ra

- **Lưu ý về quy tắc xuất xứ:** Mexico cực kỳ khắt khe với các sản phẩm thép. Doanh nghiệp cần chứng minh được quy trình sản xuất tạo ra sự "biên đổi đáng kể" tại Việt Nam để tránh bị gộp chung vào các vụ điều tra chống lẩn tránh thuế.

- **Vai trò của Ngoại giao thương mại:** Vụ việc này đòi hỏi sự can thiệp mạnh mẽ từ Bộ Công Thương Việt Nam trong việc vận động Mexico công nhận giá trị sổ sách của doanh nghiệp Việt, tránh việc áp dụng các phương pháp tính toán thiếu khách quan.

**Chiến lược thị trường:** Doanh nghiệp nên đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tránh tập trung quá mức vào một mã HS nhạy cảm trong thời gian ngắn để giảm thiểu rủi ro bị “radar” của cơ quan điều tra Mexico quét trúng.



## Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cần làm gì khi đối mặt với vụ việc điều tra CBPG của các quốc gia CPTPP

### 1. Chiến lược phòng ngừa và chuẩn bị (Giai đoạn tiền điều tra)

Đây là giai đoạn quan trọng nhất để giảm thiểu rủi ro bị khởi kiện. Doanh nghiệp không nên chờ đến khi nhận thông báo khởi xướng điều tra mới hành động.

#### 1.1. Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm (Early Warning System):

Theo dõi số liệu xuất khẩu: Cử bộ phận chuyên trách cập nhật dữ liệu hải quan định kỳ. Nếu lượng xuất khẩu sang một nước CPTPP tăng trưởng “nóng” (thường trên 15% so với cùng kỳ), doanh nghiệp cần rà soát ngay giá bán.

Giám sát thị trường nội địa nước nhập khẩu: Theo dõi động thái của các hiệp hội sản xuất tại nước sở tại. Các thông tin về việc ngành sản xuất của họ gặp khó khăn, sa thải nhân công hoặc thua lỗ là dấu hiệu họ sắp nộp đơn kiện CBPG.

Kiểm soát ngưỡng thị phần: Theo quy định của WTO và CPTPP, các vụ điều tra thường nhắm vào các quốc gia có lượng nhập khẩu chiếm trên 3% tổng lượng nhập khẩu mặt hàng đó của nước sở tại. Doanh nghiệp cần điều tiết sản lượng để không vượt quá ngưỡng nhạy cảm này nếu không muốn rơi vào “tầm ngắm”.

**1.2. Chuẩn hóa hệ thống kế toán và lưu trữ hồ sơ:** Đây là “xương sống” của

việc kháng kiện. Cơ quan điều tra sẽ yêu cầu bóc tách chi phí đến từng chi tiết nhỏ nhất

Áp dụng phần mềm ERP và kế toán quản trị: Doanh nghiệp cần hệ thống có khả năng truy xuất chi phí cho từng Mã quản lý sản phẩm (PCN). Ví dụ: Cùng là thép, nhưng thép mạ kẽm khổ A và khổ B phải có giá thành sản xuất (Cost of Production - COP) riêng biệt.

Minh bạch hóa chi phí đầu vào: Lưu trữ hóa đơn nguyên liệu đầu vào, chứng minh giá mua là giá thị trường (Arm's length), không nhận trợ cấp bất hợp pháp. Đặc biệt chú trọng các yếu tố như: chi phí điện, tiền thuê đất, và lương nhân công.

Lưu trữ hồ sơ dài hạn: Thời kỳ điều tra (POI) thường kéo dài 12 tháng trước đó, nhưng dữ liệu đối chứng có thể lên tới 3 năm. Doanh nghiệp cần duy trì chế độ lưu trữ hồ sơ chứng từ (hợp đồng, vận đơn, hóa đơn bán hàng nội địa và xuất khẩu) một cách khoa học, sẵn sàng cho việc kiểm tra tại chỗ.

#### 1.2.1. Khái niệm về PCN trong điều tra CBPG

PCN là một dãy mã hóa các đặc tính kỹ thuật quan trọng nhất của sản phẩm có ảnh hưởng đến giá bán và chi phí.

Ví dụ với mặt hàng Thép: PCN có thể là LOAI-DO\_DAY-BE\_MAT (Ví dụ: HRC-020-GAL cho thép cuộn cán nóng, dày 2mm, mạ kẽm).

Ví dụ với mặt hàng Thủy sản: PCN có thể là LOAI-SIZE-DONG\_GOI (Ví dụ: TOM-16/20-IQF).

### 1.2.2. Quy trình phân bổ chi phí (Cost Allocation)

Doanh nghiệp cần thực hiện phân bổ chi phí sản xuất (Cost of Production - COP) theo 3 tầng:

#### Tầng 1: Chi phí trực tiếp (Direct Costs)

**Nguyên vật liệu trực tiếp:** Phải theo dõi được mã nguyên liệu nào đi vào mã PCN nào. (Ví dụ: Thép cuộn loại A chỉ dùng để sản xuất PCN loại A).

**Nhân công trực tiếp:** Ghi nhận giờ công của công nhân theo từng công đoạn sản xuất các PCN khác nhau.

#### Tầng 2: Chi phí sản xuất chung (Variable & Fixed Overheads)

Đây là phần khó nhất. Doanh nghiệp cần chọn một "tiêu chí phân bổ" hợp lý (thường là theo trọng lượng sản phẩm, giờ máy chạy hoặc giá trị nguyên vật liệu trực tiếp).

Lưu ý: Cơ quan điều tra rất khắt khe với việc phân bổ "cào bằng". Nếu PCN A tiêu tốn nhiều điện năng hơn PCN B, doanh nghiệp phải thể hiện được sự khác biệt đó trong bảng tính.

#### Tầng 3: Chi phí bán hàng, quản lý và tài chính (SG&A)

Các chi phí này thường được phân bổ

theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu hoặc giá thành sản xuất của từng PCN.

### 1.2.3. Yêu cầu về tính đối chiếu (Reconciliation)

Hệ thống kế toán phải đảm bảo nguyên tắc: Tổng cộng của các PCN phải khớp với Báo cáo tài chính.

Nếu tổng chi phí sản xuất của tất cả các mã PCN cộng lại không bằng tổng chi phí trên bảng cân đối kế toán, cơ quan điều tra sẽ bác bỏ toàn bộ dữ liệu của doanh nghiệp vì cho rằng số liệu không tin cậy.

### 1.2.4. Danh mục hồ sơ cần chuẩn bị sẵn

Để chứng minh cho cách phân bổ trên, doanh nghiệp cần hệ thống hóa các chứng từ:

- Bom (Bill of Materials): Định mức nguyên vật liệu cho từng mã sản phẩm.
- Phiếu xuất kho/nhập kho: Ghi rõ mã sản phẩm và mục đích sử dụng.
- Bảng lương và bảng chấm công: Chi tiết theo phân xưởng hoặc dây chuyền.

Hóa đơn điện, nước, nhiên liệu: Kèm theo công thức phân bổ cho các dây chuyền sản xuất.



### 1.3. Chiến lược định giá và điều tiết thị trường

Xây dựng “Giá trị thông thường” (Normal Value): Doanh nghiệp nên giữ mức giá bán tại thị trường Việt Nam ổn định và tương đồng với giá xuất khẩu.

Biên độ phá giá về cơ bản là sự chênh lệch giữa giá xuất khẩu và giá bán nội địa. Nếu giá xuất khẩu thấp hơn giá nội địa, nguy cơ bị áp thuế là rất cao.

Tránh cạnh tranh bằng giá rẻ cực đoan: Thay vì giảm giá sâu để chiếm thị phần (dễ bị coi là bán phá giá), doanh nghiệp nên tập trung vào chất lượng, dịch vụ hậu mãi và xây dựng thương hiệu để duy trì mức giá xuất khẩu an toàn.

### 1.4. Đa dạng hóa thị trường và phân khúc sản phẩm

Tận dụng quy tắc xuất xứ CPTPP: Sử dụng nguyên liệu trong khối để vừa hưởng thuế suất ưu đãi 0%, vừa tránh bị cáo buộc "lẩn tránh thuế" từ các nước thứ ba đang bị áp thuế (như Trung Quốc).

Phân tán rủi ro: Không nên dồn toàn bộ nguồn lực vào một thị trường duy nhất trong CPTPP. Việc phân bổ hàng hóa sang nhiều nước (ví dụ: chia đều cho Nhật Bản, Canada, Chile) sẽ làm giảm tác động tiêu cực nếu một quốc gia trong số đó khởi xướng điều tra.

### 2. Chiến lược ứng phó khi vụ việc điều tra khởi xướng

Khi nhận được thông báo khởi xướng điều tra, doanh nghiệp cần hành động theo

quy trình “Vàng”:

#### 2.1. Thành lập nhóm phản ứng nhanh (Task Force):

Bao gồm: Ban lãnh đạo (quyết định), bộ phận kế toán (số liệu), bộ phận pháp chế (hồ sơ) và bộ phận xuất khẩu (thông tin thị trường).

#### 2.2. Hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra (DOC, CBSA...):

Nguyên tắc “Đúng và Đủ”: Trả lời bản câu hỏi (Questionnaire) đúng thời hạn và trung thực. Nếu không hợp tác, cơ quan điều tra sẽ sử dụng “Dữ liệu sẵn có” (Facts Available) – thường là dữ liệu do bên nguyên đơn cung cấp với mức thuế rất cao.

Thẩm tra tại chỗ: Chuẩn bị tâm thế và hồ sơ gốc để đối chiếu khi cán bộ điều tra nước ngoài sang kiểm tra tại nhà máy.

#### 2.3. Thuê tư vấn và luật sư chuyên nghiệp:

Phòng vệ thương mại là lĩnh vực mang tính kỹ thuật rất cao. Doanh nghiệp bắt buộc phải thuê luật sư có kinh nghiệm tại chính quốc gia đang điều tra để đảm bảo các luận điểm pháp lý đúng quy định của nước sở tại và hiệp định CPTPP.



### 3. Tận dụng các lợi thế và cơ chế trong Hiệp định CPTPP

• **Vấn đề “Nền kinh tế thị trường”:** Trong một số quốc gia CPTPP (như Canada, Úc), Việt Nam đã được công nhận là kinh tế thị trường. Doanh nghiệp cần yêu cầu luật sư sử dụng số liệu thực tế của Việt Nam thay vì số liệu của quốc gia thay thế.

**Cơ chế rà soát:** Nếu bị áp thuế, doanh nghiệp nên chủ động yêu cầu rà soát hàng năm để giảm mức thuế nếu chứng minh được biên độ phá giá đã giảm hoặc không còn.

### 4. Phối hợp liên kết giữa các bên liên quan

#### Vai trò của Hiệp hội ngành hàng:

Thông nhất chiến lược giữa các doanh nghiệp trong nước để tránh việc khai báo số liệu mâu thuẫn lẫn nhau.

Chia sẻ chi phí thuê luật sư để giảm gánh nặng tài chính.

#### Phối hợp với Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương):

Cung cấp thông tin để Chính phủ có tiếng nói ngoại giao, đấu tranh về mặt quy trình và các biện pháp thiếu minh bạch của nước điều tra.



# Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội và cơ quan Nhà nước

## 1. Khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn của cơ quan Nhà nước

**T**rong bối cảnh các quốc gia CPTPP đang có xu hướng sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) như một công cụ bảo hộ sản xuất trong nước tinh vi, vai trò của Chính phủ và các Bộ ngành không chỉ dừng lại ở việc quản lý mà phải trở thành “điểm tựa chiến lược” cho doanh nghiệp.

### 1.1. Xây dựng và hoàn thiện Hệ thống cảnh báo sớm (Early Warning System - EWS) đa tầng

Đây là bước đi tiên quyết để chuyển thể trận từ “bị động đối phó” sang “chủ động phòng ngừa”.

- **Thiết lập trung tâm dữ liệu lớn (Big Data) về PVTM:** Bộ Công Thương cần phối hợp với Cục Hải quan để xây dựng hệ thống theo dõi thời gian thực đối với các mã HS (Harmonized System) nhạy cảm. Hệ

thống này phải có khả năng tự động phát tín hiệu đỏ khi kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường như Canada, Úc, Mexico có dấu hiệu tăng trưởng đột biến vượt ngưỡng 10-15% trong hai quý liên tiếp.

- **Phân tích sâu về "sức khỏe" ngành sản xuất nước nhập khẩu:** Nhà nước cần đầu tư ngân sách để thuê các đơn vị nghiên cứu thị trường quốc tế theo dõi tình hình tài chính của các đối thủ cạnh tranh tại nước sở tại. Nếu ngành sản xuất nội địa của nước nhập khẩu đang thua lỗ, sa thải nhân công hoặc tồn kho tăng cao, đó là chỉ dấu quan trọng cho thấy họ sắp nộp đơn kiện. Việc cảnh báo sớm giúp doanh nghiệp có ít nhất 3-6 tháng để điều chỉnh giá và sản lượng trước khi vụ kiện chính thức bắt đầu.

- **Phân cấp cảnh báo:** Chia mức độ rủi ro thành các cấp độ (Xanh - Vàng - Cam - Đỏ) kèm theo hướng dẫn hành động cụ thể cho từng cấp độ để doanh nghiệp dễ dàng thực thi.

### 1.2. Đẩy mạnh Ngoại giao Thương mại và Vận động Hành lang cấp cao

Ngoại giao là công cụ duy nhất mà doanh nghiệp không thể tự thực hiện được.

- **Tận dụng tối đa các Ủy ban hỗn hợp trong CPTPP:** Trong các phiên họp thường niên của Hội đồng CPTPP, Việt Nam cần chủ động đưa vấn đề PVTM vào chương trình nghị sự.

- Cần yêu cầu các đối tác cam kết minh

bach hóa quy trình điều tra, hạn chế việc sử dụng các khái niệm mơ hồ như “tình hình thị trường đặc biệt” (Particular Market Situation - PMS) để bác bỏ chi phí của doanh nghiệp Việt Nam.

• **Chiến dịch công nhận Quy chế Kinh tế thị trường (MES):** Đây là mục tiêu cốt lõi. Nhà nước cần xây dựng lộ trình đàm phán riêng biệt với từng nước trong CPTPP (đặc biệt là Mexico và Canada) để họ công nhận Việt Nam là nền kinh tế thị trường. Chừng nào chưa có MES, doanh nghiệp Việt vẫn phải chịu thiệt thòi khi bị cơ quan điều tra sử dụng số liệu từ một nước thứ ba (có chi phí sản xuất cao hơn) để tính toán biên độ phá giá.

**Phối hợp với Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài:** Nâng cao năng lực của các tham tán thương mại trong việc thu thập tin tức tình báo từ các hiệp hội sản xuất tại nước sở tại, từ đó tham mưu cho Chính phủ các bước đi can thiệp ngoại giao kịp thời ngay khi đơn kiện còn đang ở giai đoạn soạn thảo.

### 1.3. Hỗ trợ pháp lý chuyên sâu và Xây dựng nguồn nhân lực nội địa

Hiện nay, doanh nghiệp Việt Nam đang bị phụ thuộc quá lớn vào các hãng luật nước ngoài với chi phí cực kỳ đắt đỏ (có thể lên tới hàng triệu USD mỗi vụ kiện).

• **Đào tạo đội ngũ luật sư và chuyên gia PVTM trong nước:** Nhà nước cần có chương trình đào tạo dài hạn, gửi các luật sư và cán bộ quản lý đi thực tập tại các tổ chức quốc tế hoặc các hãng luật hàng đầu

về PVTM. Mục tiêu là hình thành một mạng lưới luật sư nội địa có đủ trình độ tranh tụng quốc tế, giúp tiết giảm chi phí cho doanh nghiệp.

• **Xây dựng cảm nang hướng dẫn kỹ thuật chi tiết:** Bộ Công Thương nên ban hành các bộ tài liệu “cầm tay chỉ việc” cho từng ngành hàng (thép, gỗ, thủy sản...). Tài liệu này cần chi tiết đến mức hướng dẫn doanh nghiệp cách hạch toán kế toán theo PCN, cách trả lời từng câu hỏi trong bản Questionnaire của các cơ quan như DOC (Mỹ) hay CBSA (Canada).

**Cơ chế hỗ trợ tư vấn ban đầu:** Thiết lập đường dây nóng và bộ phận tư vấn pháp lý miễn phí trong 30 ngày đầu tiên của vụ kiện – giai đoạn “vàng” quyết định việc doanh nghiệp có bị áp thuế “dữ liệu sẵn có” (Facts Available) hay không.

### 1.4. Thiết lập cơ chế hỗ trợ Tài chính và Bảo hiểm rủi ro PVTM

Các vụ kiện CBPG có thể kéo dài từ 12-18 tháng, gây kiệt quệ tài chính cho doanh nghiệp.



• **Thành lập Quỹ Hỗ trợ Phòng vệ Thương mại:** Quỹ này có thể được hình thành từ nguồn ngân sách hoặc đóng góp từ các hiệp hội. Quỹ sẽ hỗ trợ một phần chi phí thuê luật sư hoặc chi phí theo đuổi vụ kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) nhưng có vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng.

• **Phát triển sản phẩm Bảo hiểm rủi ro PVTM:** Nhà nước nên khuyến khích các công ty bảo hiểm nghiên cứu loại hình bảo hiểm cho rủi ro bị điều tra CBPG. Khi doanh nghiệp mua bảo hiểm, nếu vụ kiện xảy ra, công ty bảo hiểm sẽ chi trả một phần phí pháp lý và chi phí hành chính.

**Chính sách tín dụng đặc thù:** Các ngân hàng thương mại cần được định hướng để cung cấp các khoản vay ưu đãi hoặc gia hạn nợ cho những doanh nghiệp đang bị đình trệ xuất khẩu do đang trong quá trình điều tra CBPG, giúp họ không bị phá sản trước khi có kết luận cuối cùng.

### 1.5. Hoàn thiện hành lang pháp lý về quản lý nhập khẩu và kiểm soát lẫn tránh thuế

Bảo vệ doanh nghiệp không chỉ là giúp họ xuất khẩu, mà còn là ngăn chặn các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến uy tín hàng hóa Việt Nam.

• **Kiểm soát chặt chẽ quy tắc xuất xứ (C/O):** Nhà nước cần siết chặt việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ để ngăn chặn tình trạng hàng hóa từ các nước thứ ba (đang bị áp thuế cao) mượn đường Việt Nam để trung chuyển sang các nước CPTPP. Nếu

để xảy ra tình trạng này, toàn bộ ngành sản xuất của Việt Nam sẽ bị điều tra “lẩn tránh thuế”, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng hơn nhiều so với điều tra CBPG thông thường.

**Truy xuất nguồn gốc bằng công nghệ Blockchain:** Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng công nghệ để minh bạch hóa toàn bộ chuỗi cung ứng, từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm xuất khẩu, tạo ra bằng chứng không thể chối cãi khi bị kiểm tra tại chỗ.

### 1.5. Tăng cường cơ chế phối hợp liên bộ ngành trong ứng phó PVTM

Trong bối cảnh các vụ kiện CBPG trong khối CPTPP ngày càng phức tạp, một mình Bộ Công Thương không thể giải quyết triệt để. Cần có sự vào cuộc đồng bộ của các Bộ, ngành liên quan để bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp trên nhiều mặt trận.

#### 1.5.1. Vai trò của Bộ Ngoại giao: Mặt trận vận động và đối ngoại quốc tế

Bộ Ngoại giao đóng vai trò “tiền tiêu” trong việc thiết lập các mối quan hệ và tạo dư luận thuận lợi cho hàng hóa Việt Nam.

• **Vận động chính trị và ngoại giao thương mại:** Thông qua các chuyến thăm cấp cao hoặc các diễn đàn đa phương, Bộ Ngoại giao cần lồng ghép nội dung về PVTM vào chương trình nghị sự. Mục tiêu là yêu cầu các quốc gia CPTPP xem xét các vụ kiện một cách công bằng, khách quan, dựa trên thực tế phát triển của Việt Nam thay vì các định kiến bảo hộ.

• **Mạng lưới các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài:** Các Đại sứ quán và Thương vụ cần đóng vai trò là “ăng-ten” thu thập tin tức sớm nhất về các khả năng khởi kiện từ phía các doanh nghiệp nội địa nước bạn. Đồng thời, họ cũng là đầu mối để kết nối doanh nghiệp Việt với các công ty luật uy tín và các chính khách có ảnh hưởng tại nước sở tại để vận động hành lang (lobbying).

**Quản lý rủi ro hình ảnh quốc gia:** Xây dựng chiến dịch truyền thông tại các nước CPTPP để khẳng định hàng hóa Việt Nam cạnh tranh bằng hiệu quả sản xuất và lợi thế tự nhiên, không phải bằng sự hỗ trợ của Chính phủ hay bán phá giá.

**1.5.2. Vai trò của Bộ Tài chính (Cục Thuế và Cục Hải quan): Quản trị dữ liệu và kiểm soát gian lận**

Bộ Tài chính là cơ quan nắm giữ “con số”, chìa khóa để chứng minh tính minh bạch của doanh nghiệp.

• **Cung cấp dữ liệu hải quan chính xác:** Tổng cục Hải quan cần hỗ trợ Bộ Công Thương trong việc thống kê chính xác kim ngạch, đơn giá xuất khẩu theo từng mã HS và từng thị trường cụ thể. Dữ liệu này giúp xây dựng hệ thống cảnh báo sớm với độ chính xác cao nhất.

• **Chống gian lận xuất xứ và chuyển tải bất hợp pháp:** Hải quan cần siết chặt kiểm tra các lô hàng có dấu hiệu “mượn đường” Việt Nam để xuất sang CPTPP nhằm lẩn tránh thuế. Nếu để xảy ra tình trạng này, các quốc gia CPTPP có thể áp

dụng thuế chống lẩn tránh lên toàn bộ ngành hàng của Việt Nam, gây thiệt hại dây chuyền.

**Hỗ trợ minh bạch hóa hệ thống kế toán doanh nghiệp:** Bộ Tài chính cần ban hành các hướng dẫn về hạch toán kế toán tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế (như IFRS). Điều này giúp doanh nghiệp dễ dàng giải trình chi phí sản xuất và giá bán khi điều tra viên nước ngoài sang thăm tra thực tế.

**1.5.3. Vai trò của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Bảo vệ các mặt hàng nhạy cảm**

Nông sản, thủy sản luôn là “đích ngắm” hàng đầu của các vụ kiện CBPG trong CPTPP do tính nhạy cảm đối với người nông dân nước nhập khẩu.

• **Quy hoạch sản xuất và kiểm soát chất lượng:** Bộ Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) cần định hướng nông dân và doanh nghiệp sản xuất theo tín hiệu thị trường, tránh việc sản xuất ồ ạt dẫn đến dư thừa và phải bán tháo giá rẻ sang nước bạn – nguyên nhân chính dẫn đến kiện CBPG.

• **Xây dựng chuỗi giá trị và truy xuất nguồn gốc:** Hỗ trợ doanh nghiệp nông nghiệp xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm từ vùng trồng đến bàn ăn. Sự minh bạch về quy trình canh tác và chi phí sản xuất nông nghiệp là bằng chứng thép để bác bỏ các cáo buộc về bán phá giá.

**Phát triển bền vững và tiêu chuẩn xanh:** Trong CPTPP, các tiêu chuẩn về



môi trường và lao động trong nông nghiệp có thể bị lợi dụng để khởi xướng các vụ kiện PVTM kiểu mới. Bộ NN&MT cần dẫn dắt ngành nông nghiệp chuyển đổi sang mô hình sản xuất bền vững để triệt tiêu các rào cản này.

#### **1.5.4. Cơ chế phối hợp định kỳ và xử lý khủng hoảng (Crisis Management)**

• **Thành lập Hội đồng Tư vấn PVTM Liên bộ:** Hội đồng này bao gồm đại diện của 4 Bộ nêu trên và các Hiệp hội ngành hàng lớn. Hội đồng họp định kỳ để rà soát danh sách các mặt hàng có nguy cơ bị kiện và đưa ra kịch bản ứng phó trước.

**Quy trình phản ứng nhanh:** Khi một nước CPTPP chính thức khởi xướng điều tra, cơ chế “phản ứng nhanh” cần được kích hoạt ngay lập tức: Bộ Công Thương chủ trì kỹ thuật, Bộ Ngoại giao hỗ trợ chính trị, Bộ Tài chính cung cấp dữ liệu đối soát và Bộ quản lý chuyên ngành (như Bộ NN&MT hoặc Bộ Công Thương) trực tiếp làm việc với cộng đồng doanh nghiệp bị ảnh hưởng.

## **2. Khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn của Hiệp hội ngành hàng**

Trong các vụ việc phòng vệ thương mại (PVTM), Hiệp hội ngành hàng đóng vai trò then chốt trong việc liên kết các doanh nghiệp riêng lẻ thành một khối thống nhất. Sự chủ động của Hiệp hội thường quyết định đến 50% khả năng thắng kiện hoặc giảm thiểu mức thuế cho toàn ngành.

### **2.1. Nâng cao vai trò điều phối chiến lược và liên kết doanh nghiệp (Consortium Management)**

Khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp Việt Nam là sự rời rạc. Hiệp hội cần đóng vai trò là “nhạc trưởng”:

• **Thành lập Ban chỉ đạo PVTM chuyên trách:** Ngay khi có dấu hiệu bị điều tra, Hiệp hội cần thành lập một nhóm công tác bao gồm các chuyên gia pháp lý, kế toán và đại diện các doanh nghiệp xuất khẩu lớn nhất. Ban này có nhiệm vụ thống nhất chiến lược kháng kiện, tránh việc mỗi

doanh nghiệp khai báo một kiểu dẫn đến số liệu mâu thuẫn, tạo kẽ hở cho cơ quan điều tra nước ngoài béc bở.

- Cơ chế chia sẻ chi phí (Cost-sharing): Chi phí thuê luật sư quốc tế tại các nước CPTPP như Canada hay Úc là cực kỳ đắt đỏ. Hiệp hội cần xây dựng quy chế đóng góp quỹ chung dựa trên tỷ trọng xuất khẩu. Việc này giúp các doanh nghiệp nhỏ (SMEs) có cơ hội được bảo vệ bởi các hãng luật hàng đầu mà họ không bao giờ đủ ngân sách để tự thuê.

Thông nhất việc lựa chọn Luật sư: Hiệp hội nên đứng ra đấu thầu hoặc lựa chọn một công ty luật uy tín nhất để đại diện cho toàn bộ các bị đơn tự nguyện. Điều này tạo ra sức mạnh đàm phán về phí dịch vụ và đảm bảo tính nhất quán trong các luận điểm pháp lý gửi tới cơ quan điều tra.

## 2.2. Xây dựng và quản trị cơ sở dữ liệu ngành hàng (Industry Database)

Cơ quan điều tra nước ngoài thường căn cứ vào thiệt hại của ngành sản xuất nội địa của họ. Hiệp hội Việt Nam cần có dữ liệu đối ứng:

- Hệ thống hóa số liệu sản xuất toàn ngành: Hiệp hội cần nắm rõ năng lực sản xuất, tổng sản lượng, giá bán trung bình và lượng tồn kho của toàn bộ hội viên. Khi bị kiện, những số liệu này là bằng chứng quan trọng để chứng minh rằng hàng hóa Việt Nam xuất khẩu tăng là do nhu cầu thị trường tự nhiên hoặc do lợi thế cạnh tranh hợp pháp, chứ không phải do chiến dịch

phá giá có tổ chức.

Theo dõi giá thế giới và giá tại các thị trường CPTPP: Hiệp hội cần xây dựng báo cáo thị trường định kỳ, giúp doanh nghiệp nhận diện được mức giá “an toàn” để điều chỉnh hợp đồng xuất khẩu trước khi rơi vào vùng nguy hiểm.

## 2.3. Tổ chức đào tạo và nâng cao năng lực thực thi cho hội viên

Hiệp hội là cầu nối đưa các kiến thức hàn lâm của Nhà nước thành kỹ năng thực chiến cho doanh nghiệp:

- Tập huấn chuyên sâu về bản câu hỏi (Questionnaire): Tổ chức các buổi hội thảo mô phỏng (Mock Drill) cách trả lời bản câu hỏi điều tra. Đặc biệt là hướng dẫn doanh nghiệp cách hạch toán chi phí theo Mã quản lý sản phẩm (PCN) – một khái niệm mà nhiều doanh nghiệp Việt vẫn còn lúng túng.

- Hướng dẫn kỹ năng thẩm tra tại chỗ (On-the-spot Investigation): Hiệp hội cần hướng dẫn doanh nghiệp cách chuẩn bị hồ sơ gốc, cách tiếp đón và trả lời chất vấn của các điều tra viên nước ngoài tại nhà máy. Một sai sót nhỏ của một doanh nghiệp trong khâu này cũng có thể ảnh hưởng đến mức thuế trung bình của cả ngành.

Phát triển mạng lưới tư vấn nội bộ: Hình thành đội ngũ chuyên gia về PVTM ngay trong Hiệp hội để hỗ trợ tư vấn sơ bộ 24/7 cho doanh nghiệp ngay khi có vấn đề phát sinh.



#### **2.4. Tăng cường vai trò vận động hành lang (Lobbying) và hợp tác quốc tế**

Trong PVTM, “cuộc chiến” không chỉ diễn ra tại tòa án mà còn ở mặt trận truyền thông và chính trị:

- Hợp tác với các Hiệp hội nhập khẩu và tiêu dùng tại nước sở tại: Hiệp hội Việt Nam cần liên kết với các hiệp hội các nhà nhập khẩu, bán lẻ và người tiêu dùng ở nước nhập khẩu (ví dụ: Hiệp hội các nhà nhập khẩu thủy sản Canada). Những tổ chức này sẽ có tiếng nói bảo vệ hàng Việt Nam vì việc áp thuế CBPG sẽ làm tăng giá tiêu dùng và gây thiệt hại cho chính doanh nghiệp nhập khẩu của họ.

Tham gia vào các tổ chức ngành hàng quốc tế: Sự hiện diện của Hiệp hội Việt Nam tại các diễn đàn ngành hàng toàn cầu giúp chúng ta nắm bắt sớm các xu hướng bảo hộ và tìm kiếm sự ủng hộ từ các đối tác cùng hoàn cảnh (như hiệp hội của các nước đang phát triển khác).

#### **2.5. Xây dựng “bộ quy tắc ứng xử” trong xuất khẩu**

Để tránh việc các doanh nghiệp trong nước tự “hại” nhau:

- Ngăn chặn cạnh tranh phá giá nội bộ: Hiệp hội cần khuyến nghị một mức giá sàn xuất khẩu dựa trên chi phí sản xuất trung bình của ngành. Việc các doanh nghiệp Việt Nam phá giá lẫn nhau trên thị trường quốc tế là lý do hàng đầu khiến các nước sở tại khởi động điều tra CBPG.

Thúc đẩy sản xuất bền vững: Khuyến khích viên áp dụng các tiêu chuẩn xanh, lao động và môi trường của CPTPP. Khi sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, doanh nghiệp sẽ thoát khỏi phân khúc cạnh tranh bằng giá thấp – vốn là phân khúc dễ bị kiện nhất.



**CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ CẢNH BÁO**

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 73037898 - (024) 39393422

Fax: (024) 73037897

Website: [www.trav.gov.vn](http://www.trav.gov.vn)

Email: [TRAV@moit.gov.vn](mailto:TRAV@moit.gov.vn)